

TẠP CHÍ

KINH TẾ

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG
THE ECONOMIC REVIEW



- THỰC HIỆN TỐT CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI, SỚM ĐƯA VIỆT NAM TRỞ THÀNH NƯỚC CÓ CÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI, THU NHẬP TRUNG BÌNH CAO
- NHỮNG ĐIỂM NHẤN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THEO CHIẾN LƯỢC 10 NĂM 2021-2030
- HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021



Ngày 06/02, tại Trụ sở Trung ương Đảng, Bộ Chính trị tổ chức Lễ công bố Quyết định phân công Ủy viên Bộ Chính trị. Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã dự và trao các quyết định. Theo đó, Bộ Chính trị phân công đồng chí Võ Văn Thương, Ủy viên Bộ Chính trị, giữ chức Thường trực Ban Bí thư và đồng chí Trần Tuấn Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, giữ chức Trưởng Ban Kinh tế Trung ương.

Ảnh: TTXVN



Ngày 6/3, tại TP. Hồ Chí Minh, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã có cuộc gặp mặt các doanh nhân, trí thức tiêu biểu với chủ đề “Đối thoại 2045”. Đồng chí Trần Tuấn Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã tham dự buổi gặp mặt.

Ảnh: TTXVN

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Chủ tịch

PGS.TS NGUYỄN HỒNG SƠN

Các Ủy viên

TS. NGUYỄN ĐỨC HIỂN

THS. LÊ THANH TÙNG

THS. BÙI QUỐC DŨNG

TS. ĐẶNG ĐỨC LONG

TS. NGUYỄN TÚ ANH

THS. NGUYỄN VĂN TIẾN

THS. HÀ HẢI AN

TS. ĐOÀN NGỌC XUÂN

PGS.TS NGÔ TRÍ TUỆ

GS.TS. LÊ QUỐC HỘI

PGS.TS. PHAN CHÍ ANH

Tổng Biên tập:

PGS.TS. Ngô Trí Tuệ

Phó Tổng Biên tập

Kiểm Thư ký Tòa soạn:

Nguyễn Thúy Nga

Tòa soạn:

Tầng 9, tòa nhà A3,
phố Nguyễn Cảnh Chân,

quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080 44754

Mỹ thuật:

Mai Văn Bình

TRONG SỐ NÀY

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

3. PGS.TS PHẠM VĂN LINH

Thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, sớm đưa Việt Nam trở thành nước có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao

11. TRẦN QUỐC PHƯƠNG

Những điểm nhấn trong phát triển kinh tế - xã hội theo Chiến lược 10 năm 2021-2030

14. NGUYỄN THÀNH PHONG

Xây dựng Thành phố Thủ Đức trở thành đô thị thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo, hình thành động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

19. NGUYỄN KHẮC ĐỊNH

Những đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2020-2025

23. DƯƠNG VĂN THÁI

Phát triển khu công nghiệp thu hút đầu tư nước ngoài trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2020-2025

26. PHẠM ĐẠI DƯƠNG

Phát triển bền vững kinh tế biển trong giai đoạn mới

30. LÊ DUY THÀNH

Một số nhiệm vụ trọng tâm, đột phá của tỉnh Vĩnh Phúc nhiệm kỳ 2020-2025

33. THÚY NGÀ

Hải Phòng: Vững tin vào sự phát triển bứt phá trong năm 2021 và những năm tiếp theo

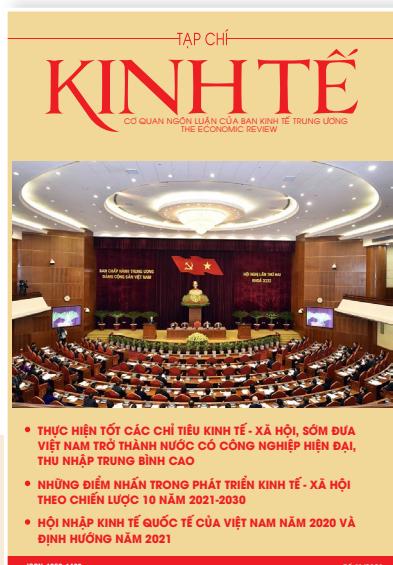


TRIỂN VỌNG KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM NĂM 2021

- 38. PGS.TS. PHẠM THỊ THANH BÌNH**
Kinh tế Việt Nam: Điểm sáng kinh tế toàn cầu
- 44. THS. HÀ HẢI AN VÀ TS. CHU TIẾN ĐẠT**
Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam năm 2020 và định hướng năm 2021
- 50. PGS. TS. NGUYỄN HUY HOÀNG**
Kinh tế Đông Nam Á năm 2020 và triển vọng năm 2021
- 61. ĐỖ THỊ THU HÀ**
Triển vọng kinh tế thế giới năm 2021

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 69. TS. ĐẬU VĂN CÔI**
Phát triển nguồn nhân lực tham mưu cấp chiến lược về kinh tế của Việt Nam trong hội nhập quốc tế - một số tiêu chuẩn và giải pháp cơ bản
- 76. NGUYỄN VĂN TIẾN**
Hướng tới xây dựng nền nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại



Ảnh bìa: Quang cảnh Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XIII.
Ảnh: TTXVN

Giấy phép hoạt động báo chí: 342/GP-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông
cấp ngày 24/7/2015
In tại Công ty TNHH MTV In Tiến bộ



THỰC HIỆN TỐT CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI, SỚM ĐƯA VIỆT NAM TRỞ THÀNH NƯỚC CÓ CÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI, THU NHẬP TRUNG BÌNH CAO

● **PGS.TS PHẠM VĂN LINH**

Phó Chủ tịch Hội Đồng lý luận Trung ương

I. Về mục tiêu, tiêu chí và hệ chỉ tiêu trong xây dựng và phát triển đất nước

1. Ở các nước trên thế giới, khi bàn tới mục tiêu, tiêu chí, chỉ tiêu phát triển, thường đề cập các nội dung về phát triển kinh tế-xã hội, bao hàm cả môi trường. Đây là các vấn đề cơ bản có giá trị phổ quát, có sự đo lường quốc tế, dù tên gọi, mục tiêu đề ra ở các nước có thể khác nhau. Việc đo lường “phát triển kinh tế- xã hội” và “phát triển đất nước”, có những điểm chung, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Phát triển

đất nước phải dựa trên sự phát triển kinh tế- xã hội, coi đây là trụ cột, trung tâm. Tuy nhiên, sự phát triển đất nước còn bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác về chính trị, quốc phòng, an ninh, các nhân tố bên trong, bên ngoài... Bởi vậy, những vấn đề lý luận chung về mục tiêu, tiêu chí và chỉ tiêu tham khảo quốc tế, chỉ đề cập trực tiếp đến phát triển kinh tế- xã hội. Cho đến nay, mục tiêu phát triển ở các nước tuy có khác nhau, nhưng đánh giá về trình độ phát triển giữa các quốc gia, về cơ bản đã có nhiều điểm tương đồng, dựa trên

các tiêu chí của Liên hợp quốc, ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và một số tổ chức quốc tế lớn, uy tín khác. Xét về khái niệm, mục tiêu phát triển đất nước (goal) là thể hiện kết quả đầu ra của nền kinh tế, mỗi quốc gia cần đạt được tại một giai đoạn cụ thể. Có những loại mục tiêu dài hạn, trung hạn, ngắn hạn. Về tiêu chí (criterion) dùng để đo lường, đánh giá việc đạt các mục tiêu đặt ra trong một thời kỳ nhất định. Các tiêu chí dùng để nhận diện và phân biệt các nền kinh tế, được sắp xếp theo một hệ thống có logic, được

gọi là hệ tiêu chí, mỗi tiêu chí có thể được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu cụ thể. Chỉ tiêu (indicator) là sự cụ thể hóa của các tiêu chí, phản ánh các khía cạnh cấu thành nên tiêu chí đó, phản ánh nội dung và bản chất của tiêu chí, trong điều kiện không gian và thời gian, để nhận diện và phân biệt trình độ phát triển của quốc gia này so với quốc gia khác. Mục tiêu có vai trò quan trọng trong việc làm rõ hướng đích của sự phát triển, trong khi tiêu chí có vai trò cụ thể hóa các mục tiêu đó. Các mục tiêu vừa mang đặc điểm riêng, đồng thời cũng phản ánh xu thế quốc tế, mang tính thời đại và được dùng để nhận diện và đánh giá mức độ phát triển. Các chỉ tiêu cơ bản phải đo lường được, có nguồn dữ liệu rõ ràng, minh bạch, làm rõ chuẩn mực và thể hiện rõ mức độ phát triển của các quốc gia trong từng thời kỳ, trong sự so sánh với các quốc gia khác. Liên hợp quốc đã đề ra mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, được 189 quốc gia thành viên nhất trí phẩn đầu đạt được vào năm 2015, gồm 8 mục tiêu chung, 18 mục tiêu cụ thể, 48 chỉ tiêu; Mục tiêu phát triển bền vững được 193 thành viên nhất trí, để thay cho các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và được thực hiện đến năm 2030, gồm 17 mục tiêu toàn cầu và 169 chỉ tiêu cụ thể.

Để đo lường sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, người ta thường sử dụng một số chỉ tiêu sau: 1) Tổng sản phẩm trong nước (GDP) phản ánh giá trị mới của hàng hóa và dịch vụ được tạo ra của toàn bộ nền kinh

tế trong một khoảng thời gian nhất định. GDP được tính theo giá hiện hành và giá so sánh, có thể được tính bằng 3 phương pháp. 2) Tổng sản phẩm quốc gia (GNP) là một chỉ tiêu kinh tế, được tính như tổng giá trị bằng tiền của các sản phẩm cuối cùng và dịch vụ mà công dân của một nước làm ra trong một khoảng thời gian nào đó, thông thường là một năm tài chính, không kể làm ra ở đâu (trong hay ngoài nước). 3) Tổng thu nhập quốc gia (GNI) là chỉ tiêu phản ánh tổng thu nhập lần đầu, được tạo ra từ các yếu tố thuộc sở hữu của quốc gia, tham gia vào hoạt động sản xuất trên phạm vi lãnh thổ quốc gia hoặc ở trên lãnh thổ nước ngoài tại một thời kỳ nhất định. 4) GNI bình quân đầu người, là chỉ tiêu được tính bằng tổng thu nhập quốc dân chia cho dân số trung bình năm. Khi so sánh và đánh giá sự tăng trưởng của các quốc gia, nhiều tổ chức có thể dùng các tiêu chí như GDP, GNP hay GNI hay GNI/người, GDP/người tính theo sức mua tương đương. Tuy nhiên, các tiêu chí này chỉ phản ánh sự tăng trưởng kinh tế về lượng đơn thuần. Chính vì vậy, Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) đã lượng hóa tác động của sự tăng trưởng đến sự phát triển con người, thể hiện ở cuộc sống khỏe mạnh và trường thọ, có tri thức và những nguồn lực, để đảm bảo một cuộc sống tốt hơn qua chỉ số phát triển con người HDI. Đây là chỉ số tổng hợp phản ánh chất lượng cuộc sống, đặc biệt còn được sử dụng để xác định sự ảnh hưởng của các chính sách kinh tế

đến chất lượng cuộc sống.

Cho đến nay, dựa vào các chỉ tiêu và một số dấu hiệu khác, trên thế giới đã có sự phân loại các quốc gia theo mức độ phát triển như: Căn cứ vào thay đổi cơ cấu ngành kinh tế trong quá trình phát triển của các quốc gia đã hoàn thành công nghiệp hóa, năm 1955, Rostow xác định, các quốc gia cần qua 5 giai đoạn; căn cứ thu nhập theo đầu người, WB chia các quốc gia thành 4 nhóm: thấp, trung bình thấp, trung bình cao, cao; căn cứ theo thu nhập, đầu tư và khả năng trả nợ, IMF chia các nền kinh tế thành 2 nhóm: Các nước tiên tiến và các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi; căn cứ vào chỉ số phát triển con người, UNDP phân loại các nước thành 4 nhóm: Trình độ phát triển con người thấp, trung bình, cao và rất cao; phân loại quốc gia theo các giai đoạn thực hiện quá trình công nghiệp hóa, UNIDO, năm 2012 chia thành 4 nhóm nước: Đã công nghiệp hóa, nền kinh tế công nghiệp mới nổi; nền kinh tế đang phát triển khác và nền kinh tế kém phát triển. Ngoài ra, tùy theo mục tiêu, các nhà nghiên cứu còn phân loại theo các chỉ số: Chỉ số hạnh phúc hành tinh; chỉ số hạnh phúc thế giới; hiệu quả hoạt động môi trường; đổi mới sáng tạo toàn cầu; kinh tế tri thức; tự do kinh tế; năng lực cạnh tranh toàn cầu; năng lực cạnh tranh công nghiệp; chỉ số chất lượng cuộc sống tốt hơn; chỉ số GINI; chỉ số dân chủ; chỉ số cảm nhận tham nhũng; chỉ số hòa bình toàn cầu. Gần đây, đã có một số chỉ tiêu phản ánh

chất lượng tăng trưởng như: GDP xanh; chỉ số (MDGs) quan tâm nhiều hơn đến cảm nhận về hạnh phúc và quyền tự do trong các quốc gia...

2. Việc xác định mục tiêu phát triển trong ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của một quốc gia luôn có vị trí quan trọng hàng đầu đối với các chính phủ, là cơ sở để xây dựng các chính sách, giải pháp thực hiện, vừa thể hiện trọng tâm ưu tiên, thông qua vai trò Nhà nước và sự vận động của cơ chế thị trường để phân bổ có hiệu quả các nguồn lực. Các mục tiêu khi được xác định là tiền đề cho việc xây dựng hệ chỉ tiêu trên từng lĩnh vực, thông qua việc thực hiện cũng thể hiện uy tín của chính phủ đối với người dân. Bởi vậy, có một số nguyên tắc chung trong việc xây dựng mục tiêu và chỉ tiêu nhiều quốc gia đã thực hiện là:

Một là, mục tiêu cần được xác định rõ ràng trong quá trình thực hiện, phù hợp với đặc điểm mỗi quốc gia và xu thế phát triển của thế giới.

Xây dựng mục tiêu cần phải đảm bảo các yêu cầu: 1) Tạo được động lực phấn đấu của người dân, doanh nghiệp thông qua việc chỉ rõ lợi ích người dân được thụ hưởng, tránh để tham vọng chính trị lấn át khả năng hiện thực hóa trên thực tế; 2) Các mục tiêu đặt ra kỳ vọng phát triển, song phải rõ ràng, không mơ hồ, có thể định lượng được, có tính khả thi; 3) Vừa có tính kế thừa, vừa dự liệu khả năng đạt được gắn với bối cảnh trong nước, thế giới luôn thay đổi, phù hợp với đặc điểm mỗi nước và

mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc; 4) Xác định mục tiêu vừa có tính động, mở nhưng phải rõ hướng ưu tiên, có khả năng điều chỉnh qua từng giai đoạn. Kinh nghiệm đưa ra định hướng mục tiêu của một số nước khá rõ ràng, thể hiện khát vọng, không gây tranh cãi, như: Mục tiêu trong Chiến lược 2011-2025: Phát triển Indonexia tự chủ, tiến bộ, công bằng và thịnh vượng; với Thái Lan là tầm nhìn phát triển 2017-2036: An ninh, Thịnh vượng và bền vững; Trung Quốc xây dựng toàn diện xã hội khá giả..

Hai là, các chỉ tiêu đặt ra không nên quá nhiều, nhất là các chỉ tiêu pháp lệnh, đồng thời chuyển từ đo lường tăng trưởng, phát triển về lượng sang chất lượng phúc lợi người dân được thụ hưởng.

Xây dựng và thực hiện hệ chỉ tiêu phục vụ mục tiêu phát triển đất nước chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố, trong đó có vai trò của Nhà nước và mức độ hoàn thiện của thị trường. Các nước phát triển, vai trò can thiệp của Nhà nước vào hoạt động của

nền kinh tế ít hơn, chẳng hạn ở Anh, khi xây dựng mục tiêu dài hạn, xác định xây dựng một nền kinh tế mạnh hơn và bảo đảm tốt hơn cho sự phát triển đất nước bằng việc xác định 5 chỉ tiêu: giảm thâm hụt ngân sách; cắt giảm thuế; tạo thêm việc làm; bảo đảm phúc lợi và giảm nhập cư; cung cấp trường học tốt nhất. EU chỉ xác định có 6 chỉ tiêu pháp lệnh. Các mục tiêu, chỉ tiêu này phần lớn mang ý nghĩa cam kết của chính phủ, hoặc để giải trình chi tiêu, không có ý nghĩa pháp lý chính phủ phải đạt được. Bên cạnh đó, điểm mới trong việc xây dựng mục tiêu, tiêu chí hiện nay là chuyển từ đo lường tăng trưởng, phát triển kinh tế và thu nhập sang phúc lợi cho người dân, lấy người dân làm trung tâm. Cách tiếp cận này có sự giống nhau ở các nước phát triển, đặc biệt là các nước Bắc Âu.

Ba là, việc xây dựng và thực hiện mục tiêu, hệ tiêu chí luôn tính đến các nhân tố bất thường khi nền kinh tế gặp cú sốc lớn, nhất là chiến tranh, thiên tai,



khủng hoảng, bệnh dịch...điều đó đòi hỏi:

- Xây dựng cơ chế tự điều chỉnh các chỉ tiêu, các ngưỡng tài chính, ngân sách. Khi có nhân tố bất thường, các cơ chế điều chỉnh tự động và phản hồi chính sách được kích hoạt, giúp chính phủ tăng cường hiệu lực, điều chỉnh các nguồn lực. Chẳng hạn, đối với nợ công: Ba Lan và Slovakia đặt mức trần nợ công ở mức tương đương 60% GDP. Tại Slovakia, khi tỷ lệ nợ lên 50% GDP, Bộ trưởng Tài chính có nghĩa vụ giải trình trước Quốc hội và đưa ra những giải pháp giảm nợ công; khi lên tới mức 53% GDP, chính phủ có thể sẽ thông qua một gói các biện pháp để giảm mức nợ; và khi tới mức 55% GDP, chi tiêu công có thể sẽ bị cắt giảm tự động 3% và chi tiêu cho năm kế tiếp sẽ bị “đóng băng”, trừ các quỹ liên kết với EU. Đối với cân đối NSNN: Quy tắc cân bằng cơ cấu ngân sách của Thụy Sĩ và Đức có cơ chế tự điều chỉnh nhằm “phanh nợ”. Khi sự chênh lệch tích lũy vượt một ngưỡng thì cơ chế “chỉnh sửa” nhằm làm giảm chênh lệch sẽ được kích hoạt, với thời hạn cho điều chỉnh được xác lập sẵn.

- Quy định trường hợp được phép miễn áp dụng các nguyên tắc tài chính, ngân sách hiện hành khi khẩn cấp. Các điều khoản miễn áp dụng các quy định tài chính, ngân sách, cụ thể là : 1) Giới hạn và xác định rõ những yếu tố, những trường hợp được phép miễn áp dụng; 2) Đưa ra chỉ dẫn rõ ràng về việc nội dung, cách thức giải trình, lý giải và việc xác định các trường hợp; 3) Xác

định lộ trình quay trở lại áp dụng các quy định đã bị hoãn để xử lý những sai lệch. Các điều khoản miễn áp dụng này được thực hiện ở Brazil, Colombia, Đức, Mexico, Jamaica, Panama, Peru, Romania, Slovakia, Tây Ban Nha và Thụy Sĩ, nhất là trong giai đoạn suy thoái kinh tế, thiên tai hay giải cứu hệ thống ngân hàng (Slovakia). Trong thời kỳ khủng hoảng tài chính, nhiều nước đã tạm thời không áp dụng cơ chế, nguyên tắc tài chính, ngân sách hoặc được điều chỉnh bằng cách nới lỏng theo hướng linh hoạt hơn...

Bốn là, một số chỉ tiêu là ngưỡng an toàn cần phải điều chỉnh theo giai đoạn, nhất là khi bối cảnh mới tác động mạnh đến điều kiện thực hiện

- Các ngưỡng nêu trên hầu hết có ý nghĩa cảnh báo cho các nước, trong quá trình điều hành kinh tế vĩ mô, điển hình là trường hợp ngưỡng an toàn về nợ công, nợ nước ngoài như ở một số quốc gia châu Âu. Đối với ngưỡng về dự trữ ngoại hối, một số nước như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... không tính đến các ngưỡng thông thường do có dự trữ nhiều. Gần đây, IMF (2013) đã đưa yếu tố nhận kiều hối, là nhân tố quan trọng trong đánh giá tính bền vững của nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia..

- Một số nhân tố ảnh hưởng tới việc áp dụng và cảnh báo các chỉ tiêu có liên quan tới chuẩn mực an toàn, quy định về thống kê, thu thập dữ liệu, việc phân tích, công khai chỉ tiêu và khả năng so sánh quốc tế, đặc biệt là

các yếu tố chính trị, kinh tế,... ảnh hưởng tới việc xây dựng và áp dụng các chỉ tiêu kinh tế của mỗi quốc gia cũng cần được điều chỉnh.

Năm là, xây dựng và thực hiện mục tiêu, hệ tiêu chí phát triển đất nước hiện nay ở các nước ASEAN cần tính đầy đủ, sâu sắc các nhân tố tác động mới, như: 1) Tác động của đại dịch Covid-19; 2) Tác động của căng thẳng thương mại Mỹ-Trung lên các lĩnh vực thương mại và đầu tư, tài chính; 3) Gia tăng xu hướng Nam tiến (ASEAN) của các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, vùng lãnh thổ Đài Loan; 4) Tranh chấp lãnh hải và thay đổi lớn trong các tuyến hàng hải quốc tế qua Biển Đông; 5) Tác động của tiến bộ công nghệ, đặc biệt là Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư; 6) Sự phân tán đầu tư quốc tế từ một số nước lớn ra các nước khác; 7) Chi phí nhân công trong nước ngày càng tăng; 8) Nguy cơ tăng ô nhiễm môi trường; 9) Hệ lụy của biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn.

II. Về mục tiêu, hệ chỉ tiêu phát triển đất nước trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng

1. Các Văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng đã nêu các mục tiêu đến 2045, 2030 và 2025 với mục tiêu tổng quát và các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể. Theo đó, Báo cáo Chính trị xác định mục tiêu tổng quát với 7 nội dung: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước,

chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa⁽¹⁾. Đồng thời, xác định 3 mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn:

- Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Căn cứ theo các mục tiêu cụ thể này, các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025 được xác định theo 3 nhóm về kinh tế, xã hội và môi trường, theo đó về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5-7%/năm. GDP bình quân đầu người khoảng 4.700-5000 USD; đóng góp của năng xuất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào

tăng trưởng đạt khoảng 45%; tốc độ tăng năng xuất xã hội bình quân trên 6,5%/năm; tỷ lệ đô thị hóa khoảng 45%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 25% GDP; kinh tế số đạt khoảng 20% GDP. Về xã hội: Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; tỷ lệ lao động qua đào tạo là 70%; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1-1,5%/năm; có 10 bác sĩ và 30 giường bệnh trên một vạn dân; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số; tuổi thọ trung bình khoảng 74,5% tuổi; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80%, trong đó ít nhất 10% đạt chuẩn nông thôn kiểu mẫu. Về môi trường: Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95-100%, nông thôn là 93-95%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; giữ tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%⁽²⁾.

Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 10 năm 2021-2030, xác định 7 nội dung lớn của mục tiêu tổng quát: "... Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao", nhấn mạnh đến năm 2030, Việt Nam có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng

động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo... không ngừng nâng cao mọi mặt đời sống của người dân. Đồng thời, cũng đưa ra 3 nhóm chỉ tiêu gồm: 7 chỉ tiêu về kinh tế; 4 chỉ tiêu về xã hội và 5 chỉ tiêu về môi trường. Việc xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, hệ thống các chỉ tiêu trên có một số điểm đáng lưu ý:

Một là, các mục tiêu cơ bản đã rõ ràng, cụ thể, có tính kế thừa, hợp lý hơn giữa nhóm chỉ tiêu về kinh tế và nhóm chỉ tiêu về xã hội và môi trường, phản ánh được đặc điểm, trình độ phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Để thực hiện tốt các chỉ tiêu, luôn coi trọng các điều kiện đảm bảo.

Hai là, mục tiêu, chỉ tiêu đã mang tính động lực, thể hiện được mục tiêu phấn đấu và hướng kết quả người dân được thụ hưởng. Phản ánh được thành quả phát triển của đất nước theo các mốc sự kiện lịch sử, nhưng vẫn phù hợp với xu thế, chuẩn mực chung của thế giới về phân loại quốc gia, thu nhập, có thể đo lường được.

Ba là, cơ cấu các chỉ tiêu đã có xu hướng giảm, năm 2025 khoảng 19 tiêu chí, năm 2030 còn 17 chỉ tiêu, từng bước phản ánh được mức độ hiện đại của

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, NXB CTQGST.H. 2021. Tr 112

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, NXB CTQGST.H. 2021. Tr 114

nền kinh tế, như các chỉ tiêu về TFP, chỉ tiêu về kinh tế số... Từng bước xác định, thể hiện gắn bó hữu cơ giữa các nhóm chỉ tiêu về *phát triển*, phản ánh khái quát tình hình phát triển trong từng giai đoạn 2025, 2030 và tầm nhìn 2045. Nhóm chỉ tiêu về *chất lượng phát triển* của nền kinh tế, liên quan đến tính bao trùm, tính bền vững của nền kinh tế và chất lượng cuộc sống của người dân. Nhóm chỉ tiêu về động lực phát triển, tập trung vào các vấn đề thể chế phát triển, môi trường kinh doanh, cơ sở hạ tầng, chất lượng đổi mới sáng tạo và nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Đã chú ý tới nhóm chỉ tiêu về động lực phát triển, bám sát các khâu đột phá trong từng giai đoạn 2030, 2045.

Bốn là, từng bước tách dần các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung hướng tới mục tiêu phát triển trong từng thời kỳ với chỉ tiêu phục vụ quản lý, điều hành của Nhà nước, như các cân đối lớn cần đạt, các chỉ tiêu về tăng tổng tích lũy tài sản khoảng 27-28% GDP; duy trì tỷ trọng tiêu dùng cuối cùng không thấp hơn 73% GDP; tổng đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng khoảng 32-34% GDP; tỷ lệ huy động nguồn ngân sách nhiệm kỳ khóa XIII đạt khoảng 15-16% GDP; nợ công 60% GDP...

Năm là, đã từng bước chuyển trọng tâm xác định tiêu chí theo hướng đo lường tăng trưởng kinh tế và thu nhập, sang chất lượng cuộc sống, mức độ hạnh phúc của người dân, lấy người dân làm trung tâm, không ai bị bỏ lại phía sau. Chẳng hạn, bên

cạnh việc xác định chỉ tiêu tăng trưởng GDP và GDP theo đầu người, Việt Nam cũng đưa ra các chỉ tiêu theo lộ trình nhằm phấn đấu giảm bất bình đẳng về thu nhập, về chất lượng giáo dục, y tế, tác hại về môi trường, điều này thực chất là sự phản ánh tính ưu việt của nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, luôn gắn thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế với các chính sách xã hội, gắn ngay từ đầu, trong từng bước đi, từng chính sách phát triển.

III. Bối cảnh, nguyên tắc và định hướng một số giải pháp thực hiện tốt các chỉ tiêu, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước ở Việt Nam thời gian tới

1. Bối cảnh mới của đất nước đặt ra nhiều thời cơ và thách thức trong việc thực hiện các chỉ tiêu, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước 2025 đến 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, từng giai đoạn thực hiện tốt, sẽ là tiền đề để thực hiện các mục tiêu của giai đoạn tiếp theo và trước hết mục tiêu là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp vào năm 2025. Các nhân tố bên ngoài tác động đến việc thực hiện các chỉ tiêu trong từng giai đoạn, trước hết là một số xu thế lớn của thế giới đang nổi lên hiện nay về hòa bình, hợp tác, liên kết để phát triển đi kèm theo là chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xung đột cục bộ, sắc tộc, tranh chấp lãnh thổ; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn cùng với sự điều chỉnh chiến lược, chính sách ở nhiều

quốc gia; tình hình Biển Đông diễn biến phức tạp. Một số nhân tố tác động tới tăng trưởng kinh tế, như đại dịch Covid-19, các liên kết kinh tế khu vực bị ảnh hưởng bởi liên kết kinh tế toàn cầu; xu hướng đa cực, nhiều trung tâm kinh tế làm xuất hiện nhiều nền kinh tế mới nổi; nhiều mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn như kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh. Sự xuất hiện ngày càng nhiều các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đi đôi với việc gia tăng các hàng rào bảo hộ thương mại phi thuế quan. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các thách thức về biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, thiên tai dịch bệnh... là những thách thức, thời cơ đan xen đối với mỗi quốc gia trong quá trình phát triển.

Ở trong nước, thuận lợi căn bản chính là cơ đồ, vị thế, uy tín và tiềm lực của đất nước sau 35 năm đổi mới, tình hình chính trị và xã hội, kinh tế vĩ mô ổn định. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo chiều sâu, chất lượng tăng trưởng được cải thiện. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường... Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều rủi ro, thách thức trong việc hoàn thành các chỉ tiêu phát triển. Nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và khả năng tụt hậu xa hơn về kinh tế vẫn là thách thức lớn; một số khó khăn nội tại của nền kinh tế vẫn chậm được khắc phục. Độ mở của nền kinh tế lớn làm cho những tác động bất lợi từ bên ngoài diễn ra nhanh và mạnh hơn. Một số

vấn đề xã hội gây áp lực lớn đến sự phát triển kinh tế- xã hội, ảnh hưởng tới việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo, như già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai dịch bệnh, đặc biệt là những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 trên thế giới và trong nước hiện nay.

2. Các nguyên tắc trong thực hiện hệ chỉ tiêu phù hợp với thực tiễn Việt Nam

Để thực hiện tốt các chỉ tiêu, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước trong giai đoạn mới, cần xác định đúng đắn một số nguyên tắc cơ bản sau:

a. Quán triệt đầy đủ 5 quan điểm chỉ đạo được nêu trong Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIII của Đảng; xử lý đúng đắn 10 mối quan hệ lớn trong quá trình đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đây là các nguyên tắc chung, bao trùm chi phối toàn bộ sự phát triển của đất nước hiện nay và giai đoạn tiếp theo.

b. Đảm bảo tính nhất quán,

đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; giữa phát triển bên trong và tranh thủ bên ngoài, trong đó giữ ổn định, phát triển bên trong có vai trò quyết định.

c. Luôn xác định các hướng ưu tiên, khâu đột phá trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu, phục vụ mục tiêu phát triển, nhất là trong điều kiện có những tác động bất lợi từ bên ngoài. Đây là cơ sở để tạo đột biến trong phát triển.

3. Định hướng một số giải pháp cơ bản trong thời gian tới

Một là, đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về thuận lợi và khó khăn, nội dung cơ bản các văn kiện Đại hội, nhiệm vụ, mục tiêu, các nhóm biện pháp cụ thể thực hiện các chỉ tiêu ngay sau Đại hội Đảng, cũng như sớm kiện toàn các cơ quan trong hệ thống chính trị của nhiệm kỳ mới. Mục tiêu, hệ chỉ tiêu cần đạt trong mỗi giai đoạn cần phải quán triệt sâu rộng, thiết thực, hiệu quả tới

tất cả cán bộ, đảng viên và nhân dân, các cấp, các ngành trong cả nước. Lòng tin, sự kỳ vọng vào một giai đoạn mới, khát vọng phát triển là một động lực quan trọng để biến chủ trương, đường lối của Đảng thành hành động cách mạng cụ thể. Tuy nhiên, việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phải dựa trên kế hoạch, chương trình hành động cụ thể, có lộ trình, điều kiện đảm bảo và rõ trách nhiệm. Vì thế yêu cầu kiện toàn bộ máy lãnh đạo, các cơ quan trong hệ thống chính trị ngay từ đầu nhiệm kỳ là hết sức quan trọng để tổ chức thực hiện.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị xã hội của các cơ quan công quyền, đẩy nhanh quá trình xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ số trong điều kiện mới. Thể chế phát triển, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa khi được hoàn thiện có vai



trò quan trọng trong việc tạo môi trường pháp lý minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, giải phóng sức sản xuất xã hội, phát huy hiệu quả các đột phá chiến lược, các giải pháp để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, xây dựng đội ngũ cán bộ công quyền chuyên nghiệp; đổi mới mạnh mẽ việc phân cấp, phân quyền, từng bước cụ thể hóa các mục tiêu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số đứng trong nhóm 50 và môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu thế giới.

Ba là, tiếp tục thúc đẩy đi vào chiều sâu việc cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện mới. Cơ cấu lại nền kinh tế trong điều kiện Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam phải được thực hiện quyết liệt, thực chất. Mô hình tăng trưởng phải hướng tới năng suất, sức cạnh tranh dựa trên khoa học và công nghệ. Do vậy, đẩy nhanh phát triển kinh tế số, xã hội số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới. Cần cơ cấu lại đầu tư theo các mục tiêu, nhiệm vụ ưu tiên, nhất là các chỉ tiêu có tính động lực, phản ánh chất lượng tăng trưởng. Xây dựng và hoàn thiện nền tài chính quốc gia hiện đại, đảm bảo hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh, tính minh bạch và áp dụng các chuẩn

mức quốc tế. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, quản trị hiện đại theo chuẩn mức quốc tế. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Bốn là, trong điều kiện mới, việc thực hiện các chỉ tiêu phục vụ mục tiêu phát triển phụ thuộc rất nhiều vào khoa học, công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực, các lĩnh vực văn hóa, xã hội con người. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với thị trường và thông lệ quốc tế, có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ, lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Tiếp tục mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường khoa học, công nghệ gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu. Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, coi đó là động lực chính để tăng trưởng kinh tế. Thúc đẩy sự phát triển của khoa học xã hội và nhân văn, lý luận chính trị. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, quản lý xã hội. Tạo sự chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. Chuyển mạnh quá trình

giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, gắn đào tạo với sử dụng, đặc biệt là những lĩnh vực, mục tiêu đất nước ưu tiên. Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn trong gia đình, nhà trường và xã hội. Nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe cho người dân. Phấn đấu sớm hoàn thành các mục tiêu theo Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

Năm là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong thực hiện các chỉ tiêu phục vụ mục tiêu phát triển đất nước. Việc giảm dần các chỉ tiêu pháp lệnh trong thiết kế mô hình phát triển là xu thế chung của các quốc gia trên thế giới, điều này cũng phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Do đó vai trò lãnh đạo, định hướng của Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước có ý nghĩa hết sức quan trọng. Các cấp ủy Đảng căn cứ theo chủ trương chung, xác định các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm để lãnh đạo việc tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, chính quyền các cấp phải có chương trình hành động cụ thể, nâng cao hiệu quả quản trị công, xây dựng bộ máy công quyền hoạt động hiệu lực, hiệu quả; huy động các nguồn lực, đặc biệt là các nguồn lực ngoài ngân sách. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu, các mục tiêu cũng như xử lý kịp thời các vấn đề đặt ra trong thực tiễn ■



NHỮNG ĐIỂM NHẤN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THEO CHIẾN LƯỢC 10 NĂM 2021-2030

● **TRẦN QUỐC PHƯƠNG**

Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 được xây dựng trên cơ sở kế thừa, bổ sung và phát triển các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trước, nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ và xuyên suốt trong chủ trương phát triển của Đảng ta. Các quan điểm, định hướng của Chiến lược dựa trên căn cứ lý luận vững chắc và sát hợp với tình hình thực tiễn; vừa kế thừa, phát huy những thành tựu của 35 năm đổi mới, vừa bổ sung, phát triển, bảo đảm phù hợp với xu hướng vận động trong nước và thế giới.

Các điểm nhấn, điểm mới được thể hiện ở tất cả các nội dung của Chiến lược từ quan điểm phát triển, đến mục tiêu và đột phá chiến lược, các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong 10 năm tới.

Thứ nhất, về các quan điểm phát triển:

Các quan điểm phát triển trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 được kế thừa từ Chiến lược 2011-2020, nhưng được bổ sung các nội hàm mới, phù hợp với bối cảnh và điều kiện phát triển mới của đất nước, cụ thể bao gồm: (1) Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập

quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; (2) Lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất, nhất là đất đai. Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới; (3) Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát

huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hoá, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững; (4) Xây dựng nền kinh tế tự chủ phải trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hoá thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế. Phải hình thành năng lực sản xuất quốc gia mới có tính tự chủ, tham gia hiệu quả, cải thiện vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu và khả năng chống chịu hiệu quả trước các tác động lớn, bất thường từ bên ngoài; (5) Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với củng

cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; giữ vững an ninh chính trị; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Thứ hai, về mục tiêu chiến lược:

Khác với các Chiến lược trước đây, trong Chiến lược 2021-2030, mục tiêu phát triển đất nước không chỉ xác định cho thời kỳ Chiến lược - đến năm 2030 (kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng) mà còn xây dựng mục tiêu đến năm 2045 (kỷ niệm 100 năm thành lập nước). **Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống hạnh phúc của người dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.**

Trong Chiến lược đề ra mục tiêu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình

quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 7.500 USD/người.

Mục tiêu về tốc độ tăng trưởng kinh tế 10 năm tới đề ra trong Chiến lược là khá cao khi quy mô nền kinh tế của nước ta đã khá lớn, theo đánh giá lại quy mô nền kinh tế của Tổng cục Thống kê, GDP nước ta năm 2020 đạt 343,6 tỉ USD. Hơn nữa, tốc độ tăng trưởng GDP có xu thế giảm dần, từ mức tăng trưởng 7,56%/năm thời kỳ 1991-2000, giảm xuống 7,26%/năm giai đoạn 2001-2010 và 5,95%/năm thời kỳ 2011-2020. Tuy nhiên, để thực hiện khát vọng phát triển, xây dựng Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 trở thành nước thu nhập trung bình cao, có công nghiệp hiện đại và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao thì phải đặt ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế khoảng 7%/năm và để đạt được mục tiêu đó phải đẩy mạnh cải cách thể chế, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện quyết liệt chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số, kích cầu đầu

tư phát triển kết cấu hạ tầng quy mô lớn, thúc đẩy tiêu dùng nội địa, giải quyết việc làm... Mặc dù đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, nhưng đồng thời cũng mang lại cơ hội mới cho phát triển, thu hẹp khoảng cách với các nước khác và vượt qua bẫy thu nhập trung bình.

Thứ ba, về các đột phá chiến lược:

Trong Chiến lược 2021-2030 vẫn tiếp tục thực hiện ba đột phá chiến lược về thể chế, nhân lực và kết cấu hạ tầng, nhưng bổ sung các nội hàm của các đột phá chiến lược phù hợp với tình hình đất nước trong giai đoạn tới, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của khoa học công nghệ và giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong đột phá thứ hai, cụ thể bao gồm: (i) Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, trọng tâm là thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất,



khoa học, công nghệ. Huy động, sử dụng các nguồn lực thực hiện theo cơ chế thị trường; (ii) Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam. Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; (iii) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu về giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, đô thị lớn, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển mạnh hạ tầng số, xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, vùng, địa phương kết nối đồng bộ, thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

Thứ tư, đưa ra một số phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển mới:

Những điểm mới trong phương phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 thể hiện rõ trong việc tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, nguồn nhân lực, cơ cấu lại nền kinh tế, cụ thể như sau:

- Xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp lý, thử nghiệm cơ chế, chính sách đặc thù để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, kinh tế số, phát triển các mô hình kinh tế mới, khởi nghiệp sáng tạo, cung cấp dịch vụ công, quản lý và bảo

vệ môi trường...

- Đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn, nhất là dữ liệu về dân cư, y tế, giáo dục, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, nhà ở, phục vụ kịp thời, hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành xây dựng chính phủ số; đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số.

- Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số, kết nối 5G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, Internet vạn vật, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường để chuyển đổi, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh

doanh mới.

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, chú ý phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân tài cho phát triển kinh tế - xã hội. Khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người dân được phát huy các năng lực tự do sáng tạo trong đời sống kinh tế, xã hội.

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả. Tập trung phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực, thế giới.

- Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân của người Việt Nam cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế. Xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Khuyến khích hình thành, phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế ■



XÂY DỰNG THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC TRỞ THÀNH ĐÔ THỊ THÔNG MINH, TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, HÌNH THÀNH ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

● **NGUYỄN THÀNH PHONG**

Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Bí Thư Thành ủy, Chủ tịch UBND TP Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, là đầu tàu, động lực, có sức thu hút và sức lan toả lớn của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước. Mặc dù dân số Thành phố chỉ chiếm 9,3% dân số cả nước, diện tích chỉ chiếm 0,6% diện tích cả nước nhưng Thành phố đóng góp hơn 22% GDP và

27% ngân sách quốc gia, quy mô GRDP của Thành phố năm 2019 đã bằng GDP năm 2007 của Việt Nam.

Tuy nhiên, sự vượt trội của Thành phố đang có dấu hiệu chậm lại, đòi hỏi Thành phố phải kiến tạo một mô hình, một trung tâm động lực tăng trưởng mới mạnh mẽ trong lòng thành phố, từ đó lan tỏa ra toàn Thành phố và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Để làm được điều này, tháng 9 năm 2019, Thành phố đã triển khai quy hoạch

Khu đô thị sáng tạo, tương tác cao phía Đông Thành phố (gồm toàn bộ diện tích của 3 quận: 2, 9 và Thủ Đức), đồng thời kiến nghị và được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 cho phép thành lập Thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là mô hình mang tính đột phá, với mục tiêu trọng tâm là phát triển Khu đô thị sáng tạo, tương tác cao phía Đông Thành phố (về mặt hành chính là Thành phố Thủ Đức)

trên nền tảng đô thị thông minh và sự sáng tạo.

Trên cơ sở nghiên cứu các mô hình Khu đô thị sáng tạo, tương tác cao của một số quốc gia trên thế giới, nhất là mô hình “Thành phố trong Thành phố” thì Thành phố Thủ Đức đã chứa đựng một số tiền đề rất quan trọng để hình thành một trung tâm động lực tăng trưởng mới, mạnh mẽ cho Thành phố, đó là:

Thành phố Thủ Đức có vị trí địa lý quan trọng, nằm ở cửa ngõ Đông Bắc Thành phố Hồ Chí Minh, phía Đông giáp thành phố Biên Hòa và huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Phía Tây giáp Quận 1, 12, Gò Vấp và quận Bình Thạnh. Phía Nam giáp Quận 4, 7 và huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Phía Bắc giáp thành phố Dĩ An và thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Thành phố Thủ Đức được kết nối với trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh qua hầm Thủ Thiêm, cầu Thủ Thiêm 2, cầu Sài Gòn, Đại lộ Phạm Văn Đồng, Xa lộ Hà Nội,... Ngoài ra, hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển nhanh chóng và đồng bộ, giúp Thành phố Thủ Đức giữ vai trò quan trọng trong việc giao thương với các tỉnh thành trong Vùng, tạo thành “tiểu vùng đô thị trung tâm” của Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phố Thủ Đức còn có nhiều yếu tố thuận lợi để tạo tiền đề cho phát triển kinh tế, dựa trên 3 trụ cột sẵn có, đó là: Khu đô thị mới Thủ Thiêm, định hướng trở thành khu đô thị thông minh tương tác cao về

tài chính, ngân hàng, một trung tâm tài chính của khu vực và quốc tế trong tương lai. Khu Công nghệ cao diện tích 700ha, 35.000 lao động và hơn 7,6 tỷ USD vốn đầu tư. Khu Đại học với 12 trường đại học, trong đó Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh là một cơ sở đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học - công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, với trình độ tiên tiến, làm nòng cốt cho hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Đây là khu vực sẽ dẫn dắt phát triển kinh tế từ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển công nghệ thông tin.

Cùng với đó, Công viên Khoa học và Công nghệ, Viện Công nghệ tiên tiến và đổi mới sáng tạo thành lập trong thời gian tới và đặt trụ sở tại Thành phố Thủ Đức, sẽ là điểm nhấn kết nối và phát triển công nghệ mới. Như vậy, đến nay, Thành phố Thủ Đức đang tích tụ nhiều yếu tố thuận lợi để phát triển thành đô thị thông minh, đô thị sáng tạo với mũi nhọn là kinh tế tri thức, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm tài chính, thúc đẩy sự phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như hỗ trợ các đô thị trong Vùng cùng phát triển.

Thành phố Thủ Đức cũng tác động lớn đến mối liên hệ trong Vùng, thông qua kết nối giữa Thành phố Hồ Chí Minh với tỉnh Bình Dương và tỉnh Đồng Nai. Nhờ đặc điểm tập trung nhiều khu công nghiệp, nhiều cơ sở đào tạo hiện hữu cũng như quỹ đất khá dồi dào, sẽ tạo

ra động lực phát triển kinh tế - xã hội trong toàn Vùng. Các phân khu chức năng trọng điểm của Thành phố Thủ Đức có khả năng kết nối hiệu quả đến các khu chức năng đô thị cơ bản của tỉnh Đồng Nai và Bình Dương, nhằm hình thành những động lực phát triển mang tính chiến lược. Chúng ta có thể thấy rõ qua các mạng lưới giao thông nổi kết, bao gồm tuyến trục đô thị chính là Xa lộ Hà Nội (bao gồm tuyến metro), kết nối Khu đô thị mới Trường Thọ, Khu Công nghệ cao, Khu Đại học quốc gia, đến Khu công nghiệp Biên Hòa, thành phố Biên Hòa... sẽ tạo thành hành lang phát triển năng động, có thể vươn tầm ảnh hưởng về hướng Đông Bắc. Tuyến Vành đai 3 kết nối Xa lộ Hà Nội sẽ tạo hành lang phát triển về hướng tỉnh Bình Dương, tạo động lực phát triển hiệu quả cho các khu công nghiệp và các khu đô thị mới tại đây. Tuyến trục đô thị chính Đông - Tây dự kiến kết nối các phân khu trọng điểm khu trung tâm công nghệ tài chính - ngân hàng ở Thủ Thiêm đến các khu đô thị mới dọc trục này và vươn đến sân bay Long Thành. Đặc biệt, tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành kết nối các phân khu trọng điểm về cảng logistics từ thành phố Thủ Đức đến sân bay quốc tế Long Thành, tạo hiệu ứng tích cực vươn xa hơn đến các tỉnh miền Đông Nam Bộ lân cận.

Với những điểm nổi bật nêu trên, việc thành lập thành phố Thủ Đức sẽ tạo thêm động lực phát triển mới cho Thành phố

Hồ Chí Minh. Với tiềm năng phát triển nhiều loại hình kinh tế, đặc biệt là khu đô thị sáng tạo, mô hình phát triển dựa trên ứng dụng công nghệ cao, kinh tế tri thức gắn với môi trường thân thiện, Thành phố Thủ Đức sẽ là nơi chuyển giao những công nghệ mới, với các sản phẩm công nghệ 4.0 không chỉ ở Thành phố Hồ Chí Minh mà ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Thông qua mô hình “Thành phố trong Thành phố”, sẽ tạo động lực, cơ sở pháp lý quan trọng, giúp thu hút đầu tư và phát triển Thành phố Thủ Đức được thuận lợi hơn, biến nơi đây trở thành một cực tăng trưởng mới, thúc đẩy sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của Thành phố Hồ Chí Minh và của cả Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đồng thời, thông qua mô hình quản lý cấp Thành phố, Khu đô thị sáng tạo tương tác cao sẽ được ưu tiên đầu tư, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ quốc tế cho toàn khu vực, cũng như có thể áp dụng các giải pháp huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực trong quá trình xây dựng và phát triển thành phố Thủ Đức, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân. Với những tác động tích cực về đầu tư, cũng như tạo tiền đề hình thành Khu đô thị sáng tạo, tương tác cao, dự báo trong khoảng 10 năm tới Thành phố Thủ Đức có thể tạo ra giá trị gia tăng bằng 30%-35% GRDP của

Thành phố Hồ Chí Minh, chiếm khoảng 7% GDP của Việt Nam, chỉ sau Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Để có thể xây dựng thành công Thành phố Thủ Đức trở thành đô thị thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo, hình thành động lực phát triển cho Thành phố Hồ Chí Minh và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt Đề án “Hình thành và phát triển Đô thị sáng tạo, tương tác cao phía Đông Thành phố giai đoạn 2020 - 2035”, trong đó đã xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển theo phân kỳ giai đoạn và đề ra 7 giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, về mô hình quản lý, Thành phố sẽ xác định bộ máy và nhân sự chủ chốt chịu trách nhiệm, phát triển dự án tổng thể và các dự án thành phần về đô thị sáng tạo tương tác cao, có thể theo sát dự án mà không bị gián đoạn bởi nhiệm kỳ. Đồng thời, nghiên cứu các chính sách thu hồi quỹ đất, chính sách đầu thầu và chính sách ưu đãi, để thu hút mạnh mẽ nguồn vốn đầu tư tại Thành phố Thủ Đức. Đặc biệt, sẽ thực hiện chính sách hỗ trợ sáng tạo và thử nghiệm với các cơ chế linh hoạt nhất, đổi mới quản trị hành chính công theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ nhanh nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Xây dựng và vận hành cơ chế quản lý Thành phố Thủ Đức theo hướng dân chủ, thông minh và hiệu quả, bao gồm: các cơ chế, chính sách đặc thù của

chính quyền đô thị ở thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 131/2020/QH14, Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 và Nghị định hướng dẫn của Chính phủ; các cơ chế, chính sách đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 54/2017/QH14; chính quyền số, chính quyền điện tử theo Chương trình chuyển đổi số và Đề án đô thị thông minh; hoạt động của Hội đồng phát triển thành phố Thủ Đức (sẽ thành lập trên cơ sở tham vấn các nhà khoa học, doanh nghiệp, chuyên gia trong lĩnh vực văn hóa, kinh tế, pháp lý, người dân, chính quyền, cấp ủy, đoàn thể); phát huy vai trò phản biện và giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội; thực hiện nghiêm cơ chế Đảng lãnh đạo và chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân.

Thứ hai, về quy hoạch và thực thi quy hoạch, đến năm 2040, Thành phố Thủ Đức sẽ đạt 2 triệu dân và đến năm 2060 sẽ đạt 3 triệu dân. Thành phố sẽ tập trung phát triển hạ tầng 4.0 như: hệ thống khu công nghệ cao có quy mô lớn, khu thực nghiệm các sản phẩm khoa học công nghệ, nhất là công nghệ tự động, công viên phần mềm có quy mô lớn, hiệu quả cao, trung tâm tính toán hiệu năng cao và mạng lưới dịch vụ viễn thông 5G được phủ rộng, ... đồng thời, xây dựng và phát triển Khu công nghệ cao trở thành thung lũng Silicon của Việt Nam (Silicon valley), đây không chỉ đơn thuần về gia công sản

phẩm công nghệ mà còn có sự kết hợp giữa nghiên cứu phát triển (R&D) và ứng dụng, trực tiếp sản xuất ra công nghệ hay sản phẩm tương ứng,...để tạo điều kiện cho Thành phố Thủ Đức đáp ứng đủ các yêu cầu về không gian sáng tạo, sản xuất, dịch vụ 4.0.

Để đạt được định hướng đó, Thành phố sẽ phê duyệt và công khai đồ án quy hoạch chung Thành phố Thủ Đức, thực hiện quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 các trung tâm đổi mới sáng tạo, với phương châm khi thiết kế phải mang tính hiện đại và thân thiện môi trường, có cơ sở pháp lý rõ ràng để thu hút các nhà đầu tư. Cùng với đó, Thành phố sẽ lập chương trình phát triển đô thị tổng thể và các dự án trung tâm đổi mới sáng tạo, trong đó sẽ làm rõ mục tiêu phát triển quy hoạch và gắn với dự kiến nguồn lực tài chính sẽ được huy động.

Thứ ba, về nghiên cứu và giáo dục, Thành phố sẽ hình thành các cụm đại học chất lượng cao có quy mô lớn; đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học hàng đầu trong nước và quốc tế như Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Việt Đức, Đại học Fulbright, Đại học Bang Arizona và Đại học Bang Portland; thiết lập các chương trình đào tạo kỹ thuật với các trường đại học và các tập đoàn đa quốc gia như Đại học Seoul, Intel, Lotte, đây là các trường sẽ bổ sung kiến thức giáo dục đại học theo hướng hiện đại mang tầm quốc tế. Ngoài ra, sẽ phổ biến công nghệ thông tin

cho khối học phổ thông và đổi mới chương trình giáo dục theo hướng khuyến khích sáng tạo từ các cấp học.

Thứ tư, phát triển hệ thống tài chính - thương mại và hệ sinh thái doanh nghiệp. Thúc đẩy sớm hình thành Trung tâm tài chính của khu vực và quốc tế tại Thủ Thiêm; hoàn thành Trung tâm hội chợ, triển lãm quốc tế và phát triển hệ thống siêu thị và bán lẻ thông minh. Đây là sẽ là động lực quan trọng để thu hút nguồn lực tài chính, nguồn hàng hóa hiện đại, chất lượng cao và từng bước xây dựng các phương thức giao dịch về tài chính, thương mại thông minh.

Cùng với đó, Thành phố sẽ xác định các lĩnh vực trọng điểm để thu hút đầu tư vào Khu đô thị sáng tạo, tương tác cao phía Đông Thành phố. Ban hành các chính sách kích cầu để thu hút phát triển các ngành kinh tế tri thức, kinh tế số mà Thành phố xác định lựa chọn. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ thông tin đa quốc gia

để thực hiện các chương trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Thông qua doanh nghiệp sẽ thu hút nguồn vốn tư nhân, tận dụng nguồn lực này tham gia giải quyết vấn đề của Thành phố Thủ Đức.

Thứ năm, về quản lý đất đai, đô thị, triển khai rà soát, đánh giá, xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị, tập trung trên nền tảng GIS dùng chung để quản lý các nguồn lực đất đai, tài nguyên môi trường, cơ sở hạ tầng, dự án đầu tư trên toàn địa bàn thành phố Thủ Đức. Trước mắt, sẽ ưu tiên thực hiện thống kê hiện trạng đất công, kênh rạch, giao thông, bến bãi, logistic, công trình kiến trúc trên 5 tầng và cơ sở sản xuất. Tiến hành lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm để đảm bảo sử dụng đất đai hợp lý, tiết kiệm, phù hợp điều kiện thực tế và định hướng phát triển đô thị sáng tạo tại khu vực.

Thứ sáu, về đầu tư và thu hút đầu tư, xây dựng chính sách tổng thể về tài chính đô thị dựa trên những mục tiêu quy



hoạch và phát triển hạ tầng, xây dựng chiến lược đầu tư và kỳ vọng phát triển kinh tế, tài chính trong tổng thể giai đoạn 2021-2040. Cân bằng tài chính trong mỗi giai đoạn 5 năm và dự báo tỷ trọng đóng góp tăng trưởng của Khu đô thị sáng tạo, tương tác cao phía Đông Thành phố vào GRDP của Thành phố theo từng giai đoạn 5 năm. Tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có để giảm thiểu thời gian xây dựng, tập trung vào mục tiêu chính là xây dựng các hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đồng thời trong quá trình đó, các dự án cơ sở hạ tầng sẽ được tiếp tục xây mới theo quy hoạch. Đầu tư cơ sở hạ tầng sẽ được thực hiện thông qua chính sách phát huy giá trị đất đai.

Thứ bảy, về xây dựng cơ sở hạ tầng, hạ tầng số và chuyển đổi số. Với vị trí giao thông đặc biệt thuận lợi sẵn có, định hướng trong tương lai Thành phố Thủ Đức sẽ là một trung tâm kết nối của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là nơi chuyển giao và cung cấp mạnh mẽ hướng tới xuất khẩu các giải pháp, sản phẩm 4.0. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội của thành phố Thủ Đức trên 7 cấu phần bao gồm: hệ thống trường mầm non, trường phổ thông, trường nghề chất lượng cao; hệ thống các bệnh viện đạt chuẩn quốc tế; Nhà hát giao hưởng, nhạc và vũ kịch thành phố; Công viên lịch sử văn hóa dân tộc; Trung tâm thể thao và sức khỏe Rạch Chiếc; Quảng trường Hồ Chí Minh.

Định hướng công trình hạ

tầng giao thông và dịch vụ đô thị, bao gồm 8 cấu phần: hệ thống giao thông đường bộ, đường biển, đường hàng không; hệ thống tàu điện ngầm; hệ thống thoát nước và chống ngập; hệ thống cấp nước sạch; hệ thống xử lý rác; hệ thống các khu đô thị mới, đô thị thông minh.

Tiến hành lập danh mục kế hoạch và khái toán đầu tư các công trình hạ tầng giao thông; nghiên cứu giải pháp tăng cường vận tải hành khách công cộng đáp ứng đến 50-60% nhu cầu đi lại (trước mắt đến năm 2025 đạt khoảng 20%). Mở rộng mạng lưới giao thông đường sắt đô thị trên địa bàn các quận hướng Đông lân cận và định hướng kéo dài tuyến Metro số 1 đang hình thành. Kết hợp phát triển mạng lưới giao thông thủy như taxi thủy, buýt đường sông.

Nghiên cứu lập đề án phát triển ngành theo định hướng chung về phát triển đô thị sáng tạo gắn với chương trình chuyển đổi số của Thành phố; triển khai kế hoạch đầu tư nâng cấp các cơ sở hạ tầng xã hội và kế hoạch trồng 01 triệu cây xanh trên địa bàn Thành phố Thủ Đức giai đoạn 2021 - 2025.

Quy hoạch hạ tầng viễn thông và an ninh mạng. Ban hành quy định về công nghệ thông tin cho đô thị sáng tạo. Thiết lập cổng quốc tế để kết nối trực tiếp Khu đô thị sáng tạo, tương tác cao phía Đông và xây dựng hệ thống 5G cho toàn Thành phố Thủ Đức. Ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ xây dựng chính quyền điện tử

và phát triển đô thị thông minh.

Ngoài ra, cần mạnh dạn giao cho Thành phố Thủ Đức cơ chế đặc thù, trong đó tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đặc biệt trong việc huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là từ đất đai. Báo cáo, đề xuất Trung ương xem đây là nơi thí điểm các chính sách mới thời gian tới.

Xây dựng Thành phố Thủ Đức trở thành đô thị thông minh, đô thị sáng tạo, tương tác cao là mô hình hiệu quả để tạo động lực to lớn cho phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Thành phố có niềm tin mạnh mẽ rằng với sự hỗ trợ tích cực của các cơ quan Trung ương, cùng với sự nỗ lực của Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, chủ trương xây dựng Khu đô thị sáng tạo, tương tác cao phía Đông, trên nền tảng phát triển Thành phố Thủ Đức, sẽ đạt được kết quả thành công như mong đợi, qua đó Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục duy trì vai trò đầu tàu kinh tế, đóng góp tích cực cùng cả nước hoàn thành mục tiêu đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, nước ta là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước, trở thành nước phát triển, thu nhập cao theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra ■



NHỮNG ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH KHÁNH HÒA NHIỆM KỲ 2020-2025

● NGUYỄN KHẮC ĐỊNH

Ủy viên BCH Trung ương Đảng,

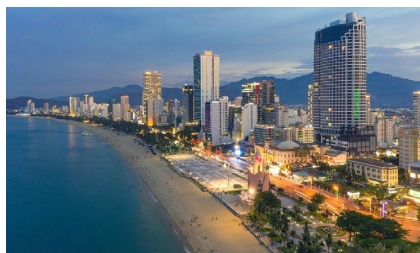
Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hòa

Khánh Hòa là tỉnh nằm ở khu vực duyên hải Nam Trung bộ với diện tích tự nhiên là 5.197km², dân số gần 1,3 triệu người. Ngoài những lợi thế có đường bờ biển dài, đẹp và khoảng 200 đảo lớn, nhỏ gần bờ, nhiều cửa lạch, đầm, vịnh... cho phép tỉnh phát triển mạnh mẽ ngành du lịch, dịch vụ, các ngành kinh tế biển, Khánh Hòa còn có vùng đồng bằng khá trù phú và khu vực miền núi nhiều tiềm năng để phát triển nông nghiệp chất lượng cao, đem đến những sản phẩm nông nghiệp

đặc hữu có giá trị. Bên cạnh đó, với vị trí thuận lợi nằm trên trục giao thông Bắc Nam, có cả về đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, gần tuyến hàng hải quốc tế, Khánh Hòa có những lợi thế quan trọng để phát triển toàn diện các lĩnh vực với nhiều hoạt động giao lưu, hợp tác trong nước và quốc tế.

Giai đoạn 2016 - 2020, Khánh Hòa đã đạt được kết quả phát triển kinh tế - xã hội khá nổi bật. So với khu vực và cả nước, tỉnh đang từng bước trở thành một

trong những trung tâm kinh tế động lực và trung tâm du lịch lớn. Về quy mô GRDP, Khánh Hòa xếp thứ 24/63 tỉnh, thành phố; quy mô ngành dịch vụ xếp thứ 12/63 tỉnh, thành phố và xếp thứ 2/8 tỉnh duyên hải Nam Trung bộ. Khánh Hòa là một trong 16 tỉnh có đóng góp vào ngân sách Trung ương và thường xuyên được các bộ, ngành Trung ương, các tổ chức trong và ngoài nước lựa chọn làm nơi tổ chức những sự kiện chính trị, văn hóa, khoa học... mang tầm quốc gia và quốc tế. Tốc độ tăng trưởng



kinh tế (tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP) bình quân của tỉnh đạt 6,1%/năm, trong đó 4 năm 2016-2019 tăng bình quân 7,7%; GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 73,31 triệu đồng; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong 5 năm đạt 206,87 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân 12,6%/năm. Giá trị các ngành kinh tế biển và ven biển của tỉnh chiếm 80% (tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP). Tổng thu ngân sách trong 5 năm (2016-2020) đạt 91.541 tỷ đồng, trong đó năm cao nhất (2018) đạt 21.868 tỷ đồng. Đi đôi với phát triển kinh tế, tỉnh cũng quan tâm, đầu tư phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ; thực hiện tốt các chính sách đối với người có công, các đối tượng yếu thế, đồng bào dân tộc... Nhờ vậy, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững.

Năm 2020 là một năm có nhiều khó khăn và thách thức. Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, thời tiết nắng nóng, hạn hán, mưa bão liên tiếp diễn ra, ảnh hưởng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của tỉnh và đời sống nhân dân, tuy nhiên kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn có bước phát triển. Thu ngân sách nhà nước

trên địa bàn tỉnh năm 2020 đạt hơn 13.839 tỷ đồng; thu hút đầu tư ngoài ngân sách đạt kết quả tích cực với 23 dự án, tổng vốn đầu tư khoảng 7.526,758 tỷ đồng (năm 2019, tỉnh thu hút được 13 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký là 4.717,3 tỷ đồng), tạo động lực cho phát triển kinh tế trong năm 2021 và các năm tiếp theo. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt kế hoạch đề ra; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được nâng cao; dịch bệnh Covid-19 cơ bản được kiểm soát; quốc phòng - an ninh được giữ vững; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị tiếp tục được quan tâm củng cố và kiện toàn.

Bước sang giai đoạn 2021-2026, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tình hình thế giới, trong nước, trong tỉnh có nhiều thuận lợi, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thời kỳ kỷ nguyên số và đô thị thông minh sẽ tạo ra những cơ hội cho Việt Nam nói chung, Khánh Hòa nói riêng hội nhập ngày càng sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới. Điều này đưa đến cho Khánh Hòa những thuận lợi để phát triển toàn diện, nhưng cũng ẩn chứa không ít khó khăn, thách thức. Bối cảnh đó đòi hỏi Khánh Hòa phải có tư duy chiến lược và những cải cách mạnh mẽ, đột phá trên tất cả các lĩnh vực để tạo ra động lực phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

Đại hội đại biểu Đảng bộ

tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra mục tiêu phấn đấu của tỉnh là: Đến năm 2025, Khánh Hòa trở thành trung tâm kinh tế biển, trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước; đến năm 2030, phát triển toàn diện trên các lĩnh vực, trở thành đô thị trực thuộc Trung ương; đến năm 2045, trở thành địa phương phát triển hiện đại, thu nhập bình quân của người dân Khánh Hòa thuộc nhóm các tỉnh, thành phố cao nhất cả nước. Trong đó, nhiệm kỳ 2020-2025, Khánh Hòa quyết tâm đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm đạt 7,5% trở lên; GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 5.685 USD; kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2025 đạt 2 tỷ USD; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm 2021-2025 đạt trên 360 nghìn tỷ đồng...

Để đạt được những mục tiêu đề ra, nhằm tạo nền tảng vững chắc cho quá trình phát triển của tỉnh giai đoạn tiếp theo, nhiệm kỳ 2020-2025, tỉnh sẽ tập trung thực hiện 04 đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội, như sau:

Một là, đổi mới công tác quy hoạch tỉnh; tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch để đẩy mạnh thu hút đầu tư xã hội.

Hiện nay, tỉnh đang khẩn trương thực hiện nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến 2040; xây dựng quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết về

sử dụng vùng biển, bờ biển, tài nguyên biển của tỉnh để sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội đồng bộ với quy hoạch, đảm bảo phát triển bền vững cả ba trụ cột: Kinh tế - xã hội - môi trường. Để trở thành trung tâm kinh tế biển, trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước, tỉnh tập trung phát triển công nghiệp, du lịch chất lượng cao và kinh tế biển, song song với thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh đẩy mạnh phát triển 03 vùng động lực; trong đó, Khu vực vịnh Vân Phong là vùng kinh tế trọng điểm, động lực của tỉnh và khu vực Nam Trung bộ; Thành phố Nha Trang là vùng trọng điểm về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học, đào tạo nguồn nhân lực; Khu vực vịnh Cam Ranh là vùng trọng điểm về kinh tế, xã hội gắn với quốc phòng, an ninh.

Việc triển khai các dự án, đề án là mấu chốt để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

Tỉnh cũng tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển; chuẩn bị các điều kiện về đất đai, cơ sở hạ tầng, nhân lực,... để thu hút đầu tư, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương trong việc huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng nâng cao năng suất,

chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

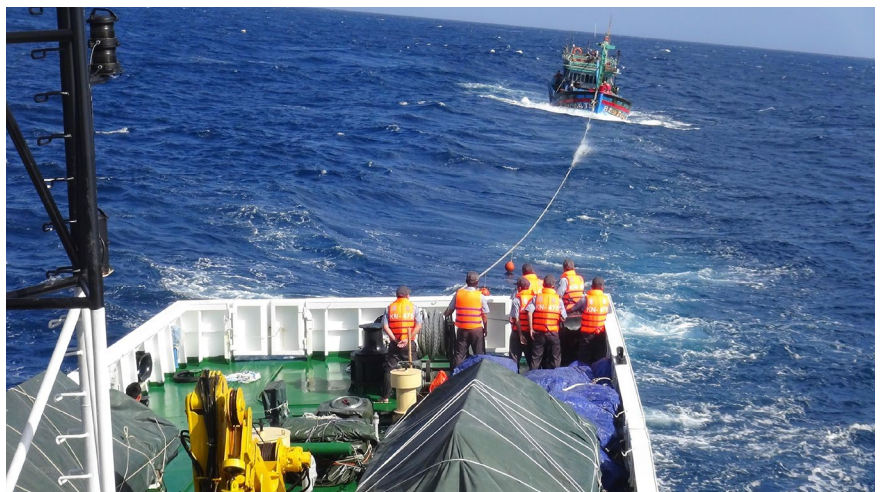
Đồng thời, tập trung cải thiện vị trí đối với các chỉ số đánh giá dịch vụ hành chính công như: Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index); nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến, tạo điều kiện tốt nhất cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp khai thác hiệu quả các ứng dụng, dịch vụ trực tuyến; thường xuyên tổ chức tiếp xúc, đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo địa phương với doanh nghiệp để tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các thủ tục đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động.

Hai là, tập trung phát triển Khu vực vịnh Vân Phong trở thành vùng kinh tế trọng điểm, động lực của tỉnh và khu vực Nam Trung bộ.

Để thúc đẩy phát triển Khu vực vịnh Vân Phong, ngay sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh

lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết về phát triển Khu kinh tế Vân Phong để tập trung nguồn lực triển khai trong giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó, nghiên cứu tách bạch tương đối về chức năng quản lý hành chính nhà nước theo địa giới hành chính và chức năng quản lý kinh tế tại khu vực triển khai đề án; đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho phát triển kinh tế đảm bảo phù hợp với phát triển xã hội trong khu vực thực hiện đề án; tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi; ưu tiên thu hút đầu tư các dự án sử dụng công nghệ theo các tiêu chí “công nghệ cao, mới, sạch, tiết kiệm”; hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến có tính động lực cao, có sự lan tỏa lớn, tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh cao của địa phương. Khu vực Bắc Vân Phong chỉ thu hút các dự án đầu tư có quy mô lớn, phù hợp với định hướng quy hoạch đã được Chính phủ phê duyệt.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các cơ sở hạ tầng tại



các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, các công trình giao thông trọng điểm khu vực vịnh Vân Phong như: Đường giao thông từ Quốc lộ 1A đến Đầm Môn; đường giao thông ngoài Cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong; sớm hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án thành phần đường bộ cao tốc Vân Phong - Nha Trang... nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất kinh doanh tại khu vực vịnh Vân Phong, tạo động lực mới cho phát triển của tỉnh.

Ba là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo.

Trong quá trình phát triển, nguồn nhân lực có vai trò rất quan trọng, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao để đón đầu các dự án đầu tư mới. Nhiệm kỳ 2020-2025, Tỉnh ủy tiếp tục ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình phát triển nguồn nhân lực. Trong đó,

một mặt tỉnh sẽ tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện có và phối hợp với các trường, viện, cơ sở đào tạo của Trung ương trên địa bàn tỉnh để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn như: Đóng tàu, chế biến, xuất khẩu thủy sản...; mặt khác, tỉnh sẽ thực hiện hiệu quả các chính sách thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế biển và các nhóm ngành du lịch, dịch vụ, công nghiệp - chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, chăm sóc sức khỏe... đến làm việc tại tỉnh.

Thông qua các chương trình, dự án hợp tác với các nước, tỉnh đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; đồng thời tỉnh sẽ xây dựng chính sách hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; thành lập và vận hành Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo với hình thức phù hợp, kết nối với mạng lưới khởi nghiệp quốc gia.

Bốn là, huy động tối đa các

nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, hướng tới mục tiêu Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương, có chất lượng môi trường sống tốt và là trung tâm du lịch tâm cổ quốc tế. Do đó, để đẩy nhanh việc kêu gọi đầu tư hạ tầng vào các địa phương trên địa bàn tỉnh, ngay sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết về chương trình phát triển đô thị tỉnh, Nghị quyết về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Nghị quyết về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025. Nhiệm kỳ 2020-2025 rất quan trọng, là 5 năm tích lũy, tạo nền tảng bền vững cho những bứt phá ở giai đoạn tiếp theo. Với truyền thống cách mạng vẻ vang, nhân dân cần cù lao động, sáng tạo, đoàn kết, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa hôm nay đang tràn đầy khí thế và khát vọng đổi mới, phát triển, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, mở ra trang mới trong tiến trình xây dựng Khánh Hòa trở thành trung tâm kinh tế biển, trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước, hướng tới xây dựng Khánh Hòa trở thành địa phương phát triển hiện đại vào năm 2045 ■





PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC GIANG NHIỆM KỲ 2020-2025

● DƯƠNG VĂN THÁI

Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Bắc Giang

Những năm gần đây, thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp của tỉnh Bắc Giang đạt được kết quả rất ấn tượng, công nghiệp trở thành động lực chính thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tập trung phát triển công nghiệp tại các khu công nghiệp có hạ tầng đồng bộ, hiện đại để thu hút các nhà đầu tư chất lượng chính là định hướng của tỉnh những năm tới, hướng đến một nền công nghiệp hiện đại, bền vững.

Bước phát triển ấn tượng về thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp

Nằm ở cửa ngõ phía Đông Bắc của Vùng thủ đô Hà Nội, trên tuyến hành lang kinh tế

Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, Bắc Giang có vị trí địa lý hết sức thuận lợi, kết nối thuận tiện với các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực, như:

Thủ đô Hà Nội, cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn), tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng, ... Diện tích tự nhiên của tỉnh xấp xỉ 3.900 km², trong đó trên 75% diện tích đang là đất sản xuất

nông, lâm nghiệp; dân số trên 1,8 triệu người (đứng thứ 12 cả nước) và trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng (trên 60% dân số trong độ tuổi lao động). Những năm qua, tỉnh Bắc Giang đã khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương; tập trung cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông; cùng với tư duy đổi mới, hội nhập và khát vọng phát triển của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp và nhân dân trong tỉnh, ... Nhờ vậy, Bắc Giang đã có bước phát triển rất ấn tượng, đạt được nhiều kết quả nổi bật, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đặc biệt, thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp thu được những kết quả rất khả quan và là nhân tố chính giúp Bắc Giang đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2016-2020 ở mức 13,8%, nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước.

Trong giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn tỉnh đã cấp mới và điều chỉnh cho trên 900 dự án, với tổng số vốn tăng thêm quy đổi trên 6,1 tỷ USD (chiếm trên 60% tổng số vốn đã thu hút từ trước đến nay), trong đó: Nguồn vốn FDI là 3,67 tỷ USD (chiếm 60%); nguồn vốn trong nước là 56,6 nghìn tỷ đồng (chiếm 40%). Năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, song kết quả thu hút đầu tư là rất tích cực;

đã cấp mới và điều chỉnh cho 215 dự án, tổng số vốn đăng ký mới và bổ sung quy đổi đạt 1,4 tỷ USD, tăng 7,3% so với năm 2019. Đặc biệt, ngay trong tháng 01/2021, Bắc Giang đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho bốn dự án FDI với tổng vốn đăng ký gần 570 triệu USD; trong số đó có dự án của nhà đầu tư Foxconn thực hiện dự án sản xuất, gia công máy tính bảng và máy tính xách tay cho Apple, vốn đăng ký 270 triệu USD.

Những kết quả ấn tượng về thu hút đầu tư thời gian qua đã giúp công nghiệp của tỉnh Bắc Giang có bước phát triển đột phá. Tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 23,7%/năm, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Công nghiệp phát triển đã đóng góp tích cực vào thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong nhiệm kỳ 2015-2020: 15/15 chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2015-2020 để ra đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức. Năm 2020, dù chịu ảnh hưởng rất lớn từ đại dịch Covid-19 song tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh vẫn đạt 13,02%, vươn lên đứng đầu cả nước; trong đó công nghiệp vẫn đạt mức tăng trưởng 20%. Công nghiệp phát triển cũng đã giúp thúc đẩy phát triển các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, phát triển đô thị, đảm bảo việc làm ổn định cho

hàng trăm nghìn lao động, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao mức sống cho người dân, ... Có thể nói, Bắc Giang đang là một trong những điểm đến hấp dẫn được nhiều nhà đầu tư lớn ở cả trong và ngoài nước quan tâm và được đánh giá là một trong những địa phương phát triển năng động nhất trong cả nước những năm gần đây.

Tập trung đầu tư các khu công nghiệp hiện đại để thu hút nhà đầu tư chất lượng, hướng đến phát triển công nghiệp hiện đại, bền vững

Bước vào giai đoạn phát triển mới, Bắc Giang đặt mục tiêu rất lớn, với quyết tâm xây dựng tỉnh phát triển toàn diện, vững chắc, phấn đấu đến năm 2025 nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố phát triển có quy mô kinh tế (GRDP) đứng đầu cả nước. Định hướng của tỉnh sẽ tập trung phát triển hài hòa trên cả 3 trụ cột kinh tế - xã hội - môi trường và phát triển đồng bộ trên cả 3 lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Trong đó xác định công nghiệp là động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; nông nghiệp là nền tảng đảm bảo cho sự phát triển ổn định và dịch vụ là điều kiện thúc đẩy phát triển.

Có thể nói, thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp tiếp tục giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời gian tới. Song, quan điểm, định hướng thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp có sự điều

chỉnh để từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả các dự án đầu tư, hướng đến xây dựng nền công nghiệp hiện đại, phát triển bền vững. Thời gian tới tỉnh sẽ tập trung vào một số giải pháp trọng tâm đó là:

Thứ nhất, tập trung làm tốt công tác quy hoạch để phát triển các khu công nghiệp có hạ tầng đồng bộ, hiện đại và đảm bảo đủ quỹ đất sạch đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư thứ cấp. Hiện nay, tỉnh Bắc Giang đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung mới và điều chỉnh quy hoạch 6 khu công nghiệp với tổng diện tích 1.155ha để giải quyết kịp thời về mặt bằng sạch cho nhu cầu của các nhà đầu tư hiện nay. Đồng thời, tỉnh cũng đã lập xong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Hội đồng thẩm định quy hoạch quốc gia thẩm định; trong đó đã đề xuất quy hoạch mới và mở rộng 29 khu công

nghiệp với diện tích trên 6.800 ha (gấp hơn 5 lần diện tích đất khu công nghiệp hiện nay). Các khu công nghiệp đưa vào quy hoạch đều được rà soát, ưu tiên lựa chọn tại các vị trí thuận lợi và khả năng kết nối hạ tầng dễ dàng. Có thể nói, sau khi Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (dự kiến trong quý I/2021) thì vấn đề khó khăn về mặt bằng cho thu hút đầu tư phát triển công nghiệp sẽ được giải quyết và mở ra cơ hội rất lớn cho Bắc Giang đẩy mạnh phát triển công nghiệp thời gian tới.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư, gắn với nâng cao chất lượng thu hút đầu tư theo hướng thu hút có chọn lọc; tập trung thu hút các dự án đầu tư chất lượng, phù hợp với định hướng phát triển bền vững. Ưu tiên các dự án (cả nguồn vốn trong nước và nguồn vốn FDI) sử dụng công nghệ hiện đại, sử dụng ít đất, ít lao động và đóng góp nhiều cho ngân sách và kiên quyết từ chối những dự án có nguy cơ gây ô nhiễm

môi trường. Đặc biệt, tỉnh sẽ tập trung tận dụng tốt thời cơ để thu hút hiệu quả dòng vốn FDI đang dịch chuyển trong khu vực, tạo bước đột phá phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

Thứ ba, tiếp tục tập trung cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; xây dựng môi trường đầu tư thực sự lành mạnh, công khai, minh bạch. Trọng tâm là đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghiệp, đô thị, dịch vụ, ... đáp ứng tốt nhất cho hoạt động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư; đảm bảo đủ mặt bằng sạch với hạ tầng đồng bộ, hiện đại để thu hút các nhà đầu tư lớn, chiến lược khi đến tìm kiếm cơ hội đầu tư vào tỉnh. Đồng thời, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng tốt cho yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Thứ tư, đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, quan tâm làm tốt việc xúc tiến đầu tư tại chỗ; hỗ trợ, tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn, với quan điểm lấy việc chăm sóc tốt cho các nhà đầu tư hiện có để xúc tiến thu hút đầu tư tương lai ■





PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

● PHẠM ĐẠI DƯƠNG

Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Phú Yên

Với chiều dài bờ biển hơn 3.200km, 2 quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa cùng hơn 2.500 đảo lớn nhỏ, biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc phát triển kinh tế biển, đặc biệt là trong bối cảnh gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, luôn được Đảng ta quan tâm, chỉ đạo xuyên suốt, ngày càng mở rộng về số lượng và chất lượng.

Đến nay, kinh tế biển và ven biển đóng góp tỷ lệ lớn vào tổng

sản phẩm quốc nội, là nguồn thu ngoại tệ mạnh phục vụ phát triển đất nước. Đồng thời, việc phát triển kinh tế biển có vai trò quan trọng trong tăng cường sức mạnh tổng hợp, thể và lực của quốc gia cũng như nâng cao “thế trận lòng dân” trên các vùng biển, đảo.

Với nhiều tiềm năng và lợi thế về biển, Phú Yên nói riêng, 28 địa phương ven biển nói chung cần xác định kinh tế biển là động lực phát triển chính để xây dựng tỉnh thịnh vượng và yên bình, gắn với bảo vệ chủ quyền biển, hải đảo trong giai đoạn mới.

Động lực tăng trưởng giai đoạn mới

Mặc dù vẫn đang có những bước tăng trưởng và phát triển nhưng các nghiên cứu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (Organisation for Economic Cooperation and Development – OECD) cho thấy rằng thế giới đang đối mặt với không ít các vấn đề về phát triển. Đó là vấn đề về gia tăng dân số thế giới, được dự báo gần 10 tỷ người vào năm 2050. Việc gia tăng dân số sẽ kéo theo nhiều vấn đề về xã hội, mà một trong những vấn đề đó là đảm bảo lương thực cho

toàn bộ dân số; Đó là vấn đề về tăng trưởng thực GDP của toàn thế giới đang giảm dần. Việc này cùng với các vấn đề như dịch bệnh Covid-19, khủng hoảng kinh tế... đang kéo tăng trưởng của thế giới lùi lại.

Đó là vấn đề về năng suất lao động trung bình giảm dần mặc dù những tiến bộ khoa học và công nghệ vẫn đang diễn ra hàng ngày; Đó là vấn đề về gia tăng nhu cầu năng lượng; Đó là vấn đề chiến tranh thương mại giữa các quốc gia, đặc biệt là chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc; Đó là những vấn đề phức tạp ở biển Đông; Đó là vấn đề về biến đổi khí hậu... Việt Nam nói chung, Phú Yên nói riêng, nằm trong bối cảnh chung của toàn thế giới, cũng đang phải đối mặt với những thách thức trên. Đồng thời, là một nước đang phát triển nhanh, chúng ta còn phải đối mặt với các nguy cơ của bão thu nhập trung bình, nguy cơ bỏ lỡ cơ hội vàng để phát triển vươn lên, các vấn đề về dịch bệnh, ô nhiễm môi trường ...

Trong bối cảnh đó, phát triển kinh tế biển nổi lên như là một động lực tăng trưởng mới, bù đắp vào sự tăng trưởng chậm lại của kinh tế nội địa, đồng thời, cũng là giải pháp để các quốc gia gia tăng ảnh hưởng tại các vùng biển, hải đảo, đặc biệt là các khu vực có nguồn lợi hải sản, trữ lượng tài nguyên, dầu mỏ lớn, các khu vực có tranh chấp và các khu vực có các tuyến thương mại quan trọng của thế giới. Đối với 28 địa phương ven biển, kinh tế biển chính là cơ hội để tỉnh bứt phá, nắm bắt cơ hội của thời cuộc

để phát triển vươn lên mạnh mẽ.

Thực tiễn cho thấy, kinh tế biển đã và đang đem lại cho các quốc gia có chiến lược bài bản với tầm nhìn dài hạn lợi ích lớn. Theo báo cáo The EU Blue Economy Report 2020, kinh tế biển đem lại cho Liên minh Châu Âu 218 tỉ Euro tăng trưởng giá trị gia tăng (GVA) với lợi nhuận là 94 tỉ Euro (số liệu 2018). Còn đối với Mỹ, báo cáo năm 2020 (số liệu 2017) của Tổ chức quản trị đại dương và khí quyển quốc gia Mỹ (National Oceanic and Atmospheric Administration - NOAA), kinh tế biển đem lại cho Mỹ 318 tỉ USD trong GDP. Đối với Trung Quốc, từ năm 2010, kinh tế biển đã đóng góp cho GDP quốc gia này 240 tỉ USD. Bên cạnh phát triển các ngành kinh tế biển chính để phục vụ phát triển kinh tế đất nước, các quốc gia lớn đều đang có những chiến lược biển để mở rộng tầm ảnh hưởng của mình (như “Sáng kiến Một vành đai, Một con đường” của Trung Quốc, hay gần đây nhất là “Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tự do và rộng mở” của Mỹ).

Kinh tế biển giữa “bão” Covid-19

Từ cuối năm 2019 đến nay, chúng ta đang phải đối mặt với đại dịch Covid-19. Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hầu hết các quốc gia trên thế giới, trên cả phương diện phát triển kinh tế và đời sống xã hội. Việt Nam nói chung, Phú Yên nói riêng, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, sự quyết liệt của tỉnh trong thực hiện mục tiêu kép phòng chống dịch đi đôi

với phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, đã đạt được nhiều thành công. Đến nay, chúng ta đang thực hiện tốt phòng chống dịch bệnh trong cộng đồng và là một trong ít những nền kinh tế có tăng trưởng dương trong năm 2020. Tuy nhiên, là một nền kinh tế hội nhập quốc tế sâu, rộng, chúng ta bị ảnh hưởng không nhỏ bởi đại dịch Covid-19, trong đó, có nhiều ngành nghề của kinh tế biển như du lịch, nuôi trồng, đánh bắt, vận tải... bị ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt là ngành du lịch.

Mặc dù vậy, bên cạnh những khó khăn chung của cả thế giới do đại dịch Covid-19 gây ra thì phát triển kinh tế biển ở nước ta trong giai đoạn hiện nay có những thời cơ, thuận lợi.

Đó là, chúng ta đang kiểm soát tốt dịch bệnh ở trong nước, đồng thời đã sản xuất và thử nghiệm vaccine chống Covid-19. Đây là điều kiện thuận lợi để kinh tế nói chung, kinh tế biển nói riêng tiếp tục phát triển. Đến nay, ngành du lịch của chúng ta đang từng bước phục hồi.

Đó là, chúng ta hội nhập quốc tế sâu, rộng. Với việc 13 hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương đã có hiệu lực, Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) mới được ký kết, cùng các FTA đang đàm phán, Việt Nam là một trong những nền kinh tế mở so với các quốc gia khác trên thế giới, tạo ra cơ hội lớn để phát triển. Ở đây, cơ hội phát triển diễn ra ở cả 2 chiều. Một chiều là những sản phẩm của nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản của Việt Nam sẽ

tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Ở chiều kia, chúng ta sẽ đón nhận dòng vốn đầu tư quốc tế vào các ngành kinh tế biển đầy tiềm năng, tạo ra cơ hội để phát triển các ngành này về cả quy mô lẫn trình độ. Việc thu hút đầu tư này không chỉ diễn ra trong các ngành mà chúng ta đã phát triển mạnh như du lịch, nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy hải sản, dầu khí, cảng biển, vận tải đường biển... mà cả các ngành mới nổi như năng lượng tái tạo, năng lượng mới...

Đó là, những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tạo ra cơ hội cho chúng ta phát triển các ngành nhanh hơn, bền vững hơn. Với những công nghệ trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo... ngành du lịch biển sẽ ngày càng trở nên thú vị hơn, hấp dẫn hơn đối với du khách. Với những công nghệ như Internet vạn vật, chuỗi khối (blockchain)... việc truy xuất, đảm bảo nguồn gốc đối với thủy hải sản, kiểm soát môi trường sẽ đơn giản hơn. Nhờ đó, sản phẩm của chúng ta sẽ đi vào các thị trường yêu cầu cao, giá trị cao như châu Âu, Mỹ...

Bên cạnh đó, việc phát triển kinh tế biển còn có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nước ta, đó chính là đảm bảo quốc phòng an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, hải đảo.

Cơ hội thời cuộc

Trong giai đoạn hiện nay, mặc dù đại dịch Covid-19 gây ảnh hưởng, làm chậm tốc độ phát triển nhưng kinh tế biển vẫn là một động lực tăng trưởng mới, là



cơ hội để chúng ta bứt phá vươn lên. Để có thể nắm bắt được cơ hội này, các địa phương ven biển cần phải phát triển kinh tế biển trên quan điểm phải gắn với phát triển bền vững, hội nhập quốc tế, tận dụng được các thành tựu của cuộc Cách mạng lần thứ tư và phải tính đến các yếu tố tác động do đại dịch Covid-19 mang lại, với các tiếp cận chính:

Một là, tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và nhân dân về vị trí, vai trò của kinh tế biển và vùng ven biển. Cần có nhận thức thống nhất tạo nên sức mạnh tổng hợp trong toàn Đảng, toàn dân, toàn hệ thống chính trị về phát triển kinh tế biển, gắn phát triển kinh tế biển với đảm bảo chủ quyền biển, hải đảo.

Hai là, đại dịch Covid-19 đã và đang thay đổi thói quen, hành vi của người dân và cả cách thức các ngành kinh tế vận hành và phát triển. Theo OECD, kinh tế biển thời hậu đại dịch sẽ có những thay đổi mới, trong đó đẩy nhanh quá trình phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi

trường là xu thế chính. Việc đánh bắt thủy hải sản theo cách tận diệt, một nguyên nhân gây ra tình trạng suy giảm lượng thủy hải sản, đang dần được thay thế bằng việc nuôi trồng ở quy mô công nghiệp. Một số ngành nuôi biển xa bờ được dự báo có sự phát triển nhanh nhờ vào sự tiến bộ của các giải pháp công nghệ cũng như nhu cầu tăng cao về lương thực trong bối cảnh gia tăng dân số, đặc biệt là thực phẩm sạch. Việc sử dụng năng lượng trong hoạt động biển, hoạt động hàng hải cũng hướng đến xanh hơn, giảm phát thải khí CO₂. Năng lượng tái tạo như điện gió, điện khí, điện thủy triều, điện mặt trời nổi trên biển... sẽ là lĩnh vực được quan tâm đầu tư trong thời gian tới nhằm đáp ứng nhu cầu tăng cao về năng lượng cũng như giải quyết được các vấn đề về bền vững. Ngành du lịch cũng sẽ có sự thay đổi hướng đến sự bền vững, thân thiện với môi trường. Chúng ta cần phải nắm bắt được những xu thế phát triển chính này để có được giải pháp phát triển, từng ngành cụ thể một cách phù hợp.

Ba là, cần có những chính sách để tập trung thu hút, khuyến khích các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển phát triển mạnh sau đại dịch như năng lượng tái tạo, nuôi biển, nuôi trồng thủy hải sản quy mô công nghiệp, du lịch biển... Trong đó, định hướng phát triển cần theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường cũng như bảo vệ, phát triển cộng đồng dân cư địa phương. Việc đầu tư, thu hút đầu tư cũng cần được lựa chọn, tính toán cẩn thận dựa trên quy hoạch, chiến lược để phát huy thế mạnh của từng địa phương, gắn với khai thác được tiềm năng, lợi thế liên kết vùng trong phát triển, tránh đầu tư tràn lan. Các sản phẩm cần được phát triển thành quy mô công nghiệp. Mỗi địa phương, mỗi vùng cần xác định và chỉ phát triển một vài sản phẩm có thế mạnh để có thể tập trung đầu tư hạ tầng, công nghệ sản xuất, chế biến nhằm nâng cao giá trị gia tăng. Ví dụ, khu vực Khánh Hoà, Phú Yên, Bình Định có lợi thế về cá ngừ thì có thể tập trung đầu tư phát triển ngành cá ngừ ở Việt Nam.

Có 2 ngành kinh tế biển hậu Covid-19 mà chúng ta cần lưu ý, tập trung phát triển. Đầu tiên là ngành nuôi biển quy mô lớn gần bờ và xa bờ. Theo Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (Food and Agriculture Organisation of United Nations – FAO), đến năm 2030, thế giới cần thêm 19 triệu tấn hải sản so với năm 2015 mới bảo đảm nhu cầu dinh dưỡng. Tuy nhiên, chúng ta cần phải tận dụng các tiến bộ của cuộc Cách

mạng lần thứ tư để ứng dụng hiệu quả vào ngành này để đảm bảo hiệu quả và bền vững. Ví dụ, ngành nuôi tôm hùm hiện nay là một ngành cho hiệu quả kinh tế cao.

Tuy nhiên, do chưa áp dụng các công nghệ tiên tiến nên vẫn chịu nhiều ảnh hưởng do thiên tai, và còn gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời, do quy trình nuôi trồng chưa đảm bảo nên chưa vào được các thị trường lớn, giá trị cao. Do đó, cần ứng dụng các công nghệ để kiểm soát các dữ liệu đầu vào như dinh dưỡng, chất lượng nguồn nước... để đảm bảo chất lượng cũng như sự ổn định. Đối với ngành năng lượng tái tạo, với nhu cầu năng lượng tăng cao trong nước, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời nổi...) chính là giải pháp để chúng ta đảm bảo nguồn cung năng lượng cũng như bảo vệ môi trường.

Bốn là, trong đầu tư, chú ý sự hài hoà giữa phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh. Các công trình dự án phục vụ phát triển kinh tế biển phải thực sự được thực hiện trên cơ sở đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đồng thời, trong trường hợp cho phép, đưa những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong quân sự vào phục vụ phát triển kinh tế biển; ưu tiên đầu tư những công trình lưỡng dụng. Xây dựng những chính sách, giải pháp hỗ trợ người dân, ngư dân bám biển, làm giàu từ biển; để mỗi ngư dân là một cột mốc sống trên biển.

Năm là, tận dụng việc hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước, bối cảnh chiến tranh

thương mại giữa các quốc gia để thu hút các doanh nghiệp, các nguồn vốn quốc tế vào tham gia đầu tư, phát triển tỉnh, đặc biệt là trong các lĩnh vực có trình độ khoa học và công nghệ cao như sản xuất công nghiệp, chế biến thủy hải sản, hàng hải...

Hiện nay đang có xu hướng một số doanh nghiệp công nghệ cao dịch chuyển một phần sản xuất ra khỏi khu vực truyền thống để tìm kiếm các địa điểm có nhiều thuận lợi hơn. Đây chính là cơ hội cho các khu công nghiệp, đặc biệt là khu công nghiệp ven biển tận dụng lợi thế về cảng biển, sân bay để thu hút các doanh nghiệp.

Phú Yên và nhiều địa phương ven biển miền Trung là những địa phương đi sau nhưng có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển vươn lên. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của đất nước, với cơ hội của hội nhập quốc tế, của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và với thời cơ của kinh tế biển, các địa phương này có đầy đủ những điều kiện để bứt phá, đóng góp xứng đáng vào sự chuyển mình vươn lên của đất nước.

Biển cơ hội thành hiện thực cần sự nỗ lực, sự quyết tâm và sức mạnh tổng hợp của toàn tỉnh. Kế thừa thành tựu, phát huy lợi thế, nắm bắt cơ hội không chỉ là nhiệm vụ của hệ thống chính trị mà còn là trách nhiệm và quyền lợi của mỗi cán bộ, mỗi chiến sĩ và mỗi người dân, để thịnh vượng và bình yên không mãi chỉ là ước mơ ■



MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ CỦA TỈNH VINH PHÚC NHIỆM KỲ 2020-2025

● LÊ DUY THÀNH

Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Vinh Phúc

Vinh Phúc thuộc vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Thủ đô Hà Nội, là cầu nối giữa các tỉnh phía Tây Bắc với Hà Nội và Đồng bằng châu thổ sông Hồng, có vai trò rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế khu vực và quốc gia, có diện tích tự nhiên 1.235 km², dân số trên 1,15 triệu người.

Trong nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng bộ tỉnh Vinh Phúc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước có nhiều cơ hội và thách thức đan xen.

Đặc biệt, trong năm 2020 đại dịch Covid-19 xảy ra trên phạm vi toàn cầu, đến nay vẫn còn diễn biến phức tạp, đã và đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế toàn cầu và mỗi quốc gia. Đối với nước ta, dịch bệnh đã tác động tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Trong bối cảnh đó, với sự lãnh đạo toàn diện, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm của Tỉnh ủy; sự chỉ đạo, điều hành linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt của UBND tỉnh và sự đồng thuận, nỗ lực của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân

dân trong tỉnh, kết quả nhiệm kỳ 2015-2020 tỉnh Vinh Phúc đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực, tạo nhiều dấu ấn nổi bật.

Vai trò và vị thế của Vinh Phúc đối với vùng và cả nước đã và đang tiếp tục được khẳng định. Tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 6,86%/năm, cao hơn tốc độ tăng của cả nước; quy mô nền kinh tế năm 2020 ước gấp 1,56 lần so với năm 2015; thu ngân sách luôn đứng top đầu cả nước về thu nội địa và là 1/16 tỉnh, thành có tỷ lệ điều tiết

ngân sách lớn về Trung ương (47%). Thu hút đầu tư cả giai đoạn đạt 3,17 tỷ USD vốn FDI và trên 58,4 nghìn tỉ đồng vốn đầu tư trong nước gấp hơn 2 lần so với giai đoạn trước. Nhiều dự án đầu tư đã hoàn thành và đi vào hoạt động, tạo diện mạo đô thị, giao thông khang trang, hiện đại. Kinh tế nông nghiệp, diện mạo nông thôn đổi thay toàn diện, toàn tỉnh có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới. Chất lượng giáo dục luôn được khẳng định trong топ đầu cả nước với nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi quốc tế và khu vực. Vĩnh Phúc là tỉnh đầu tiên phòng, chống thành công dịch Covid-19 tại tuyến huyện, bảo vệ tuyệt đối an toàn sức khỏe, tính mạng của nhân dân. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm còn dưới 1% năm 2020. Công tác quốc phòng, an ninh được củng cố và tăng cường, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương...

Phát huy những thành tựu đạt được sau 24 năm tái lập tỉnh, trong nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Vĩnh Phúc đã đề ra 29 mục tiêu về xây dựng Đảng, phát triển kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó tốc độ tăng trưởng kinh tế phấn đấu tăng bình quân từ 8,5 đến 9%/năm. Tuy nhiên, hiện nay đại dịch Covid-19 trên thế giới vẫn đang diễn biến rất phức tạp, chưa thể xác định được thời điểm kết thúc, hậu quả để lại sau đại dịch là rất lớn; bên cạnh đó chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tiếp tục căng thẳng; những yếu tố bất ổn về

chính trị ở một số khu vực trên thế giới, thiên tai, dịch bệnh... rất khó lường. Do đó, để có thể đạt được mục tiêu đã đề ra, trong nhiệm kỳ tới toàn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Vĩnh Phúc tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp như:

Thứ nhất, xây dựng và tổ chức triển khai ngay các chương trình, kế hoạch, đề án để cụ thể hóa 5 nhóm nhiệm vụ trọng tâm đã được đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII: Tiếp tục kiên quyết, kiên trì công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XI, XII) gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước. Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ; phát huy tính tiên phong, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, trọng tâm phát triển công nghiệp, dịch vụ chất lượng cao; khai thông các điểm nghẽn, thu hút đầu tư, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tạo sự liên kết giữa các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ, ứng

dụng các thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Huy động, thu hút, quản lý và phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển. Phát triển các thành phần kinh tế, chú trọng phát triển kinh tế tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, gắn xây dựng kết cấu hạ tầng khung đô thị Vĩnh Phúc; phát triển đô thị theo hướng hiện đại và bản sắc gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh. Tổ chức lại cơ quan xúc tiến đầu tư của tỉnh theo hướng tập trung. Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ trên tất cả các mặt, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

Xây dựng, phát huy các giá trị văn hóa, để văn hóa thực sự trở thành nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng con người Vĩnh Phúc hướng đến chân - thiện - mỹ; phát huy sức sáng tạo, ý chí, hun đúc khát vọng phát triển của mỗi người dân. Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực cho các cơ sở y tế; hoàn thành đồng bộ, đưa vào sử dụng Bệnh viện Sản nhi và Bệnh viện Đa khoa tỉnh mới. Thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; thực

hiện hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, hạnh phúc cho Nhân dân.

Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực và hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ trên tất cả các mặt, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tư pháp. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, gắn các hoạt động với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Chú trọng công tác quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình”, chống phá các thế lực thù địch. Chủ động về mọi mặt, sẵn sàng các phương án xử lý tốt các tình huống quốc phòng, an ninh, không để bị động, bất ngờ; đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong công tác tiếp, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Thứ hai, cùng với việc thực hiện các đột phá chiến lược mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ

XIII đã đề ra, Vĩnh Phúc xác định 03 khâu đột phá để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện là:

(1) Tập trung xây dựng cơ chế chính sách đặc thù để thu hút, giải phóng các nguồn lực đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội theo nguyên tắc hiệu quả, bền vững. Trong đó, ưu tiên thu hút phát triển cụm ngành công nghiệp điện tử công nghệ cao, phấn đấu để Vĩnh Phúc trở thành một trung tâm công nghiệp điện tử của cả nước. Trước mắt, quy hoạch để phát triển 01 khu công nghiệp công nghệ cao, xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo của tỉnh.

Tăng cường phân cấp, phân quyền, giao nhiệm vụ và đảm bảo nguồn lực thực thi gắn với trách nhiệm giải trình để kiểm soát.

(2) Đẩy mạnh đô thị hóa cùng với xây dựng nông thôn mới nâng cao, tạo sự chuyển biến cơ bản về diện mạo, chất lượng đô thị, nông thôn của tỉnh trong 5 năm tới. Trọng tâm là xây dựng đô thị của Vĩnh Phúc: Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh, hướng đến phát triển bền vững, hiện đại, có bản sắc và đồng bộ. Xây dựng nông thôn mới nâng cao theo hướng hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, văn hóa, xã hội; xử lý tốt ô nhiễm môi trường; phát huy vai trò tự quản của nhân dân; khôi phục, nâng cấp các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của từng địa phương.

Nâng cao một cách rõ nét chất lượng cuộc sống của người dân, chuyển thành quả phát

triển kinh tế vào đời sống người dân và xã hội.

(3) Đột phá trong công tác cán bộ và tổ chức bộ máy, trước hết là đổi mới trong công tác đánh giá cán bộ bằng “sản phẩm”, coi kết quả đánh giá cán bộ là tiêu chí quan trọng nhất để thực hiện quy hoạch, điều động, bổ nhiệm. Kiểm soát chặt chẽ quyền lực, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ. Đề bạt, sử dụng người có đức, có tài, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; không bổ nhiệm, sắp xếp, điều chuyển và thay thế kịp thời những cán bộ yếu kém, năng lực hạn chế, uy tín thấp. Tập trung bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ cả về bản lĩnh chính trị, kiến thức chuyên môn và năng lực thực tiễn, trong đó đặc biệt quan tâm tới việc đào tạo, bồi dưỡng, thử thách qua môi trường thực tiễn. Phát huy tinh thần, ý thức trách nhiệm, đam mê khát vọng của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ.

Với quyết tâm của toàn Đảng bộ, chính quyền các cấp và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đoàn kết thống nhất, nắm chắc thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, khơi dậy mọi tiềm năng, nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã đề ra, cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng ■



HẢI PHÒNG: VỮNG TIN VÀO SỰ PHÁT TRIỂN BỨT PHÁ TRONG NĂM 2021 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

● **THÚY NGÀ** (thực hiện)

Tạp chí Kinh tế

Năm 2020, cũng như nhiều địa phương khác trên cả nước và thế giới, Hải Phòng phải đối mặt với vô vàn khó khăn trong đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, với tinh thần đoàn kết, bình tĩnh, tự tin, kiên định các mục tiêu đề ra, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố (TP), Hải Phòng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tiếp tục là điểm sáng của cả nước trên nhiều lĩnh vực. Tạp chí Kinh tế đã có cuộc trao đổi với đồng chí Nguyễn Văn Tùng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP Hải Phòng về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong thời gian tới.

■ **PV:** Thưa đồng chí, nhiệm kỳ vừa qua, đặc biệt là năm 2020, Hải Phòng xuất hiện những khó khăn thách thức mới. Nhưng dường như những khó khăn đó lại biến thành động lực để TP Hải Phòng tận dụng được những lợi thế, cơ hội để tạo những dấu ấn mới trên con đường phát triển?

● **Đồng chí Nguyễn Văn Tùng:** Nhiệm kỳ qua, cũng như nhiều địa phương khác trên cả nước, Hải Phòng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, đặc biệt từ đầu năm 2020 đã bùng phát đại dịch Covid-19 gây suy thoái kinh tế, tác động mạnh đến sự phát triển chung của thành phố. Những khó khăn thách thức mới xuất hiện đan xen cùng những hạn chế tồn tại của nền kinh tế... Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ và của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, sự vào cuộc của hệ thống chính trị, TP Hải Phòng đã vững vàng “vượt bão”, tiếp tục phát triển mạnh mẽ, toàn diện, đạt được nhiều thành tựu, trở thành điểm sáng của cả nước trên nhiều lĩnh vực.

Trước hết phải kể đến việc Hải Phòng đã thực hiện thành công mục tiêu kép vừa phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, vừa giữ vững nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Với nhiều cách làm sáng tạo, đồng bộ, hiệu quả, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đến thời điểm này, Hải Phòng là một trong số các địa phương khống chế rất thành công dịch bệnh trên địa bàn, đặc biệt xử lý kịp thời khi xuất hiện một số ca dương tính

với SARS-CoV-2, hạn chế tối đa lây lan trong cộng đồng. Kết quả phòng, chống dịch tốt là điều kiện hỗ trợ rất đặc lực để Hải Phòng thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, tiếp tục là điểm sáng trong phát triển kinh tế - xã hội và là thành phố đáng sống, có sức hấp dẫn lớn đối với nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng không nhỏ của dịch bệnh Covid-19 nhưng Hải Phòng đã hoàn thành 11/18 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2020 đạt 11,22%, cao hơn bình quân chung cả nước gần 4 lần và cao hơn rất nhiều so với 5 thành phố trực thuộc Trung ương. Một số chỉ tiêu kinh tế khác vẫn duy trì mức độ tăng trưởng khá cao so với năm 2019, như: Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 14,62%; kim ngạch xuất khẩu đạt 20,38 tỷ USD, tăng 19,52%, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 171.708 tỷ đồng, tăng 14%; thu ngân sách nội địa đạt 32.734 tỷ đồng, tăng 21%, vượt 6% so với dự toán Trung ương giao; sản lượng hàng qua cảng đạt 142,8 triệu tấn, tăng 10,58%.

Môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực sản xuất của nền kinh tế thành phố càng tiếp tục được duy trì phát triển. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019 xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố, tăng 6 bậc so với năm trước. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ, khởi sắc. Công tác an sinh, thực

hiện tiến bộ và công bằng xã hội tiếp tục được quan tâm và thực hiện hiệu quả; quốc phòng an ninh được giữ vững. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; không khí vui mừng, phấn khởi, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố bao trùm trong đời sống xã hội.

Một dấu ấn nổi bật nhất trong năm 2020 là dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, Hải Phòng đã tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp và Đại hội XVI của Đảng bộ thành phố, nhiệm kỳ 2020-2025; lựa chọn đội ngũ nhân sự cấp ủy khóa mới đạt chất lượng cao, thực sự tiêu biểu về trí tuệ, phẩm chất, uy tín, thật sự trong sạch, vững mạnh, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong tình hình mới. Đồng thời, xác định cụ thể, rõ nét định hướng phát triển thành phố trong 5 năm tới với dấu ấn mạnh mẽ về sự tiên phong, năng động và phát triển đúng hướng, toàn diện.

■ **PV:** Năm 2021, dự báo tình hình trong nước và thế giới còn nhiều khó khăn, Hải Phòng tiếp tục đối mặt với những thử thách lớn hơn. Vậy, Thành phố có những giải pháp trọng tâm gì để đạt được các mục tiêu đề ra, thưa đồng chí?

● **Đồng chí Nguyễn Văn Tùng:** Năm 2021 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm đầu tiên đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ thành phố vào cuộc sống; bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu



HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026. Dự báo, tình hình thế giới, trong nước và thành phố tiếp tục còn khó khăn, còn tiềm ẩn nhiều diễn biến khó lường, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp nên nhiệm vụ năm 2021 là rất nặng nề. Tuy nhiên, với nền tảng đã tạo dựng được trong nhiều năm qua; với những thành tựu nổi bật, đáng tự hào của năm 2020, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân TP Hải Phòng vững tin sẽ đạt những kết quả to lớn, toàn diện hơn, đưa thành phố phát triển nhanh và bứt phá.

Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ thành phố đã cụ thể hóa Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển TP Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với những mục tiêu, chỉ tiêu ở mức rất cao, đòi hỏi ngay từ năm 2021 phải có sự bứt phá. Trong đó, điểm đột phá đầu tiên của thành phố là việc lựa chọn và quyết định chủ đề năm 2021: “Đẩy mạnh chỉnh trang, hiện đại hóa đô thị - Xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu”. Sẽ có một loạt

các công việc được triển khai với tốc độ rất khẩn trương để đạt mục tiêu đề ra.

Cụ thể, thành phố đang tập trung triển khai lập quy hoạch TP Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; sẵn sàng các điều kiện để triển khai Quy hoạch chung TP Hải Phòng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đẩy nhanh hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại 1 còn thiếu, trong năm 2021 nâng tỷ lệ đất cây xanh toàn đô thị đạt 5,5m²/người; khởi công đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc Trung tâm hành chính - chính trị thành phố tại Khu đô thị mới Bắc sông Cấm; lập đề án chỉnh trang các dòng sông trong nội đô, đẩy mạnh chỉnh trang, nâng cấp đô thị trung tâm, nhất là các khu đô thị dọc theo các tuyến sông trong nội đô; Xây dựng và triển khai đề án đầu tư cải tạo, nâng cấp chung cư cũ bằng ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2030 với tổng

mức đầu tư khoảng 5.500 tỷ đồng (riêng 2021-2025 khoảng 4.100 tỷ đồng); hoàn thành xây dựng chung cư HH1, HH2; triển khai kế hoạch và lộ trình cụ thể xây dựng công viên cây xanh trên địa bàn các quận đến năm 2025, phấn đấu trong năm 2021 triển khai xây dựng và cải tạo 7 công viên cây xanh; lập và triển khai đề án chuyển đổi huyện Thủy Nguyên thành thành phố trực thuộc thành phố; đề án chuyển đổi huyện An Dương thành đơn vị hành chính cấp quận; đầu tư một số công trình hạ tầng đô thị, giao thông chiến lược thúc đẩy nhanh quá trình phát triển đô thị tại quận Dương Kinh, quận Kiến An và quá trình đô thị hóa tại huyện Kiến Thụy...

Bên cạnh đó, UBND thành phố tập trung chỉ đạo, điều hành để hoàn thành, đưa vào khai thác một số công trình lớn như tuyến đường nối nút giao thông nam cầu Bính đến đường Máng nước, Tôn Đức Thắng; đường Hồ Sen - cầu Rào 2; cầu Quang Thanh, cầu Dinh...; đẩy nhanh tiến độ đường Đông Khê 2; cầu Rào và chỉnh trang tuyến đường Lạch Tray; tuyến đường bộ ven biển; đường 359, huyện Thủy Nguyên, đường 356, huyện Cát Hải... Đồng thời, khởi công các dự án: cải tạo nâng cấp Quốc lộ 37 đoạn qua địa bàn TP Hải Phòng; mở rộng sân đỗ máy bay - Cảng hàng không quốc tế Cát Bi; cầu và đường Máy Chai; cầu Bến Rừng; nút giao khu vực KCN Tràng Duệ; nghiên cứu xây dựng cầu Rào 3 kết nối đường Bùi Viện với tuyến đường trục đô thị quận Dương Kinh...

Dự kiến giai đoạn 2021-2025, thành phố sẽ nghiên cứu, đầu tư tổng cộng 57 cầu và các đoạn Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện, Đinh Vũ - Lập Lễ - Lâm Động - Thủy Sơn thuộc tuyến đường vành đai 2; đoạn Lập Lễ - Lưu Kiếm thuộc đường Vành đai 3 với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 30 nghìn tỷ. Còn các cầu kết nối giữa các quận, huyện trên địa bàn thành phố sẽ được phân cấp cho các địa phương triển khai thực hiện.

Các công trình trên sau khi được hoàn thành sẽ tạo nên bước chuyển mạnh mẽ đối với diện mạo thành phố, tạo sức hấp dẫn thu hút nguồn vốn đầu tư và nguồn nhân lực, cải thiện mạnh mẽ chất lượng sống cho nhân dân.

Bên cạnh phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ thành phố đã nêu rõ, trọng tâm của thành phố thời gian tới là tập trung chỉnh trang, hiện đại hóa, xây dựng đô thị Hải Phòng mang đặc trưng, bản sắc riêng của thành phố cảng biển văn minh, hiện đại. Ban Thường vụ Thành ủy đã có chủ trương triển khai xây dựng đồng bộ mỗi phường một công viên cây xanh (CVCX) với diện tích khoảng 5.000m² tại khu vực có đông dân cư bằng việc di dời các cơ sở sản xuất trong đô thị có khả năng gây ô nhiễm môi trường, để nâng cao mức sống cho người dân. Với mục tiêu trên bảo đảm diện tích cây xanh theo tiêu chí đô thị loại 1 cấp quốc gia. Theo đó, thành phố xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp công viên lớn, tập trung với quy mô

trên 1 ha bằng nguồn vốn ngân sách thành phố. Còn nguồn lực đầu tư công viên cây xanh cấp phường chủ yếu từ nguồn ngân sách của các quận. Các quận khó khăn trong cân đối nguồn vốn, sẽ hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách thành phố.

Thành phố cũng sẽ tập trung nguồn lực hoàn thành xây dựng mô hình thí điểm 8 xã nông thôn mới (NTM) kiểu mẫu; nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch sinh thái, giảm nghèo bền vững.

Để hoàn thành toàn diện 8 xã NTM kiểu mẫu, thành phố chỉ đạo các cấp, ngành, các huyện tập trung làm tốt công tác tuyên truyền để nhân dân nhận thức rõ: Xây dựng NTM kiểu mẫu là sự quan tâm đặc biệt của thành phố, mang lại những lợi ích rất thiết thực cho người dân. Từ đó chung tay cùng thành phố thực hiện thành công các mục tiêu đề ra. Thành phố ưu tiên dành nguồn lực khoảng 20.000 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các xã NTM kiểu mẫu, bình quân mỗi xã khoảng 147 tỷ đồng. Chưa bao giờ có sự đầu tư lớn như vậy nên thành phố chỉ đạo cả hệ thống chính trị, các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể cần tiếp tục tập trung cao thực hiện chương trình.

Từ thực tiễn triển khai thí điểm các xã NTM kiểu mẫu tại cơ sở, thành phố đánh giá có một số tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng NTM kiểu mẫu ban hành trước đây chưa phù hợp. Do đó, thành phố đang chỉ đạo các ngành chức năng điều chỉnh lại chiều rộng các tuyến đường

giao thông phù hợp với yêu cầu phát triển mới, điều chỉnh vỉa hè tối thiểu đạt 3m trở lên. Thành phố sẽ chịu trách nhiệm xử lý rác thải tại các huyện; miễn phí toàn bộ điện chiếu sáng như đô thị... Về tiến độ, thành phố yêu cầu tập trung cao hoàn thành các hạng mục công trình tại 8 xã NTM kiểu mẫu trong tháng 9/2021. Đồng thời triển khai xây dựng tiếp 14 xã NTM kiểu mẫu trong năm 2021, phấn đấu tới năm 2025 sẽ hoàn thành toàn bộ 100% số xã trên địa bàn Hải Phòng.

■ **PV:** Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ TP Hải Phòng có những mục tiêu, chỉ tiêu rất cao trong nhiệm kỳ 2020-2025. Xin đồng chí cho biết cụ thể hơn về những mục tiêu và chỉ tiêu này?

● **Đồng chí Nguyễn Văn Tùng:** Mục tiêu đưa ra tại Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ thành phố Hải Phòng: Đến năm 2025, TP Hải Phòng cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trở thành thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại; là trọng điểm phát triển kinh tế biển, trung tâm du lịch quốc tế; hoàn thành các tiêu chí đô thị loại I; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; quốc phòng, an ninh được



giữ vững; có tổ chức Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tạo nền tảng vững chắc để trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, văn minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á vào năm 2030.

Các chỉ tiêu kinh tế Hải Phòng sẽ phấn đấu trong nhiệm kỳ mới, trong đó tăng trưởng GRDP đạt bình quân tối thiểu 14,5%/năm. Tỷ trọng GRDP của Hải Phòng năm 2025 chiếm 6,4% GDP cả nước, 23,7% GDP vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. GRDP bình quân năm 2025 đạt 11.800 USD/người. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân 21,5%/năm; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2025 đạt từ 41% đến 43%; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2025 đạt từ 47% đến 49%. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến năm 2025 đạt 145.000 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 65.000 tỷ đồng.

■ **PV:** Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ thành phố xác định ưu tiên những trụ cột kinh tế nào, thừa đồng chí?

● **Đồng chí Nguyễn Văn Tùng:** Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ TP Hải Phòng đã đưa ra 3 trụ cột chủ yếu gồm: Công nghiệp công nghệ cao; cảng biển - logistics; du lịch - thương mại. Những trụ cột này sẽ được tập trung triển khai ngay trong năm 2021 với nhiều giải pháp đồng bộ, hiệu quả. Cụ thể, UBND thành phố chỉ đạo sơ kết đánh giá, bổ khuyết Nghị quyết

số 05 của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển công nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; hoàn thiện các thủ tục thành lập các KCN: Cầu Cự (huyện An Lão), Tiên Thanh (huyện Tiên Lãng), KCN và phi thuế quan Xuân Cầu (huyện Cát Hải), KCN Nam Tràng Cát (quận Hải An), KCN Thủy Nguyên; mở rộng KCN Tràng Duệ giai đoạn 3... và một số cụm công nghiệp; lấp đầy các KCN hiện có; thu hút các dự án đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ cao, có khả năng đóng góp nhiều cho nguồn thu ngân sách...

Về cảng biển, thành phố chỉ đạo, tạo mọi điều kiện thuận lợi khai thác đồng bộ, hiệu quả các cảng biển tổng hợp, cảng trung chuyển quốc tế, cảng chuyên dùng gắn với các dịch vụ hỗ trợ; khởi công xây dựng các bến số 3, số 4 và tiếp tục triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng bến số 5, số 6 và các bến tiếp theo của Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án Ứng dụng và phát triển E-logistics thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025.

Về du lịch, thương mại, bên cạnh thúc đẩy hoàn thiện và khai thác, sử dụng hiệu quả các dự án, công trình lớn hiện có, sẽ tiếp tục triển khai tuyến cáp treo Phù Long - thị trấn Cát Bà; Khu cảng hàng hóa, bến phà, bến tàu khách, nhà máy sản xuất các sản phẩm du lịch, khu dịch vụ hậu cần du lịch tại huyện Cát Hải; nghiên cứu mở rộng, phát triển mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; xúc tiến mở các

đường bay mới từ Cảng hàng không quốc tế Cát Bi tới các tỉnh, thành phố trong nước và quốc tế; phát triển hạ tầng thương mại hiện đại như các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối, chợ nông thôn (gắn với xây dựng nông thôn mới); phát triển thương mại điện tử; mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu; phát huy lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đã ký kết...

Nhiệm vụ đặt ra trong năm 2021 và giai đoạn 2021-2026 là rất quan trọng và nặng nề. Nhưng với kết quả đã đạt được trong giai đoạn vừa qua, với những mục tiêu, định hướng lớn đã được đề ra, dưới sự chỉ đạo, hỗ trợ hiệu quả của Trung ương, sự đoàn kết, thống nhất cao của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố, cùng với nỗ lực vào cuộc trách nhiệm cao của các cấp, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang, sự tin tưởng của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân thành phố, tôi tin tưởng nhất định Hải Phòng sẽ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kép năm 2021, phòng chống dịch bệnh Covid-19 thành công và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở mức cao; giữ vững quốc phòng, an ninh; tiếp tục cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của thành phố, tạo đà cho hoàn thành kế hoạch 5 năm 2021-2026, đưa TP Hải Phòng tiếp tục phát triển nhanh hơn, toàn diện và hiệu quả hơn.

■ **PV:** Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!



KINH TẾ VIỆT NAM: ĐIỂM SÁNG KINH TẾ TOÀN CẦU

● **PGS.TS. PHẠM THỊ THANH BÌNH**

Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

Năm 2020, tăng trưởng kinh tế Việt Nam ước đạt 2,91%. Mặc dù có tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp nhất trong nhiều năm nhưng so với bức tranh kinh tế thế giới, Việt Nam được xem là điểm sáng của kinh tế toàn cầu, là một trong 4 nền kinh tế có mức tăng trưởng dương trên thế giới⁽¹⁾. Trong bối cảnh đại dịch, sự hồi phục của kinh tế Việt Nam chứng tỏ những tiến bộ đến từ

nội lực trong nước.

1. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2020

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2020 được thể hiện nổi bật ở những điểm sau:

Tốc độ tăng trưởng dương. Tăng trưởng dương của Việt Nam là điểm sáng rõ nét nhất trong năm 2020. Việt Nam cũng được đánh giá có nền kinh tế tăng trưởng nhanh trong khu

vực, là một trong 4 nền kinh tế trên thế giới có được sự tăng trưởng về GDP bình quân đầu người, bao gồm Việt Nam, Đài Loan, Ai Cập và Trung

(1) Bốn nền kinh tế tăng trưởng dương gồm: Việt Nam, Đài Loan, Ai Cập và Trung Quốc. Việt Nam là nước có mức tăng trưởng dương cao nhất so với 5 nền kinh tế lớn trong khu vực Đông Nam Á, là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới.

Quốc. Quy mô GDP Việt Nam đứng thứ 4 Đông Nam Á (vượt Singapore với 337,5 tỷ USD, Malaysia với 336,3 tỷ USD, đứng sau Indonesia 1.088,8 tỷ USD, Thái Lan 509,2 tỷ USD và Philippines 367,4 tỷ USD). Mức GDP bình quân đầu người đạt 3.497,51 USD (gần 3.500 USD/người), xếp thứ 6 trong khu vực ASEAN, sau Singapore (58.483,9 USD), Brunei (23.116,7 USD), Malaysia (10.192,4 USD), Thái Lan (7.295,1 USD) và Indonesia (4.038,4 USD). Mức GDP bình quân đầu người của Việt Nam dự báo sẽ đạt 5.211,90 USD (2025)⁽²⁾. Chỉ số phát triển bền vững năm 2020 của Việt Nam tăng 39 bậc so với năm 2016, xếp thứ 49/166 quốc gia.

Theo Báo cáo phát triển bền vững 2020, Việt Nam là quốc gia Đông Nam Á duy nhất đạt được mục tiêu hành động của Liên hợp quốc⁽³⁾, trong khi Indonesia, Thái Lan, Malaysia và Singapore đều chưa đạt.

Thặng dư thương mại hàng hóa cao: Tăng trưởng kinh tế Việt Nam có được nhờ thặng dư thương mại đạt kỷ lục, gần 17 tỷ USD trong bối cảnh thương mại toàn cầu suy giảm.

Xuất khẩu chính là động lực cho tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong quý 3/2020 tăng 10,9% so với cùng kỳ và là mức tăng cao nhất thế giới trong khi kim ngạch xuất khẩu từ Nhật Bản, Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) giảm 9,7% - 11,6%⁽⁴⁾. Xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ tăng 23% so với cùng kỳ năm 2019,

trong đó xuất khẩu đồ điện tử tăng 26%.

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của doanh nghiệp nội địa vẫn đạt hơn 20%. Điều đó cho thấy, Việt Nam hy vọng về lâu dài, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu này sẽ vẫn giữ được và năng lực xuất khẩu của các doanh nghiệp nội địa sẽ ngang bằng và vượt khối lượng xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam sẽ gặp rủi ro nếu Mỹ áp dụng các biện pháp thuế quan mới đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, tạo ra những khó khăn lớn cho lĩnh vực chế biến chế tạo liên quan tới xuất khẩu, dẫn tới giảm tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam. Kinh tế Việt Nam cũng ít phụ thuộc vào du lịch hơn so với các nước Đông Nam Á khác, do đó ít chịu sức ép hơn khi du lịch quốc tế bị đình trệ.

Sự hồi phục của ngành chế biến, chế tạo. Các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế như ngành công nghiệp chế biến, chế tạo – động lực dẫn dắt tăng trưởng kinh tế và thương mại dịch vụ tiếp tục khởi sắc, lần lượt tăng 8,3% và 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Điều quan trọng là các chỉ số này đã liên tục trong xu thế tăng từ mức sụt giảm mạnh thời kỳ phong tỏa, làm tăng niềm tin rằng: Nền kinh tế đã đi qua thời kỳ khó khăn nhất.

Lĩnh vực chế biến, chế tạo tiếp tục được đầu tư thường xuyên tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế. Sự phát triển của khu vực chế biến, chế tạo đã giúp nền kinh tế trở thành điểm trung chuyển của hàng hóa, chẳng hạn các hàng hóa điện tử

trung gian. Quá trình cổ phần hóa khu vực doanh nghiệp nhà nước, chiếm 1/3 nền kinh tế, sẽ giúp cải thiện năng suất lao động khu vực chế biến chế tạo và tăng trưởng kinh tế. Các chỉ số sản xuất công nghiệp và doanh số bán lẻ đều tăng gấp đôi. Lạm phát được kiểm soát ở mức 3,3% năm 2020 và dự báo tăng nhẹ 3,5% năm 2021. Tuy nhiên, mức thâm hụt ngân sách và nợ công khá cao, có thể làm cho nền kinh tế dễ bị tác động hơn bởi những bất ổn kinh tế toàn cầu - điều này sẽ ảnh hưởng tới khu vực chế biến chế tạo.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài tuy giảm nhưng vẫn ở mức cao. Việt Nam có lợi thế hai năm liên tiếp nhận dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh. Tổng vốn FDI đổ vào Việt Nam đạt 35 tỷ USD (2018) và tăng lên 38 tỷ USD (2019) cao nhất trong giai đoạn 10 năm (2009-2019). Năm 2020 tổng số vốn FDI cam kết chỉ giảm khoảng 19% trong bối cảnh dòng vốn FDI toàn cầu dự đoán giảm từ 30-40% theo đánh giá của Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD). Dòng vốn FDI đăng ký mới vào Việt Nam (bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn

(2) Triển vọng tích cực kinh tế Việt Nam 2020-2021; <https://nhandan.com.vn/nhan-dinh/trien-vong-tich-cuc-kinh-te-viet-nam-2020-2021-621765/>

(3) Theo chương trình này, các quốc gia phải đạt 5 mục tiêu, trong đó có các biện pháp giảm khí thải CO₂, thúc đẩy năng lượng tái tạo và nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.

(4) Đánh giá của UNCTAD năm 2020



đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài) vẫn ở mức cao, đạt 27 tỷ USD (2020). Luật Đầu tư tại Việt Nam đã được sửa đổi chủ yếu nhằm tạo thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư bằng cách giảm các thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Đầu tư tư nhân tăng trưởng cao. Khu vực kinh tế tư nhân là nhân tố đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Khu vực kinh tế tư nhân (doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh cá thể) đóng góp gần 40% GDP, là mức đóng góp cao nhất trong các thành phần kinh tế đối với tăng trưởng GDP của Việt Nam. Nếu đầu tư tư nhân (không tính hộ kinh doanh cá thể) tăng 1% giúp GDP của Việt Nam tăng trưởng thêm khoảng trên 0,15 điểm %, là động lực

tăng trưởng quan trọng góp phần khôi phục kinh tế sau đại dịch.

Việt Nam chủ trì Lễ ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) tháng 11/2020. RCEP sẽ là đòn bẩy giúp tăng trưởng kinh tế, thương mại và đầu tư của Việt Nam với các nước tham gia Hiệp định.

2. Nhân tố thúc đẩy thành công kinh tế của Việt Nam

Kinh tế Việt Nam có được mức tăng trưởng dương là nhờ năng lực của cả khu vực kinh tế trong nước và kinh tế đối ngoại. Việt Nam không những kiểm soát được đại dịch Covid-19 sớm nhất, mà Chính phủ còn sử dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ để tháo gỡ khó khăn cho khu vực tư nhân và thúc đẩy phục hồi. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt được năm 2020

là nhờ sự đóng góp của những nhân tố cơ bản sau:

Thứ nhất, chính sách thân thiện với thị trường của chính phủ. Chính phủ đã ban hành hàng loạt chính sách, trong đó chính sách tiền tệ đã khẳng định được vai trò lưu thông “dòng máu” của nền kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp vượt khó khăn, ổn định sản xuất. Các chính sách ban hành bởi Chính phủ thể hiện được sự quyết liệt và sáng tạo của Chính phủ, cùng với các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp có nguồn lực để cầm cự, xoay sở.

Chính sách tiền tệ chủ động linh hoạt, góp phần hạ mặt bằng lãi suất hỗ trợ nền kinh tế. Mục tiêu ưu tiên hàng đầu của các chính sách, trong đó có chính sách tiền tệ là duy trì hoạt động của doanh nghiệp, hạn chế tối đa

tình trạng phá sản; Duy trì việc làm cho người lao động, hạn chế tình trạng thất nghiệp, mất thu nhập; Đảm bảo hệ thống ngân hàng - huyết mạch của nền kinh tế - duy trì được trạng thái ổn định, vận hành tốt, đủ năng lực vực dậy nền kinh tế sau dịch bệnh.

Chính sách tiền tệ hỗ trợ khu vực sản xuất, kinh doanh thông qua việc Ngân hàng Nhà nước hỗ trợ các ngân hàng thương mại cơ cấu lại các khoản nợ hiện hành cho các khách hàng (giảm lãi suất đối với các khoản nợ hiện hành, đảo nợ...); miễn giảm lãi trong thời kỳ doanh nghiệp không có doanh thu. Cùng với hệ thống ngân hàng lành mạnh, dự trữ ngoại hối tăng kể từ năm 2011 tạo ra nền tảng tốt khi gặp những “cú sốc” từ bên ngoài. Dự trữ ngoại hối ở mức cao (gần 90 tỷ USD năm 2020) và cán cân thanh toán thặng dư là những điều kiện thuận lợi hỗ trợ cho Ngân hàng Nhà nước giữ ổn

định tỷ giá.

Hiện hầu hết doanh nghiệp hoạt động dựa vào các khoản vay được đảm bảo bằng doanh thu trong tương lai. Khi nền kinh tế bị đóng cửa, nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoạt động, nhưng những doanh nghiệp có các khoản vay vẫn phải trả nợ và lãi vay. Nếu chính sách tiền tệ, chính sách lãi vay không trợ giúp thì dễ dẫn đến một làn sóng vỡ nợ, phá sản các doanh nghiệp và gây thảm họa cho thị trường tài chính và hệ thống các tổ chức tín dụng.

Thứ hai, thành công trong công tác chống dịch Covid-19: Đại dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn thế giới và mạnh nhất là khu vực dịch vụ. Tuy nhiên, Việt Nam nằm trong số ít các quốc gia kiểm soát tốt dịch bệnh và đã có cách làm đúng, kịp thời, hiệu quả, chi phí thấp, dù so với nhiều quốc gia giàu có hơn, Việt Nam còn thiếu

cơ sở hạ tầng y tế, nhưng Việt Nam được hầu hết các nước ca ngợi về các biện pháp y tế công cộng, nhanh chóng kiểm soát được số ca lây nhiễm Covid-19 với số ca mắc Covid-19 và tỉ lệ tử vong thấp.

Nhờ thành công trong việc ngăn chặn sự lây lan của đại dịch Covid-19, nền kinh tế Việt Nam không chỉ duy trì tăng trưởng GDP dương mà còn tăng trưởng cao hơn bất kỳ quốc gia Đông Nam Á khác. Việc kiểm soát dịch Covid-19 thành công và phục hồi xuất khẩu mạnh giúp Việt Nam (cùng với Trung Quốc) trở thành những tấm gương cho thương mại toàn cầu.

Thứ ba, tính linh hoạt và khả năng ứng phó của doanh nghiệp. Để khuyến khích hoạt động của doanh nghiệp, Chính phủ đưa ra các biện pháp giảm thuế, hoãn nộp thuế và miễn phí sử dụng đất đối với các doanh nghiệp. Việt Nam đã giữ ổn định tăng



trưởng trong suốt giai đoạn 2016-2019, giúp tạo niềm tin với doanh nghiệp. Tập trung phát triển khối doanh nghiệp tạo nền tảng khá bền vững và giúp giữ được ổn định nền kinh tế. Trong bối cảnh đại dịch, doanh nghiệp Việt Nam đã dùng nhiều cách để vượt qua khó khăn như: Chuyển đổi sản phẩm, linh hoạt trong tiếp cận với khách hàng, linh hoạt trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là sự “lên ngôi” của thương mại điện tử và kinh tế số⁽⁵⁾.

Kinh tế số Việt Nam sẽ trở nên bao trùm khi người tiêu dùng dần thích nghi với nền kinh tế số, các doanh nghiệp cũng được hỗ trợ nhiều hơn bởi các nhà đầu tư cũng như các chương trình chuyển đổi số của chính phủ. Đại dịch Covid-19 đã tạo ra cơ hội thay đổi phương thức phát triển kinh tế Việt Nam theo hướng áp dụng ngày càng nhiều hơn kinh tế số. Sự phát triển nhanh của kinh tế số sẽ mang lại cho Việt Nam cơ hội để cải thiện mạnh mẽ năng suất lao động tổng thể. Dự báo, kinh tế số đóng góp từ 7% - 16,5% trong 100% tốc độ tăng trưởng năng suất lao động tổng thể⁽⁶⁾ giai đoạn (2020-2030) của Việt Nam. Từ đó, Việt Nam có thể đạt được phát triển bền vững và đồng thời chống đỡ được các cú sốc từ bên ngoài.

Bên cạnh các doanh nghiệp còn có sự góp sức của hàng chục triệu lao động phi chính thức (hộ gia đình, lao động tự do). Khi những hỗ trợ đến từ Chính phủ còn hạn chế thì nhóm phi chính thức là “bệ đỡ” tốt, tự bảo

đảm được cuộc sống ở mức tối thiểu. Cùng với “tài khoản tiết kiệm” của người dân giúp phần nào giảm được áp lực khi dịch Covid-19 bùng phát.

Rõ ràng, việc kiểm soát tốt đại dịch, sự hồi phục của lĩnh vực chế biến chế tạo, cùng với thương mại dịch vụ nội địa chính là động lực cho tăng trưởng. Bên cạnh đó, sự thành công của Việt Nam, theo Asia Times là do nền kinh tế Việt Nam ít phụ thuộc vào ngành dịch vụ du lịch so với các nước Đông Nam Á khác, nên tác động của dịch bệnh Covid-19 đến sự “sụp đổ” của ngành du lịch quốc tế đã không gây nhiều áp lực đối với kinh tế Việt Nam. Cùng với việc phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - EVFTA (6/2019) và ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực - RCEP (11/2020) giúp tăng trưởng kinh tế của Việt Nam khả quan hơn.

3. Đánh giá triển vọng năm 2021

Triển vọng kinh tế của Việt Nam trong trung hạn và dài hạn được đánh giá rất tích cực. Năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ 8 (2021-2025) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Mục tiêu năm 2021 là tập trung thực hiện hiệu quả 2 nhiệm vụ chính: Vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát với mục tiêu

tăng khoảng 6 -7% GDP (2021)⁽⁷⁾. Quy mô GDP đầu người tăng khoảng 3.700 USD và đạt 5.212 USD (2025). Trong khi tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%. Việt Nam là ngôi sao đang lên trong nền kinh tế khu vực nói riêng và kinh tế toàn cầu nói chung, mở đường để trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045.

Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam phụ thuộc vào đóng góp của 4 yếu tố cơ bản sau:

Thứ nhất, mức thu nhập trung bình tăng. Yếu tố thu nhập tăng được đánh giá là 1 trong 4 yếu tố chính thúc đẩy tăng trưởng của nhóm các nền kinh tế mới nổi (gồm Việt Nam, Indonesia và Philippines), mức thu nhập sẽ tăng khoảng 6-8% hàng năm⁽⁸⁾. Năm 2030, thu nhập bình quân các hộ gia đình tại một số nền kinh tế mới nổi khu vực ASEAN sẽ tăng gần gấp đôi so với năm

(5) Kinh tế số Việt Nam có tốc độ tăng trưởng bứt phá đứng thứ hai (sau Indonesia) so với các quốc gia khác trong khu vực, đạt 12 tỉ USD (2020) và dự báo cán mốc 43 tỉ USD (2025).

(6) Kinh tế số là nhân tố then chốt thúc đẩy năng suất lao động; <http://moit.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/kinh-te-so-la-nhan-to-then-chot-thuc-%C4%91ay-nang-suat-lao-%C4%91ong-19010-1001.html>

(7) Đánh giá của Bà Era Dabla-Norris, đại diện Vụ châu Á - Thái Bình Dương của IMF

(8) Theo Báo cáo “Tương lai thị trường tiêu dùng ASEAN” do WEF công bố năm 2020.

2019 và Việt Nam sẽ là thị trường có mức tăng thu nhập bình quân cao nhất. Tầng lớp trung lưu của Việt Nam đang hình thành - hiện chiếm 13% dân số và dự kiến sẽ lên đến 26% vào năm 2026⁽⁹⁾.

Thứ hai, tác động của yếu tố nhân khẩu học. Những yếu tố như dân số trẻ (70% dân số có độ tuổi dưới 35), công nghệ, lực lượng lao động đóng vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam. Việt Nam sẽ là động lực tăng trưởng của khu vực trong thập kỷ tới, thúc đẩy 98% sự gia tăng lực lượng lao động, đóng góp 70-80% số lượng người tiêu dùng mới.

Chi phí lao động của Việt Nam cũng thấp hơn nhiều so với các khu vực khác của châu Á, chỉ bằng khoảng 50% so với Trung Quốc. Sự kết hợp giữa lực lượng lao động ngày càng mở rộng, chi phí lao động thấp và năng suất ngày càng cao của Việt Nam là những yếu tố hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

Quá trình đô thị hóa tiếp tục là động lực cho tăng trưởng dài hạn. Dự báo dân số thành thị của Việt Nam sẽ tăng trưởng lên trên năm 50% vào năm 2040 so với 32% năm 2013.

Thứ ba, thay đổi địa chính trị. Những thay đổi về địa chính trị cũng như chính sách tại Việt Nam sẽ mở ra cánh cửa cho FDI và nhiều cơ hội khác. Sự ổn định chính trị và kinh tế là nhân tố chính giúp thu hút thêm nhiều FDI cho Việt Nam. Các doanh nghiệp đa quốc gia đang tìm cách cân bằng chuỗi cung

ứng nhằm đa dạng hóa rủi ro địa chính trị và tận dụng tối đa nguồn lao động giá rẻ. Điều này đã khiến Việt Nam trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn, song cũng sẽ tạo ra nhiều thách thức khi chủ nghĩa bảo hộ ngày càng gia tăng.

Thứ tư, xu hướng kỹ thuật số. Đại dịch Covid-19 là cơ hội thay đổi phương thức phát triển kinh tế Việt Nam theo hướng áp dụng nhiều hơn kinh tế số. Bởi kinh tế số chính là yếu tố then chốt thúc đẩy năng suất lao động tại Việt Nam. Năm 2015, kinh tế Internet Việt Nam bùng nổ với tốc độ tăng trưởng hàng năm 38%. Giá trị nền kinh tế số đạt 12 tỉ đô la (2020) và dự báo đạt 43 tỉ đô la (2025), gồm các lĩnh vực như thương mại điện tử, du lịch trực tuyến, truyền thông trực tuyến và gọi xe công nghệ. Kinh tế số Việt Nam có tốc độ tăng trưởng bứt phá chỉ đứng thứ hai (sau Indonesia) so với các quốc gia khác trong khu vực.

Tuy nhiên, nguy cơ lớn nhất ảnh hưởng tới triển vọng tăng trưởng của Việt Nam nếu đại dịch Covid-19 kéo dài trên thế giới. Căng thẳng thương mại toàn cầu, gia tăng bảo hộ thương mại và các rủi ro tài chính sẽ trầm trọng thêm nếu đại dịch kéo dài. Khi đó, tiêu dùng nội địa tiếp tục ở mức thấp bởi thu nhập hộ gia đình và doanh nghiệp giảm, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng và nhiều doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động. Triển vọng đầu tư không đồng đều, đầu tư tư nhân vẫn yếu và đầu tư nước ngoài liên quan đến thương mại tiếp tục giảm.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường trọng điểm, đồng thời đẩy mạnh kích cầu thị trường nội địa. Tiếp tục ưu tiên đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công. Đây được xem là một giải pháp bù đắp thiếu hụt động lực tăng trưởng trong năm 2021 và là động lực tăng trưởng dài hạn. Việt Nam là ngôi sao đang lên trong nền kinh tế khu vực nói riêng và kinh tế toàn cầu nói chung.

Tóm lại, năm 2020, đại dịch Covid-19 giúp Việt Nam có được bài học kinh nghiệm là không phụ thuộc quá nhiều vào xuất nhập khẩu khiến nền kinh tế trở nên mong manh trước các cú sốc đến từ bên ngoài. Bởi khi nền kinh tế yếu đi tại các nước đối tác thương mại chính yếu sẽ có tác động tới lĩnh vực xuất khẩu và khu vực chế biến, chế tạo. Vì vậy, Việt Nam cần phải đa dạng hóa hơn nữa các đối tác thương mại, từ đó giảm thiểu những cú sốc đến từ một đối tác. Trong lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài (FDI), chỉ số rào cản FDI của Việt Nam ở mức thấp so với nhóm các nước cạnh tranh (Malaysia và Indonesia) và sự ổn định kinh tế-chính trị của Việt Nam là những nhân tố chính thu hút thêm nhiều FDI. Việt Nam vẫn được đứng trong top 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới, có nhiều triển vọng thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển ■

(9) Đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB)



HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021

● **THS. HÀ HẢI AN VÀ TS. CHU TIẾN ĐẠT**

Vụ Kinh tế quốc tế và Hội nhập, Ban Kinh tế Trung ương

Năm 2020, Việt Nam là điểm sáng trong phát triển kinh tế nói chung, trong hội nhập kinh tế nói riêng trên thế giới trong khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 khi là quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhóm cao nhất thế giới và là một trong những nước dẫn đầu khu vực trong thúc đẩy, tham gia và thực thi các liên kết kinh tế quốc tế, tiếp tục mở rộng mạng lưới các “tuyến đường cao tốc” kết nối quốc tế với 17 Hiệp định thương mại tự do (FTA). Năm 2021, để tận dụng và phát huy hơn nữa kết quả hội nhập kinh tế quốc tế, để hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục trở thành một trong những động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, làm tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia, trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn thách thức, cần bám sát các chủ trương, đường lối về hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng, nhất là theo hướng “toàn diện, sâu rộng” như mới được bổ sung trong văn kiện Đại hội Đảng XIII, đồng thời hiện thực hóa các FTA, biến hội nhập thành động lực cho tăng trưởng kinh tế; tăng cường chất lượng, đa dạng hóa các hoạt động xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài.

I. Bối cảnh 2020

Năm 2020 đánh dấu đợt suy thoái chưa từng có từ Thế chiến thứ hai với nhiều diễn biến, cú sốc mạnh mẽ và “kỳ lạ” trên hầu hết mọi thị trường ở nhiều cung bậc, sắc thái, theo diễn biến tình hình đại dịch Covid-19 bất chấp nhiều biện pháp kích thích kinh tế, tài khóa, tiền tệ chưa từng có tiền lệ của các nước. GDP toàn cầu ước giảm khoảng 3,5-4,2%⁽¹⁾ trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tiếp tục lan nhanh. 92% quốc gia rơi vào suy thoái, tỷ lệ cao chưa từng thấy kể từ đại dịch đậu mùa vào thập niên 1870, trong đó có những đầu tàu, trụ cột quan trọng của kinh tế thế giới như: Mỹ, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh, Australia, Ấn Độ... với mức giảm lên đến hai con số⁽²⁾ nhưng nhìn chung suy thoái kinh tế do đại dịch Covid-19 gây ra ít nghiêm trọng hơn so với dự đoán trong năm 2020, chủ yếu nhờ Trung Quốc hồi phục mạnh mẽ hơn, kinh tế các nước được cải thiện vào nửa cuối năm và giảm thấp hơn dự báo, nhất là đối với các nền kinh tế lớn.

Đông Nam Á - khu vực đang là tâm điểm của kinh tế toàn cầu năm 2020 cũng đã xuất hiện một cuộc suy thoái kinh tế khu vực hiếm thấy kể từ cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997. GDP của ASEAN đã tăng với tốc độ khoảng 5% trong 10 năm liên tiếp cho đến khi đại dịch Covid-19 bùng phát. Đại dịch lây lan khiến các nước rơi vào tình trạng đình trệ, chuỗi cung ứng bị gián đoạn và ngành logistics gặp trở

ngại. Một số nước Đông Nam Á phòng chống dịch không hiệu quả ảnh hưởng nghiêm trọng đến phục hồi kinh tế. Kinh tế Đông Nam Á giảm khoảng 4% trong năm 2020 – mức tăng trưởng âm đầu tiên trong 22 năm. Tình trạng thu nhập thiếu ổn định và an sinh xã hội không đầy đủ cùng với dịch bệnh đã đẩy 218 triệu lao động phi chính thức vào cảnh nghèo đói, cuốn trôi những thành tựu xóa đói giảm nghèo của Đông Nam Á trong nhiều thập kỷ.

Hệ thống thương mại và vận tải quốc tế chịu tác động trực tiếp, mạnh mẽ ngay lập tức của đại dịch Covid-19, trải qua những diễn biến bất thường, đứt gãy, gián đoạn và sụp đổ chưa từng thấy trong năm 2020. Thương mại quốc tế năm 2020 giảm (-4,5%) so với 2019; năng lượng, ô tô, máy móc... là những lĩnh vực chịu tác động mạnh trong khi nông sản khá ổn định và tăng nhẹ, dệt may tăng (10%) so với 2019. Đại dịch Covid-19 cũng tạo ra những xu hướng mới trong thương mại toàn cầu, định hình lại hệ thống logistics, vận tải theo sự thay đổi của chuỗi cung ứng, mô hình toàn cầu hóa, thói quen tiêu dùng, mua sắm... Thương mại điện tử đã “bùng nổ” với doanh thu toàn cầu khoảng 3.900 tỷ USD trong năm 2020, trong đó riêng khu vực châu Á - Thái Bình Dương là 2.450 tỷ USD⁽³⁾.

Đại dịch Covid-19 đã tác động trực tiếp và tiêu cực lên đầu tư, khiến xu hướng đầu tư quốc tế giảm trong tất cả các

hình thức từ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), phát triển dự án mới đến mua bán sáp nhập qua biên giới, tài trợ dự án quốc tế; triển vọng vẫn xấu và sẽ tiếp tục kéo dài sang năm 2021. Việc triển khai thực hiện các dự án hiện tại sẽ bị trì hoãn, giảm số dự án mới, giảm lợi nhuận dẫn đến giảm tái đầu tư của doanh nghiệp FDI. FDI toàn cầu ước tính giảm 40% trong năm 2020 so với mức 1,6 nghìn tỷ của năm 2019, khiến lần đầu tiên kể từ 2005, dòng vốn FDI rơi xuống dưới ngưỡng 1 nghìn tỷ USD. Làn sóng dịch chuyển khỏi Trung Quốc là không hoàn toàn diễn ra như dự báo khi FDI vào Trung Quốc vẫn tăng. Báo cáo của Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) cho thấy năm 2020 có sự phân chia rõ rệt giữa Đông và Tây trong kinh tế toàn cầu khi Đông Á thu hút 1/3 tổng FDI toàn cầu, mức cao nhất kể từ năm 1980 trong khi EU bị sụt giảm 71%.

II. Việt Nam: Ngôi sao hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh đại dịch Covid-19

Việt Nam đã kiểm soát tốt dịch bệnh, thể hiện được khả năng phục hồi mạnh mẽ và đạt được “mục tiêu kép” dù hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu và chịu nhiều tác động

(1) Ước tính lần lượt của IMF và OECD, trong đó IMF cập nhật cải thiện so với mức dự báo -4,4% trước đây

(2) GDP Mỹ giảm kỷ lục 31,4% trong quý II (đã hiệu chỉnh theo cơ sở hàng năm)

(3) Theo số liệu của hãng nghiên cứu thị trường Statista



nặng nề từ đại dịch Covid-19. Tăng trưởng GDP năm 2020 đạt 2,91% trong khi khuôn khổ kinh tế vĩ mô, tài khóa, tiền tệ vẫn được duy trì ổn định và lành mạnh.

Việt Nam đã dịch chuyển từ quốc gia nỗ lực tham gia hội nhập và trở thành “quán quân” trong ký kết các FTA, đưa hội nhập trở thành một động lực quan trọng trong phục hồi và phát triển kinh tế đất nước. Trong bối cảnh đại dịch, chủ nghĩa bảo hộ ngày càng phổ biến ở nhiều nước, cạnh tranh nước lớn ngày càng gay gắt và toàn diện, liên kết kinh tế quốc tế diễn biến phức tạp, nhiều rủi ro đan xen, Việt Nam vẫn là một trong những nước dẫn đầu khu vực trong thúc đẩy, tham gia và thực thi các liên kết kinh tế quốc tế, mở rộng mạng lưới kết nối quốc tế với 15 Hiệp định thương mại tự do FTA được ký kết, trong đó có 14 FTA đi vào thực thi, mở ra thị trường xuất khẩu lớn, nhất là mặt hàng nông sản với 59 dòng thuế giảm xuống mức

0%, tạo điều kiện đặc biệt cho xuất khẩu nông, lâm, thủy sản. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU được phê chuẩn và đưa vào thực thi từ 1/8/2020 đã thúc đẩy tăng trưởng thương mại 5 tháng cuối năm tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2019. Cũng trong năm 2020, Việt Nam cũng ký kết hiệp định tự do thương mại Việt Nam – Anh, đặc biệt là Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), gồm 15 nước thành viên, với 2,2 tỷ người, tạo nên khu vực thương mại tự do lớn nhất thế giới.

Năm 2020 đánh dấu một bước ngoặt lớn theo tinh thần của Chỉ thị số 25-CT/TW của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030 khi Việt Nam mạnh dạn và chủ động định hình cấu trúc và luật chơi mới trong và ngoài khu vực, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam tại ASEAN và cộng đồng quốc tế⁽⁴⁾. Trong năm 2020, Việt Nam đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ Chủ tịch luân phiên ASEAN và thành viên không

thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (LHQ). **Các hiệp định FTA, nhất là các FTA thế hệ mới gần đây, đã mở ra các “con đường cao tốc” kết nối tới các thị trường lớn, nhiều tiềm năng,** với độ phủ rộng 60 nền kinh tế chiếm khoảng 90% GDP toàn cầu, giúp thiết lập thị trường xuất khẩu ổn định lâu dài cho Việt Nam. Việc tích cực, chủ động tham gia các FTA là đúng đắn, kịp thời, phù hợp với chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa của nước ta.

Thông qua hội nhập, Việt Nam đã tranh thủ nguồn vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý, thu hút tốt FDI từ bên ngoài. FDI vào Việt Nam năm 2020 chỉ bị giảm 25% so với mức giảm 40% của thế giới, thậm chí Việt Nam đã nắm bắt thành công thời cơ và cơ hội từ xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao, nhất là từ các “đại bàng” lớn⁽⁵⁾ trong các lĩnh vực như điện tử, linh kiện xe ô tô... được kỳ vọng sẽ đem lại hiệu ứng lan tỏa, liên kết

(4) Theo tổ chức định giá thương hiệu quốc tế Brand Finance của Anh, giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam tăng nhanh nhất thế giới, tăng 319 tỷ USD so với năm 2019. Việt Nam cũng tăng một bậc lên thứ 12 trong tổng số 26 quốc gia và vùng lãnh thổ châu Á, theo chỉ số quyền lực quốc gia của Viện Lowy.

(5) Như Pegatron - nhà cung cấp cho Apple và Samsung, tới LG Electronics. Vào cuối năm 2020, gần như tất cả các nhà cung cấp lớn của Apple trong khu vực đã thiết lập nhà máy tại Việt Nam hoặc có dự định làm như vậy.

và thúc đẩy doanh nghiệp nội phát triển trong các năm tới. FDI là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, đóng góp đáng kể vào việc phát triển ngành dịch vụ chất lượng cao, cũng là nhân tố góp phần chuyển đổi không gian phát triển, hình thành các khu đô thị mới, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, đa dạng hóa thị trường, mặt hàng xuất khẩu⁽⁶⁾, tránh phụ thuộc vào một thị trường. Bất chấp việc hệ thống thương mại và vận tải quốc tế chịu tác động trực tiếp, mạnh mẽ của đại dịch Covid-19, trải qua những diễn biến bất thường, đứt gãy, gián đoạn và sụp đổ chưa từng thấy trong năm 2020, trong bối cảnh thương mại toàn cầu năm 2020 giảm, xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2020 vẫn tăng 5,1% so với 2019, đạt mức xuất siêu 19,1 tỷ USD, cao nhất kể từ năm 2016; nâng cao vị thế và thị phần thương mại quốc tế của Việt Nam trên bản đồ thế giới, xếp thứ 22 thế giới về quy mô kim ngạch và năng lực xuất khẩu, đứng thứ 26 về quy mô thương mại quốc tế. Xuất khẩu trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam, đóng góp rất lớn cho ổn định kinh tế vĩ mô, giúp kinh tế Việt Nam có thêm không gian chính sách và khả năng phục hồi để tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu lại nền kinh tế và phát triển bền vững.

III. Triển vọng kinh tế thế giới 2021: Phân hóa, trở ngại và khó lường

Năm 2021, triển vọng kinh tế thế giới được các tổ chức quốc tế nhìn nhận, đánh giá tăng trưởng trở lại, nhưng theo các chiều hướng khác nhau, phản ánh quan điểm và sự bất ổn và không chắc chắn cao của kinh tế thế giới năm 2021. Hầu hết đều dự báo nửa đầu năm 2021 sẽ tiếp tục khó khăn và chỉ nhờ việc tiêm chủng rộng rãi và có thêm nhiều chính sách kích thích tài chính, tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ phục hồi vào giữa năm theo hình chữ V⁽⁷⁾ được dẫn dắt bởi các nền kinh tế mới nổi, trong đó tiến trình vaccine là yếu tố quyết định giúp tái khởi động nền kinh tế thế giới.

Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo thế giới năm 2021 sẽ tăng trưởng khoảng 5,5% nhưng sẽ không đồng đều trong các nền kinh tế lớn, giữa các ngành kinh tế, có sự phân hóa ở các thị trường phát triển và mới nổi, phục hồi không chắc chắn, đã phục hồi sẽ mạnh mẽ hơn vào nửa cuối năm 2021 khi quá trình tiêm chủng vaccine, nỗ lực phòng chống dịch và các gói kích thích kinh tế bổ sung qui mô của các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản phát huy hiệu quả. Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển phục hồi theo những chiều hướng khác nhau từ mức độ tích cực như Trung Quốc đến “chậm” như các nước xuất khẩu dầu mỏ hay phụ thuộc vào du lịch. Trong khi đó, Ngân hàng Thế giới (WB) bi quan hơn khi đánh giá kinh tế toàn cầu

được dự báo sẽ phục hồi trở lại vào năm 2021 ở mức khoảng 4% nhưng cảnh báo rằng đà hồi phục sẽ yếu hơn dự báo trước đó, tăng trưởng tiềm năng trong một thập kỷ tới sẽ suy giảm trên diện rộng xuống mức 2,5% so với 3,3%, chủ yếu do tăng trưởng năng suất nhân tố tổng hợp chậm lại và già hóa dân số. Các tập đoàn tài chính, đầu tư đa quốc gia có cái nhìn lạc quan hơn khi JPMorgan Chase & Co., BoA, MSCI dự đoán kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng năm 2021 lần lượt là 5%, 5,4%, 5,6%.

Những rủi ro chính đối với triển vọng kinh tế năm 2021 chính là sự bất ổn của tình trạng dịch bệnh Covid-19 với các làn sóng Covid tiếp theo bùng phát cùng với các biến thể Covid-19 nguy hiểm hơn trong khi vaccine chưa chứng minh được hiệu quả trong việc hỗ trợ nền kinh tế toàn cầu phục hồi một cách có trật tự cũng như giải quyết những di chứng để lại của đại dịch Covid-19 đối với thế giới. Nợ công và thâm hụt ngân sách của các quốc gia bị đe dọa nghiêm trọng hay trong trường hợp khác là các nước có khả năng kết thúc sớm hoặc khó tiếp tục tung ra các gói cứu trợ và kích thích mới khi nguồn lực ứng phó đã dần cạn kiệt và không gian chính sách gần như

(6) năm 2016, chỉ có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD/năm, đến nay, có 31 sản phẩm có quy mô xuất khẩu trên 1 tỷ USD

(7) Lưu ý việc phục hồi mạnh này là so với tăng trưởng thấp/suy thoái của năm 2020.



không còn, thậm chí là cả nguy cơ rủi ro do đảo ngược chính sách kích thích sau khi dịch bệnh qua đi và các gói kích thích kinh tế kết thúc. Bên cạnh đó là chuỗi cung ứng khó phục hồi trở lại trạng thái bình thường và ảnh hưởng đến giá cả, chi phí và hoạt động thương mại quốc tế (ví dụ như tình trạng thiếu hụt linh kiện lắp ráp, giá cước vận tải hay thuê container rỗng tăng vọt...), ảnh hưởng tiêu cực trong dài hạn đến lực cầu vốn đang còn yếu.

Thương mại toàn cầu trong năm 2021 sẽ chuyển tăng trưởng từ âm sang dương, thương mại số phát huy vai trò mới: Khi chuỗi sản xuất và chuỗi cung ứng ở nhiều quốc gia hơn được khôi phục, thương mại toàn cầu trong năm 2021 sẽ tăng trở lại, kim ngạch xuất nhập khẩu của các nền kinh tế hàng đầu thế giới sẽ tiếp tục tăng lên, dự báo do Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) công bố tháng 10/2020 cho rằng lượng thương mại hàng hóa toàn cầu giảm 9,2% năm 2020, sẽ tăng 7,2%

vào năm 2021, trong khi Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) dự báo tăng trưởng thương mại toàn cầu năm 2021 sẽ quay trở lại mức của năm 2019, IMF dự báo tăng ở mức 5%. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế số trên thế giới, thương mại số đã tăng vọt, phát huy vai trò lớn hơn và chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong thương mại toàn cầu. Đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2021 có thể giảm thêm 5-10% xuống mức dưới 900 tỷ USD so với mức khoảng 1.000 tỷ USD của năm 2020⁽⁸⁾.

IV. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam năm 2021: toàn diện, sâu rộng, nâng cao năng lực, mức độ, chất lượng

Trong bối cảnh đó, để **phát huy hơn nữa thành tựu hội nhập**, tiếp tục biến hội nhập kinh tế là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế, nâng cao vị thế và sức mạnh tổng hợp quốc gia; thực hiện hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân vừa phục hồi và

phát triển kinh tế - xã hội, trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn; giải quyết hài hòa bài toán vừa kiểm soát chặt chẽ hoạt động đi lại quốc tế để phòng dịch bệnh, vừa nâng cao hiệu quả của hội nhập quốc tế và khai thác tối đa các “tuyến đường cao tốc” mới được mở, yêu cầu đối với hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam năm 2021 là:

Thứ nhất, bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là chủ trương nâng tầm hội nhập quốc tế lên mức cao hơn, với việc bổ sung trong Văn kiện Đại hội XIII nội dung hội nhập “toàn diện, sâu rộng”, “nâng cao mức độ, chất lượng hội nhập quốc tế” và “nâng cao năng lực hội nhập”, bên cạnh chủ trương “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế” và “hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và hệ thống chính trị” như đã nêu trong Văn kiện Đại hội XII.

Thứ hai, thực hiện hiệu quả các cam kết, các hiệp định thương mại tự do; lồng ghép với các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế, xã hội⁽⁹⁾. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao sự hiểu biết về hội nhập kinh tế quốc tế và các FTA. Hiện thực hóa các FTA, biến hội

(8) theo UNCTAD, đầu tư trực tiếp nước ngoài trên toàn cầu trong năm 2020 giảm 30%-40% so với năm 2019

(9) Trích dẫn Văn kiện Đại hội XIII của Đảng

nhập thành động lực cho tăng trưởng kinh tế, thực thi hiệu quả những cam kết trong các FTA và các cơ chế hợp tác kinh tế mà Việt Nam là thành viên. Nâng cao nội lực doanh nghiệp trong nước, đảm bảo đủ năng lực “đi” trên “đường cao tốc” FTA. Cần đẩy nhanh chuyển đổi số trong nông nghiệp, ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc xuất xứ nông sản, quản lý hiệu quả quá trình logistics vận chuyển sản phẩm từ nơi sản xuất đến thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực pháp lý trong bối cảnh hội nhập để giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư quốc tế.

Thứ ba, tiếp tục duy trì xuất khẩu là động lực tăng trưởng của Việt Nam. Trong năm 2020, hoạt động xuất khẩu đã bổ sung nguồn thu ngoại tệ, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo động lực cho việc tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới cũng như thu hút đầu tư, tuy nhiên, giá trị gia tăng, tỷ lệ nội địa hóa của xuất khẩu Việt Nam vẫn thấp do ta chủ yếu gia công, tham gia các phân khúc có giá trị gia tăng thấp trong chuỗi cung ứng. Trong năm 2021, bên cạnh tăng trưởng về lượng, cần chú trọng cả về chất lượng xuất khẩu, xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng công nghệ; tỷ lệ nội địa cao hơn, đồng thời tranh thủ các FTA, đa dạng hóa, mở rộng thêm các thị trường xuất khẩu mới, tránh việc quá phụ thuộc vào một thị trường.

Thứ tư, đẩy mạnh thu hút và nâng cao chất lượng FDI, “tranh thủ nguồn vốn, công nghệ, kiến

thức và kỹ năng quản lý; nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp và sản phẩm. Năm 2021, cần tiếp tục xác định xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu là thời cơ và cơ hội để sàng lọc, lựa chọn các dự án đầu tư có chất lượng, có giá trị gia tăng cao, cơ hội để đa phương hóa, đa dạng hóa đối tác hợp tác... Do đó, trong quá trình đánh giá dự án FDI, không nên chỉ tập trung vào quy mô đầu tư, vào số lượng mà cần tập trung vào chất lượng theo hướng ưu tiên những dự án lớn, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao và thân thiện, an toàn với môi trường, ứng dụng công nghệ cao, sử dụng ít năng lượng, những dự án sản xuất tại các mắt xích có giá trị cao trong chuỗi cung ứng, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, có tính lan tỏa cao, góp phần nâng cao năng lực doanh nghiệp trong nước. Bên cạnh đó, Việt Nam cần cải thiện môi trường đầu tư, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thích ứng với quá trình chuyển đổi. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân phát triển bình đẳng như các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nhà nước.

Thứ năm, đại dịch Covid-19 trong năm 2021 tiếp tục diễn biến phức tạp, đặt nền kinh tế trước những thách thức vô cùng to lớn, đồng thời đem lại cơ hội để Việt Nam tập trung nâng cao nội lực, tiếp tục cải thiện các nhân tố bên trong, đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế, khắc phục những rào cản mang tính cơ

cấu như năng lực về công nghệ, tay nghề và trình độ lao động, phân bổ nguồn lực kém hiệu quả, gánh nặng và chi phí hành chính, chính sách, thay đổi căn bản hiện trạng nền công nghiệp và xuất khẩu của Việt Nam trên cơ sở kết hợp đón nguồn lực bên ngoài với cải cách cơ chế bên trong; lựa chọn tham gia mắt xích giá trị cao, nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng, tập trung vào một số lĩnh vực trọng yếu để nhanh chóng nâng cấp nền tảng căn bản của nền công nghiệp và công nghệ trong nước, nhất là công nghệ mới, công nghệ cao, tạo ra được những ngành công nghiệp gắn kết với nhau, tạo giá trị gia tăng lớn, nâng cao năng suất lao động, tập trung vào chất lượng theo hướng ưu tiên những dự án lớn, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao và thân thiện, an toàn với môi trường, ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, hiệu quả năng lượng, hoặc các mắt xích Việt Nam còn yếu, ví dụ như: Điện tử, công nghệ thông tin, phần mềm, y tế, công nghệ, sản xuất ô tô, thương mại, sáng tạo, thiết kế sản phẩm, nguyên liệu đầu vào, chế biến quy mô lớn trong ngành nông nghiệp... cũng như các lĩnh vực theo đánh giá của các tổ chức quốc tế ta có lợi thế phát triển và dẫn dắt được chuỗi giá trị của riêng Việt Nam như thủy sản, dệt may, da giày, thiết bị điện và điện tử, xe cơ giới, sản phẩm gỗ, cao su, gạo, cà phê, trái cây và rau quả ■



KINH TẾ ĐÔNG NAM Á NĂM 2020 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2021

● **PGS. TS. NGUYỄN HUY HOÀNG**

Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn đối với thế giới nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng. Trong bối cảnh căng thẳng Mỹ - Trung đang có xu hướng leo thang thì đại dịch Covid-19 xuất hiện đã làm cho thế giới rơi vào cuộc khủng hoảng y tế nghiêm trọng⁽¹⁾. Là khu vực xuất hiện đại dịch đầu tiên ngoài Trung Quốc ngay từ tháng 1/2020, song Đông Nam Á được đánh giá là đã có các biện pháp kiểm soát dịch bệnh tốt nhất thế giới nên mức độ tác động của đại dịch về mặt y tế hay sức khỏe con người thấp

hơn và có số ca nhiễm cũng như tỷ lệ tử vong không cao so với các khu vực khác trên thế giới. Đây được cho là thành công của ASEAN cũng như các nước thành viên trong việc khống chế dịch bệnh. Tuy nhiên, hệ lụy mà đại dịch Covid-19 để lại cho nền kinh tế khu vực là không hề nhỏ. Cùng với những căng thẳng kéo dài do thương chiến Mỹ - Trung gây nên, năm 2020 là một năm đầy biến động và vô vàn thách thức đối với kinh tế Đông Nam Á. Bài nghiên cứu này đặt mục tiêu nhìn lại những biến động,

thăng trầm của kinh tế Đông Nam Á trong năm 2020 và đưa ra một số dự báo về triển vọng kinh tế khu vực trong năm 2021.

1. Kinh tế chung của khu vực năm 2020 và triển vọng năm 2021

Bước vào năm đầu tiên của thập kỷ thứ ba thế kỷ 21, trong bối cảnh khu vực và thế giới

(1) CSIS, Southeast Asia Covid-19 Tracker, tại: <https://www.csis.org/programs/southeast-asia-program/southeast-asia-covid-19-tracker-0>, truy cập ngày 28/11/2020.

đang đối mặt với thách thức do cạnh tranh chiến lược và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang thì một thách thức rất lớn khác xuất hiện: Đại dịch Covid-19. Khu vực được cho là có những ca nhiễm đầu tiên ngoài Trung Quốc. Để kiểm soát sự lây lan của dịch bệnh, Đông Nam Á gần như là nơi đầu tiên trên thế giới áp dụng các biện pháp: Đóng cửa, thực hiện giãn cách xã hội, cách ly, đóng cửa biên giới... nên tác động của đại dịch đối với y tế và sức khỏe dân sinh không nghiêm trọng như các khu vực khác. Tuy nhiên, đại dịch đã làm tình hình trở nên xáo trộn, tạo ra những tác động xấu và toàn diện đối với kinh tế, xã hội và dân sinh. Về mặt xã hội, đại dịch gây nên bất ổn, khủng hoảng y tế công cộng, làm cho nghèo đói có xu hướng quay trở lại, gây hoang mang và đe dọa sự bình yên của cuộc sống. Đối với dân sinh, đại dịch Covid-19 đã làm cho cuộc sống bị đảo lộn, cơ quan, trường học, các cơ sở kinh doanh bị đóng cửa cả tháng trời. Về mặt kinh tế, mặc dù đã có các biện pháp ứng phó về mặt kinh tế nhưng trước những diễn biến khó lường và kéo dài của đại dịch, kinh tế khu vực vẫn bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Những nỗ lực nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh dẫn đến sự cắt giảm đáng kể các hoạt động kinh tế. Khó khăn kinh tế của khu vực và mỗi nước có xu hướng gia tăng vì Đông Nam Á là khu vực bao gồm các nền kinh tế có độ mở cao, phụ thuộc lớn vào thương mại và du lịch. Kết quả hoạt động của các nền kinh

tế nói chung liên quan đến mức độ hiệu quả của việc kiểm soát dịch bệnh và mức độ tổn hại của nền kinh tế đối với các cú sốc bên ngoài bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đại dịch Covid-19 làm gián đoạn du lịch, chuỗi cung ứng hàng hóa và mạng sản xuất cũng như cung ứng lao động vì hầu hết các nền kinh tế ASEAN phụ thuộc vào nguồn cung từ Trung Quốc, gây nên sự gián đoạn trong sản xuất của khu vực. Tình trạng bất ổn và hoang mang do đại dịch Covid-19 gây ra đã thúc đẩy tâm lý tiêu cực đối với nền kinh tế. Đặc biệt, du lịch và kinh doanh du lịch, cũng như các ngành công nghiệp liên quan, các hãng hàng không và ngành kinh doanh khách sạn, nhà hàng là những nhóm ngành đầu tiên bị ảnh hưởng nặng nề. Tất cả những yếu tố này đều ảnh hưởng đến thương mại, đầu tư và sản lượng, từ đó ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế chung của khu vực cũng như của từng nước thành viên.

Trước những tác động mang tính toàn diện của đại dịch Covid-19 và hệ lụy của những căng thẳng trong cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung từ năm 2019, giống như nền kinh tế toàn cầu, kinh tế Đông Nam Á trong năm 2020 đối mặt với suy thoái nặng nhất kể từ sau Chiến tranh Thế giới thứ 2. Cụ thể tăng trưởng kinh tế của cả khối ASEAN năm 2020 sụt giảm mạnh so với năm 2019 do chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, ở mức -4,2% từ mức tăng trưởng 4,6% đạt được trong năm 2019. Bảng 1 dưới đây cung cấp các số liệu

tăng trưởng kinh tế của ASEAN và các nước thành viên trong năm 2019, 2020 và dự báo cho năm 2021. Theo đó, hầu hết các nền kinh tế ASEAN trong năm 2020 có mức sụt giảm từ mức vừa phải (Indonesia: -1,8%) đến mức rất sâu (Singapore: -6,1%; Thái Lan: -6,8% và Philippines: -7,6%) so với năm 2019. Qua đó có thể thấy, mức sụt giảm kinh tế sâu được quan sát ở các nước có mức độ đóng góp của ngành du lịch vào GDP cao (như Thái Lan: 21,9% năm 2019)⁽²⁾, và nền kinh tế có độ mở cao (như Singapore: 319,2% năm 2019⁽³⁾). Tuy nhiên, vẫn có một số nền kinh tế khu vực đạt mức tăng trưởng dương nhưng cũng đã suy giảm mạnh so với năm 2019 như Việt Nam (giảm từ 7% năm 2019 xuống còn 2,8% năm 2020; Lào (giảm từ 6% năm 2019 xuống còn 0,7% năm 2020) và Myanmar (giảm từ 6,8% năm 2019 xuống còn 1,9% năm 2020).

Sang năm 2021, số liệu dự báo của Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và Phòng nghiên cứu kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) và cả số liệu gần nhất của GlobalData (Hình 1) cũng thể hiện sự bứt

(2) Xem: <https://knoema.com/atlas/Thailand/topics/Tourism/Travel-and-Tourism-Total-Contribution-to-GDP/Contribution-of-travel-and-tourism-to-GDP-percent-of-GDP>, truy cập ngày 3/12/2020.

(3) GlobalEconomy, Trade Openness in Asia, tại: https://www.theglobaleconomy.com/rankings/trade_openness/, truy cập ngày 3/12/2020.

Bảng 1. Tăng trưởng khu vực ASEAN năm 2019, 2020 và dự báo năm 2021

Đơn vị %

Nền kinh tế	Thực tế		Dự báo ⁽⁴⁾ (2021)				
	2019	2020 ⁽⁵⁾	WB ⁽⁶⁾	IMF ⁽⁷⁾	ADB ⁽⁸⁾	AMRO	GlobalData ^{**}
ASEAN	4,6	-4,2 ⁽⁹⁾	5,1	6,2	5,5	5,7	5,8
Brunei	3,9	0,7	n.a.	n.a.	3,0	3,1	2,5
Campuchia	7,1	-3,0	4,3	n.a.	5,9	6,5	6,7
Indonesia	5,0	-1,8	4,4	6,1	5,3	5,2	5,2
Lào	6,0	0,7	4,9	4,7	4,5	4,6	n.a
Malaysia	4,3	-5,2	6,3	n.a.	6,5	5,7	7,1
Myanmar	6,8	1,9	5,9	5,7	6,0	6,2	5,4
Philippines	5,9	-7,6	5,3	7,4	6,5	6,5	8,4
Singapore	0,7	-6,1	n.a.	n.a.	4,5	7,0	5,8
Thái Lan	2,4	-6,8	4,9	4,0	4,5	4,6	4,4
Việt Nam	7,0	2,8*	6,8	n.a	6,3	7,0	8,5

Nguồn: - Phòng nghiên cứu kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO), 2020, Báo cáo Triển vọng kinh tế.
 - World Bank (2020); IMF (2020) (Chỉ có số liệu ASEAN-5); ADB September update (2020); AMRO (2020).

* Số liệu do Chính phủ Việt Nam công bố.

** Số liệu do Global Data công bố ngày 15/2/2021

Chú thích: n.a. Số liệu không có sẵn.

phá của nền kinh tế khu vực và có sự phục hồi mạnh mẽ. Trong thời gian qua, các tổ chức này đã có nhiều đợt điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế của khu vực theo các kịch bản khác nhau như kịch bản cơ sở và kịch bản tồi tệ nhất. Số liệu ở Bảng 1 là số liệu dự báo được thực hiện theo kịch bản cơ sở trong bối cảnh thế giới có thể sẽ có vaccine vào cuối năm 2020 hoặc đầu năm 2021. Theo dự báo của WB, IMF, ADB và AMRO cung cấp ở Bảng 1, tăng trưởng kinh tế của khối năm 2021 khá ấn tượng, là một trong những khu vực có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất thế

giới, đạt mức bình quân từ 5-6%. Đây là con số dự báo theo kịch bản cơ sở với điều kiện thế giới đã có vaccine chống Covid-19 và kinh tế thế giới hồi phục, các hoạt động kinh tế, thương mại, giao lưu đi lại có xu hướng trở lại khi giãn cách xã hội được nới lỏng. Tuy nhiên, những rủi ro vẫn tiềm ẩn đối với nền kinh tế toàn cầu, chẳng hạn như có thể làn sóng mới của Covid-19 bùng phát trở lại, các chính phủ rút chính sách hỗ trợ sớm cũng như việc đối mặt với thiếu hụt thanh khoản và vỡ nợ cũng sẽ có những tác động xấu đến tăng trưởng kinh tế chung của khu vực.

(4) CSIS, at: <https://www.csis.org/programs/southeast-asia-program/south-east-asia-covid-19-tracker-0>, truy cập ngày 28/11/2020.

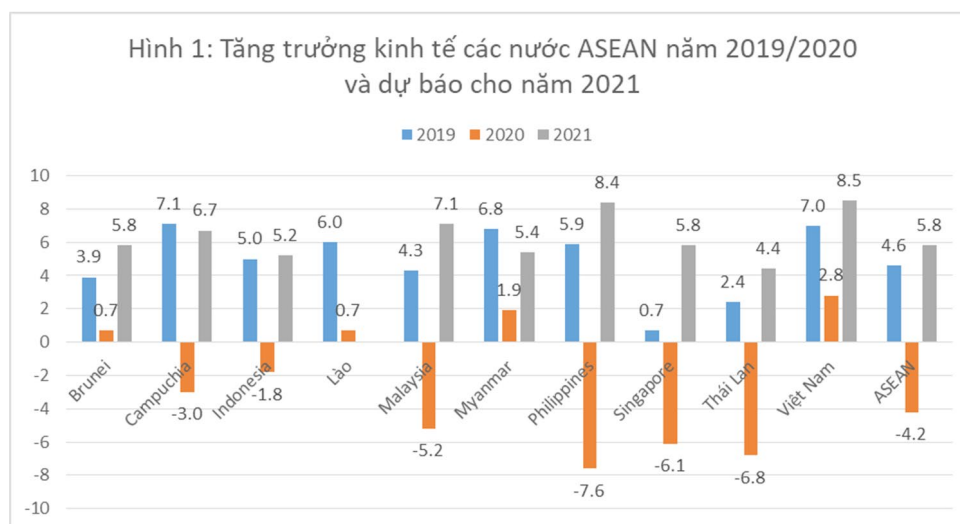
(5) Chi tiết tại: World Data: <https://www.globaldata.com/asean-economies-poised-robust-recovery-6-real-gdp-growth-2021-says-globaldata/>, truy cập ngày 26/2/2021.

(6) World Bank (2020), Tlđđ.

(7) IMF (2020), Tlđđ.

(8) ADB September update (2020). Tlđđ.

(9) Theo Business Times tại <https://www.businesstimes.com.sg/asean-business/southeast-asias-gdp-growth-to-contract-by-42-in-2020-vietnam-recovery-prospects>, truy cập ngày 27/2/2021.



Nguồn: Tác giả tự vẽ dựa trên số liệu ở Bảng 1. (Số liệu dự báo năm 2021 của GlobalData)

2. Kinh tế của một số nước thành viên năm 2020 và triển vọng năm 2021

- Indonesia

Năm 2020, do tác động của đại dịch Covid-19, suy thoái kinh tế của Indonesia có thể sẽ tồi tệ hơn dự kiến trước đây khi nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á phải vật lộn để chống dịch. Hiện nay, tình trạng kinh tế của Indonesia vẫn hết sức bất ổn do đại dịch tiếp tục lây lan và tác động tiêu cực đến các lĩnh vực bị ảnh hưởng nghiêm trọng như du lịch và dịch vụ. Tuy nhiên, trong số các nước ASEAN-5, kinh tế Indonesia bị ảnh hưởng ít hơn cả với mức suy thoái cao kỷ lục trong quý II, ở mức 5,32% từ mức tăng trưởng đạt được trong quý I là 2,97%⁽¹⁰⁾. Gần đây, Indonesia lại phải vật lộn để kiểm chế sự bùng phát làn sóng đại dịch Covid-19 thứ hai kể từ ngày 19/9/2020. Những ngày gần đây, mức ghi nhận số ca nhiễm hàng ngày là từ hơn 5.000 đến hơn 6.000 ca và số ca tử vong hàng ngày là

khoảng 150 ca⁽¹¹⁾. Dưới những tác động đó, kinh tế Indonesia bị ảnh hưởng nhưng suy giảm kinh tế không lớn như các quốc gia khác thuộc nhóm ASEAN-5, chỉ ở mức -1,8% (Bảng 1). Theo cố vấn kinh tế IMF Gita Gopinath, sụt giảm tăng trưởng GDP của nước này có thể tồi tệ hơn nếu chính phủ không có các phản ứng về tài khóa, tiền tệ đủ lớn, nhanh và kịp thời⁽¹²⁾ nhằm duy trì đảm bảo thu nhập cho các hộ gia đình, dòng tiền cho các công ty và cung cấp tín dụng cho doanh nghiệp⁽¹³⁾.

Bên cạnh những tác động nghiêm trọng đến tăng trưởng kinh tế, đại dịch Covid-19 cũng tác động xấu đến an sinh xã hội nước này. Theo ước tính của Bộ Kế hoạch hóa Phát triển Quốc gia Indonesia, tỷ lệ thất nghiệp năm 2020 ở nước này ở mức 9,2%, tăng mạnh từ mức 5,2% của năm 2019 và là mức cao nhất được ghi nhận trong hơn một thập kỷ qua. Thêm vào đó, dịch bệnh làm đảo ngược tiến độ đạt

được trong việc giảm nghèo ở Indonesia khi chính phủ cho biết dự kiến tỷ lệ nghèo đói sẽ tăng từ 8,5% trước đại dịch lên 10,2%, tức là sẽ có thêm khoảng hơn 4 triệu người dân rơi vào cảnh đói nghèo và 5,5 triệu người mất việc làm trong năm 2020^{(14),(15)}.

Triển vọng kinh tế Indonesia

(10) NIKKEI ASIA, <https://asia.nikkei.com/Economy/Indonesia-s-economy-contracts-for-first-time-in-20-years>, truy cập ngày 9/12/2020.

(11) Xem: <https://www.aseanbriefing.com/news/covid-19-vaccine-roll-outs-in-asean-asia-live-updates-by-country/>, truy cập ngày 5/12/2020.

(12) Trong các giải pháp ứng phó mà Indonesia sử dụng, nước này còn có các gói kích thích kinh tế tổng trị giá lên tới gần 100 tỷ USD để kích thích kinh tế và hỗ trợ an sinh. Chi tiết tại: CSIS, National Response to Covid-19 in Southeast Asia - Indonesia. Tlđđ.

(13) Theo Jakarta Post: <https://www.thejakartapost.com/news/2020/10/13/indonesias-gdp-to-decline-more-than-thought-as-virus-keeps-spreading-imf.html>, truy cập ngày 7/12/2020.

năm 2021 được các tổ chức như WB, IMF, ADB, AMRO và GlobalData dự báo, theo đó, với những nỗ lực của chính phủ bằng các giải pháp như các chính sách tài khóa và tiền tệ phù hợp, tiếp tục hỗ trợ tài chính bằng các gói kích thích kinh tế, thực thi hiệu quả các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ người dân vượt qua đại dịch cộng với việc kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi sau khi đã có vaccine chống dịch và giãn cách xã hội được nới lỏng, kinh tế Indonesia được kỳ vọng là sẽ tăng trưởng từ mức 4,4 đến 6,1% theo dự báo của WB, IMF, ADB và AMRO (Bảng 1), với mức dự báo của IMF là tích cực nhất, mức 6,1% khi tổ chức này dự báo nền kinh tế toàn cầu sẽ phục hồi và tăng trưởng 5,2% vào năm 2021.

- Malaysia

Là nước nằm trong nhóm 4 nước, bao gồm cả Thái Lan, Philippine và Singapore, trong khối ASEAN bị tác động mạnh nhất của đại dịch Covid-19, Malaysia đối mặt với một năm nhiều khó khăn do kinh tế nước này có độ mở khá lớn, ở mức 123,1% năm 2019⁽¹⁶⁾ và phụ thuộc nhiều vào chuỗi cung ứng từ Trung Quốc. Do đó, mặc dù chính phủ đã có nhiều biện pháp ứng phó bằng các gói kích thích kinh tế quy mô lớn, với tổng trị giá hơn 70 tỷ USD cùng nhiều biện pháp khác⁽¹⁷⁾ nhưng kinh tế nước này vẫn rơi vào suy thoái trầm trọng. Trong 6 tháng đầu năm 2020, GDP nước này đã sụt giảm tới 8,3% với mức sụt giảm kỷ lục được ghi nhận trong quý II ở mức 17,1% và xu hướng sụt

giảm GDP vẫn tiếp tục vào hai quý cuối năm nhưng mức độ sụt giảm đã nhẹ hơn nhiều so với hai quý đầu năm, ở mức 2,8%. Dưới những điều kiện đó, tăng trưởng kinh tế năm 2020 của Malaysia suy giảm ở mức -5,2%⁽¹⁸⁾ khi khu vực chế tạo và xây dựng sụt giảm theo thứ tự là khoảng 3,0% và 18,7% trong năm 2020⁽¹⁹⁾.

Bên cạnh đó, những tác động về mặt an sinh xã hội của đại dịch Covid-19 cũng được ghi nhận. Tỷ lệ thất nghiệp được ghi nhận ở mức cao, đạt 5,1% trong quý II và giảm nhẹ xuống 4,7 trong Quý III⁽²⁰⁾, trong khi mức thất nghiệp ở Malaysia trong các năm trước rất thấp, chỉ khoảng trên dưới 3% và Malaysia được đánh giá là có nền kinh tế toàn dụng nhân công. Tỷ lệ thất nghiệp trong năm 2020 của Malaysia được dự tính ở mức khoảng 3,3-3,5%, cao hơn so với trung bình nhiều năm trước Covid-19.

Bước sang năm 2021, giống như hầu hết các nền kinh tế khác, kinh tế Malaysia cũng sẽ hồi phục mạnh và có xu hướng tốt hơn một số nền kinh tế khác trong khu vực nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô của nước này tốt hơn. Thêm nữa, bên cạnh các gói kích thích kinh tế quy mô lớn kể từ đầu đại dịch, và cuối tháng 9/2020 Chính phủ Malaysia cũng đã công bố thêm một gói kích thích kinh tế với tên gọi “Chương trình Kita Prihatin” trị giá 10 tỉ ringgit (2,4 tỉ USD) nhằm đối phó với những khó khăn do dịch COVID-19 gây ra⁽²¹⁾. Đây là cơ sở quan trọng để kinh tế Malaysia có thể phục hồi vào quý IV và tăng trưởng trở lại

vào quý I/2021. Theo dự báo, của các tổ chức đề cập trong Bảng 1, tăng trưởng kinh tế Malaysia năm 2021 ở mức trên dưới 6%, với mức dự báo cao nhất mà GlobalData đưa ra là đạt mức tăng trưởng 7,1%.

- Philippines

Những khó khăn trong việc kiểm soát sự lây lan của dịch Covid-19 tiếp tục làm cản trở sự phục hồi của kinh tế Philippines. Gần đây, số ca nhiễm Covid-19 ở Philippines tiếp tục tăng, đe dọa đến ổn định kinh tế và an sinh xã

(14) Theo Jakarta Post: <https://www.thejakartapost.com/news/2020/11/05/unemployment-surges-to-decade-high-as-covid-19-causes-millions-to-lose-jobs.html>, truy cập ngày 7/12/2020.

(15) Theo Tempo: <https://en.tempo.co/read/1382041/bappenas-predicts-2020-unemployment-rate-will-reach-9-2>, truy cập ngày 7/12/2020.

(16) GlobalEconomy, Trade Openness in Asia, Tlđđ.

(17) CSIS, National Response to Covid-19 in Southeast Asia – Malaysia. Tlđđ.

(18) World Data – Tlđđ.

(19) I.C.I.S, <https://www.icas.com/explore/resources/news/2020/11/06/10571899/malaysia-economy-to-rebound-to-6-5-7-5-in-2021-govt>, truy cập ngày 7/12/2020.

(20) Department of Statistics Malaysia, Malaysia Economic Performance Third Quarter 2020, tại: https://www.dosm.gov.my/v1/index.php?r=column/cthemByCat&cat=100&bul_id=Zl-RNZVRDUmNzRFFQQ29lZXJoV0Ux-QT09&menu_id=TE5CRUZCblh4ZTZ-MODZlbnk2aWRRQT09, truy cập ngày 7/12/2020.

(21) Vnanet (2020), “Malaysia công bố gói kích thích kinh tế mới” <https://www.stockbiz.vn/News/2020/9/24/869452/malaysia-cong-bo-goi-kich-thich-kinh-te-moi.aspx>, truy cập ngày 23/10/2020.



hội của nước này. Tuy nhiên, các số liệu thống kê cho thấy có sự phục hồi trong quý III so với quý II khi sản lượng quốc gia được ghi nhận tăng 8% so với quý II, kéo mức sụt giảm kinh tế xuống còn 11,5% trong quý III từ mức sụt giảm 16,7% của quý II và xu hướng đó vẫn tiếp tục ở Quý IV, nhưng ở mức nhẹ hơn, trên 6%⁽²²⁾. Tuy nhiên, mặc dù nền tảng kinh tế vĩ mô khá tốt, song sự sụt giảm mạnh nhu cầu nội địa và việc làm do tác động của đại dịch Covid-19 sẽ làm cho nền kinh tế này phải cần thêm nhiều thời gian để có thể phục hồi. Sản lượng công nghiệp sụt giảm chủ yếu do sự đình trệ trong hoạt động sản xuất, xây dựng, khai thác đá và quản lý điện, hơi nước và chất thải. Ngành dịch vụ cũng sụt giảm do lĩnh vực vận tải và lưu kho, thương mại và các dịch vụ khác.

Theo số liệu của Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD), xuất khẩu của Philippines có thể giảm 8,7% trong quý III và là quốc gia bị sụt giảm xuất khẩu lớn thứ 10 thế giới trong giai đoạn này.

Chỉ trong 8 tháng đầu năm, xuất khẩu của Philippines giảm 16,6% xuống chỉ còn 39,29 tỷ USD, đặc biệt là các mặt hàng máy móc⁽²³⁾. Lĩnh vực đầu tư có xu hướng sụt giảm mạnh trong những tháng gần đây kể từ khi Manila tái áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt vào cuối tháng 8. Dòng vốn FDI đã giảm 11% xuống còn 3,79 tỷ USD trong giai đoạn 9 tháng đầu năm 2020. Theo Viện Nghiên cứu Tài chính quốc tế (IMF), dòng vốn đầu tư có thể sụt giảm 41% hay 7 tỷ USD trong quý III và IV, mức giảm lớn nhất so với các nước trong khu vực⁽²⁴⁾.

Trong điều kiện đó, kinh tế Philippines trong năm 2020 suy giảm mạnh, là nước có mức suy giảm tăng trưởng GDP mạnh nhất trong khối ASEAN, ở mức -7,6%, mức suy giảm cao hơn cả các nền kinh tế có độ mở lớn như Thái Lan và Malaysia.

Tình hình dịch bệnh có thể được kiểm soát vào năm 2021 khi thế giới đã có vaccine chống dịch, nền kinh tế thế giới, khu vực và Philippines tiếp tục được mở cửa trở lại, giãn cách xã hội

được nối lỏng và các hoạt động kinh tế hoạt động trở lại cùng với nỗ lực của chính phủ trong việc thực hiện các gói kích thích kinh tế có hiệu quả, kinh tế Philippines được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh trở lại, thuộc nhóm một số nước có mức tăng trưởng GDP nhanh nhất trong khu vực trong năm 2021 mặc dù cũng là nước thuộc nhóm có mức sụt giảm kinh tế lớn nhất khu vực năm 2020. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số rủi ro tiềm tàng như kinh tế toàn cầu không hồi phục như kỳ vọng cũng có tác động xấu đến thương mại, đầu tư và sản xuất của nền kinh tế Philippines và do đó, tác động không mong muốn đến tăng trưởng kinh tế. Do vậy, Philippines dự báo kinh tế nước này sẽ tăng trưởng khoảng từ 6,5 - 7,5% trong năm 2021⁽²⁵⁾. Ngoài ra, các tổ chức cũng đưa ra những con số dự báo cho tăng trưởng kinh tế của nước này trong năm 2021. Các dự báo có

(22) CNN Philippines, tại: <https://cnnphilippines.com/business/2020/11/10/PH-economy-Q3-2020.html>, truy cập ngày 8/12/2020.

(23) Jenina P. Ibañez (2020), "Philippines' trade recovery continues to lag", <https://www.bworldonline.com/philippines-trade-recovery-continues-to-lag/> truy cập ngày 23/10/2020.

(24) Beatrice M. Laforga (2020), "Drop in investments to continue in second half", <https://www.bworldonline.com/drop-in-investments-to-continue-in-second-half/> truy cập ngày 23/10/2020

(25) ING Philippines, tại: <https://think.ing.com/articles/asia-philippines-economy-losing-steam-going-into-2021>, truy cập ngày 11/12/2020.

biên độ dao động khá lớn giữa các tổ chức, từ mức thấp nhất do WB đưa ra là 5,3% đến mức cao nhất do GlobalData đề xuất là 8,4% (Bảng 1).

- Singapore

Singapore cũng là một trong 4 nước trong ASEAN có mức sụt giảm kinh tế trầm trọng nhất trong năm 2020. Trong 6 tháng đầu năm 2020, kinh tế nước này sụt giảm tới 6,7% sau khi ghi nhận mức sụt giảm kỷ lục trong quý II ở mức 13,2%⁽²⁶⁾. Đến quý III, kinh tế Singapore dần có dấu hiệu được cải thiện với mức sụt giảm ở mức 5,8%, giảm mạnh so với quý II và tiếp tục suy giảm ở quý IV. Dấu hiệu tích cực đó của nền kinh tế nhờ lĩnh vực xuất khẩu được phục hồi, trong đó xuất khẩu các mặt hàng phi dầu mỏ tăng trưởng 5,9% trong tháng 9 và cao hơn ở những tháng cuối năm. Lĩnh vực bán lẻ cũng có những cải thiện. Dưới những điều kiện và tác động đó, kinh tế nước này đã suy giảm tới -6,1% trong năm 2020, đứng thứ 3 sau Philippines và Thái Lan, đứng trước Malaysia trong danh sách 4 quốc gia Đông Nam Á có mức suy giảm GDP lớn nhất trong năm 2020.

Năm 2021 kinh tế Singapore cũng sẽ hồi phục mạnh và theo số liệu dự báo của Bộ Thương mại và Công nghiệp (MTI), Singapore được kỳ vọng sẽ phục hồi mạnh và đạt mức tăng trưởng từ 4 - 6%⁽²⁷⁾. Tuy nhiên, sự phục hồi của nền kinh tế Singapore trong năm tới dự kiến sẽ diễn ra từ từ và sẽ phụ thuộc phần lớn vào hoạt động của nền kinh tế toàn cầu và liệu Singapore có

thể tiếp tục kiểm soát tình hình đại dịch Covid-19 trong nước hay không. Trong khi đó, ADB dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2021 của Singapore sẽ ở mức 4,5% và dự báo của AMRO là 7%, trong khi GlobalData đưa ra con số dự báo là 5,8% cho tăng trưởng kinh tế năm 2021 của nước này (Bảng 1).

- Thái Lan

So với các nước trong khu vực, kinh tế Thái Lan không chỉ chịu tác động từ cuộc khủng hoảng do đại dịch Covid-19 gây ra mà còn bởi những diễn biến bất ổn chính trị gần đây với hàng loạt các cuộc biểu tình quy mô lớn chống chính phủ. Tăng trưởng kinh tế gặp khó khăn do tiêu dùng hộ gia đình và đầu tư cố định tiếp tục có xu hướng giảm trong thời gian gần đây khi đại dịch đã làm tăng nợ hộ gia đình, người lao động bị mất việc và giảm thu nhập⁽²⁸⁾.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Thái Lan trong nửa đầu năm 2020 đã ghi nhận mức sụt giảm tới 6,9% với mức sụt giảm kỷ lục trong quý II là 12,2%⁽²⁹⁾. Đến quý III, tốc độ sụt giảm có xu hướng chậm hơn so với quý II, ở mức 6,2% nhờ những giải pháp của chính phủ như việc sử dụng các gói kích thích kinh tế cũng như nới lỏng quy định đóng cửa đã góp phần làm tăng các hoạt động kinh tế trong nước. Tuy nhiên, ngành du lịch vẫn đang gặp nhiều khó khăn, chuỗi cung ứng tiếp tục bị gián đoạn và nhu cầu nước ngoài yếu đã có những tác động xấu đến lĩnh vực thương mại của Thái Lan. Bước sang quý 4, bức tranh toàn cảnh của kinh

tế Thái Lan có xu hướng sáng sủa hơn nhưng sự bi quan trong tâm lý kinh doanh vẫn tồn tại nhưng chỉ số quản lý mua hàng PMI báo hiệu sự mở rộng nhẹ. Trên chính trường, những người biểu tình kêu gọi thủ tướng từ chức đã bác bỏ kế hoạch hòa giải do quốc hội khởi xướng vào ngày 4/11/2020 và đang lên kế hoạch cho các cuộc biểu tình mới trong những tuần tới, trong bối cảnh bất ổn tiếp tục có khả năng làm giảm nhu cầu trong nước trong quý 4, sẽ dẫn tới việc triển vọng tăng trưởng kinh tế năm nay tiếp tục xấu.

Tuy vậy, kinh tế Thái Lan vẫn là một trong 4 nền kinh tế ASEAN có mức suy giảm GDP lớn nhất trong năm 2020, đứng thứ hai sau Philippines với mức suy giảm đạt - 6,8%, giảm mạnh từ mức tăng trưởng 2,4% đạt

(26) Strait Times, Singapore's recession deepens with worst ever quarterly contraction of 13.2%, tại: <https://www.straitstimes.com/business/economy/singapore-lowers-2020-gdp-forecast-to-between-5-and-7-as-economy-plunges-worse-than#:~:text=The%20updated%20second%2Dquarter%20decline,worst%20quarterly%20performance%20on%20record.>, truy cập ngày 9/12/2020.

(27) Ministry of Trade and Industry, PressRelease. Tlđđ.

(28) Trading Economics (2020), "Thailand GDP growth rate", <https://tradingeconomics.com/thailand/gdp-growth>, truy cập ngày 23/10/2020

(29) NESDC, NESDC Economic Report, tại: https://www.nesdc.go.th/nesdb_en/article_attach/article_file_20200827153114.pdf, truy cập ngày 8/12/2020.



được trong năm 2019. Điều này cũng dễ hiểu vì kinh tế Thái Lan là nền kinh tế có độ mở lớn, phụ thuộc lớn vào xuất khẩu, chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu cũng như lệ thuộc mạnh vào du lịch (du lịch đóng góp tới trên dưới 20% GDP của nước này).

Nền kinh tế Thái Lan dự kiến sẽ phục hồi vào năm 2021, sau khi giảm mạnh vào năm 2020 nhờ cầu trong nước sẽ phục hồi mạnh mẽ do có sự cải thiện chi tiêu hộ gia đình và nguồn vốn cho doanh nghiệp thông qua các gói kích thích kinh tế và trợ giúp của chính phủ. Thêm vào đó, sự phục hồi của các thị trường quan trọng nước ngoài cũng sẽ thúc đẩy xuất khẩu, mặc dù tính chất kéo dài của đại dịch và tác động của nó đối với ngành du lịch vẫn là một rủi ro có thể dẫn đến làm giảm tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, du lịch có khả năng hồi phục từ từ do thế giới đã có vaccine và nới lỏng giãn cách, mở cửa quốc tế trở lại. Với những điều kiện đó, kinh tế Thái Lan tăng trưởng trở lại vào năm 2021 với tỷ lệ khá khiêm tốn, thuộc nhóm thấp trong số các

nước ASEAN. Theo Hội đồng Vận tải Biển Quốc gia Thái Lan (TNSC), tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2021 của nước này là từ 3 - 5%⁽³⁰⁾, trong khi các tổ chức WB, IMF, ADB, AMRO và GlobalData đưa ra con số dự báo tăng trưởng chỉ dưới mức 5%; từ 4% - dự báo của IMF đến mức cao nhất là 4,9% - dự báo của WB (Bảng 1).

- Các nước còn lại

Với 4 nước còn lại bao gồm Brunei, Campuchia, Lào và Myanmar thì tình hình có xu hướng tích cực hơn so với Indonesia và nhóm 4 nước bị tác động nặng nhất của đại dịch Covid-19. Trong số 4 nước này thì ba nước Brunei, Lào và Myanmar là đạt mức tăng trưởng dương trong năm 2020, ở mức khá khiêm tốn là trên dưới 1% đối với Brunei và Lào và đạt 1,9% đối với Myanmar. Đối với Campuchia, mức độ suy thoái kinh tế trong năm 2020 cũng thuộc nhóm suy thoái nhẹ, ở mức - 3% (Bảng 1).

Về triển vọng năm 2021, kinh tế nhóm nước này sẽ hồi phục và tăng trưởng trở lại nhưng cũng

chỉ ở mức độ vừa phải (đối với Brunei khoảng 2,5% đến 3% và dưới 5% đối với Lào) và khá cao (với các nước Campuchia: từ 5 đến dưới 7% và Myanmar: từ 5-6,2%) với mức tăng trưởng được dự báo khoảng trên dưới 6% trong năm 2021 do các tổ chức như WB, IMF, ADB, AMRO và GlobalData đưa ra (Bảng 1).

Với Việt Nam, có thể nói Việt Nam là nước đạt được những thành tựu tốt nhất trong ASEAN kể cả trong kiểm soát dịch bệnh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong năm 2020 nhưng kinh tế Việt Nam là điểm sáng trong nền kinh tế ASEAN với mức tăng trưởng cao nhất đạt được trong toàn khối, ở mức 2,8% và cũng là nước được dự báo sẽ có mức tăng trưởng cao nhất trong năm

(30) Theo Bangkok Post: <https://www.bangkokpost.com/business/2032139/tnsc-predicts-3-5-growth-in-2021-forecast>, truy cập ngày 11/12/2020.

(31) Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) dự báo ngành du lịch Thái Lan sẽ mất khoảng 47 tỷ USD do tác động tiêu cực của dịch COVID-19, trong khi du lịch toàn cầu có thể thiệt hại 3.300 tỷ USD. Nguồn thu từ du lịch sụt giảm mạnh cũng là một nguyên nhân khiến Ngân hàng trung ương Thái Lan (BOT) dự báo nước này sẽ có tăng trưởng âm 8% trong năm 2020 (Theo Anh Hải (2020), Ngành du lịch Thái Lan có thể thiệt hại gần 50 tỷ USD do dịch Covid-19, <https://baoquocte.vn/nganh-du-lich-thai-lan-co-the-thiet-hai-gan-50-ty-usd-do-dich-covid-19-118664.html>, cập nhật ngày 02/7/2020).

2021 (Xem Bảng 1).

3. Một số nhận xét và kết luận

Tóm lại, sự suy giảm kinh tế của các quốc gia ASEAN diễn ra ở những mức độ khác nhau, ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế và gần như ở tất cả các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ với nguồn lực hạn chế.

Đối với ngành du lịch, theo dự báo của Tổ chức Du lịch thế giới, ngành du

lịch Đông Nam Á chịu ảnh hưởng nặng nề thứ hai thế giới, sau Bắc Á. Đại dịch đã buộc các đối tác lớn của ASEAN và cả các nước ASEAN phải thực thi phong tỏa, đóng cửa biên giới, hạn chế đi lại, cách ly và giãn cách xã hội khiến số lượng du khách, chủ yếu là từ Trung Quốc, châu Âu, châu Mỹ, Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc... vào Đông Nam Á đã ở mức thấp nhất lịch sử. Theo Bộ Du lịch Thái Lan, do đại dịch Covid-19, quốc gia này có thể chỉ đón được 9 triệu lượt du khách quốc tế trong năm 2020, bằng 22,6% so với mức kỷ lục 39,8 triệu lượt của năm 2019, khiến doanh thu từ du lịch nước này bị thất thu hơn 40 tỷ USD⁽³¹⁾. Trong khi đó, con số này ước tính tại Campuchia là 3 tỷ USD. Số lượng du khách tại Việt Nam cũng đã giảm 98% so với năm 2019⁽³²⁾.

Bên cạnh đó, hoạt động giao thương, đầu tư với Trung Quốc, Mỹ, EU và Nhật Bản bị gián đoạn cũng đã tác động xấu đến kinh tế ASEAN⁽³³⁾. Theo đó, hoạt động sản xuất công nghiệp, bán lẻ và xuất nhập khẩu cũng sẽ chậm

lại. Dòng vốn đầu tư nước ngoài vào khu vực sẽ giảm đáng kể do nhu cầu rút vốn của các quỹ đầu tư nước ngoài trong bối cảnh lo ngại về dịch bệnh và suy thoái toàn cầu vẫn tiếp diễn⁽³⁴⁾. Ngoài ra, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, vận tải, bán buôn, bán lẻ (nhà hàng, khách sạn, quán coffee...), vui chơi, giải trí... cũng bị tê liệt kéo dài.

Kinh tế suy thoái và các biện pháp chống dịch cũng đã tác động tiêu cực đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp (cả lớn lẫn nhỏ). Các doanh nghiệp ở ASEAN tin rằng hoạt động kinh doanh của họ bị tác động rất nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19, thậm chí tồi tệ hơn so với phần còn lại của thế giới. Cụ thể, có tới 81% doanh nghiệp ở ASEAN dự kiến doanh thu sẽ sụt giảm (so với 72% doanh nghiệp ở Singapore và 73% doanh nghiệp trên toàn cầu). Trong đó, 61% công ty ASEAN dự báo sẽ chịu tác động đáng kể về doanh thu hàng năm trong năm nay, so với 51% trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương và 50% trên toàn cầu⁽³⁵⁾.

Kinh tế suy thoái, doanh nghiệp phá sản hay ngừng kinh doanh do đại dịch đã khiến cho hàng chục triệu lao động ở Đông Nam Á bị thất nghiệp và giảm thu nhập, dẫn đến nguy cơ bùng nổ sự rối loạn xã hội. Theo Báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), châu Á - Thái Bình Dương bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất với khoảng 125 triệu lao động (làm việc toàn phần) bị mất việc so với con số

20 triệu ở châu Âu⁽³⁶⁾. Đặc biệt,

(32) TH (2020), Triển vọng hồi phục của ngành du lịch tại Đông Nam Á, <http://ictvietnam.vn/trien-vong-hoi-phuc-cua-nganh-du-lich-tai-dong-nam-a-20200612104027557.htm>, cập nhật ngày 12/06/2020.

(33) Hoạt động đầu tư của các công ty Nhật Bản tại Đông Nam Á cũng bị ảnh hưởng mạnh của đại dịch Covid Bản kinh doanh ở nước ngoài dự báo doanh thu sẽ giảm trong năm nay, đồng thời làm giảm mạnh vốn đầu tư tại thị trường châu Á. Lượng đầu tư của Nhật Bản riêng tại khu vực Đông Nam Á đã giảm 35% trong 5 tháng đầu năm nay. (Theo Hùng Lê (2020), Chuyển sang ASEAN, doanh nghiệp Nhật Bản chọn Việt Nam nhiều nhất, <https://www.thesaigontimes.vn/307147/chuyen-sang-asean-doanh-nghiep-nhat-ban-chon-viet-nam-nhieu-nhat.html>, truy cập ngày 8/12/2020.

(34) Sau 4 tháng đầu năm, vốn FDI đăng ký tại Việt Nam đạt 12,33 tỉ USD, chỉ bằng 84,5% so với cùng kỳ 2019, còn vốn giải ngân ước được 5,15 tỉ USD, bằng 90,4% so với cùng kỳ. (Theo Nam Minh (2020), FDI và Covid-19: Tiền chẳng mọc trên cây, <https://cuoituan.tuoitre.vn/tin/20200601/fdi-va-covid19-tien-chang-moc-tren-cay/1558612.html>, truy cập ngày 01/06/2020.

(35) Lê Thảo (2020), Doanh nghiệp ASEAN dự báo tác động nặng nề do hậu quả kinh tế của Covid-19, <https://baothuathienhue.vn/doanh-nghiep-asean-du-bao-tac-dong-nang-ne-do-hau-qua-kinh-te-cua-covid-19-a88029.html>, cập nhật ngày 25/6/2020.

(36) Lê Ngọc (2020), Covid-19 làm khuynh đảo thị trường lao động thế giới, <https://baoquocte.vn/covid-19-lam-khuynh-dao-thi-truong-lao-dong-the-gioi-114670.html>, cập nhật ngày 29/4/2020.

theo ước tính của BofA Global Research, khoảng 7% lao động (xấp xỉ 20,7 triệu người) tại các nước ASEAN-6 (gồm Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Singapore, Philippines và Việt Nam) có thể bị mất việc làm do đại dịch Covid-19. Trong đó, Indonesia sẽ là nước buộc phải cắt giảm việc làm nhiều nhất với 9,4 triệu việc làm, còn những nước khác như Philippines, Thái Lan và Việt Nam, số việc làm bị mất do đại dịch cũng có thể lên tới hàng triệu người⁽³⁷⁾. Còn theo ước tính của Hội đồng Phát triển Kinh tế và Xã hội Thái Lan, tỷ lệ thất nghiệp của nước này năm 2020 có thể lên tới 4%, ngang với cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997 – 1998⁽³⁸⁾.

Thu nhập và việc làm của người lao động tại các nước Đông Nam Á cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đại dịch Covid-19 đã làm hàng triệu doanh nghiệp ở các cường quốc như Mỹ và Trung Quốc,...phải phá sản trong giai đoạn qua. Ở Đông Nam Á, các doanh nghiệp cũng đang ở trong giai đoạn khó khăn chưa từng có, nhất là các doanh nghiệp ở các ngành sản xuất chế tạo, bán buôn, bán lẻ, may mặc và các ngành dịch vụ du lịch, lưu trú và đi lại. Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm tăng mạnh trong giai đoạn qua. Đặc biệt, cơ cấu lao động ở khu vực lại vẫn còn lượng lớn làm việc trong lĩnh vực phi chính thức (chiếm khoảng 75%) với mức độ rủi ro và tổn thương cao do các thay đổi của thị trường lao động do những người này sẽ không nhận được các hỗ trợ

chính sách như các phúc lợi và an sinh xã hội. Theo đánh giá Viện Nghiên cứu Khoa học Indonesia (LIPI), chỉ có khoảng 50% doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Indonesia trụ được tới tháng 8 và khoảng 72% doanh nghiệp phá sản vào tháng 11 nếu tình hình dịch bệnh vẫn kéo dài⁽³⁹⁾. Trong khi đó, theo ước tính của Chính phủ Indonesia, có khoảng 3 triệu tới 5,2 triệu người mất việc làm vì tác động của dịch Covid-19 và thậm chí có khoảng từ 1,8 triệu tới 4,8 triệu người rơi vào tình trạng nghèo đói trong năm nay⁽⁴⁰⁾. Cuộc khủng hoảng do đại dịch Covid-19 gây ra cho tới nay cũng đã làm khoảng 7,3 triệu người dân Philippines mất việc làm tạm thời hoặc vĩnh viễn và theo ước tính của Bộ Lao động và Việc làm Philippines, con số này có thể sẽ còn tăng lên tới 10 triệu người vào cuối năm nay⁽⁴¹⁾. Tình trạng mất việc và giảm thu nhập này cũng để lại những hệ quả về mặt xã hội như bạo lực gia đình, bất bình đẳng gia tăng,...

Thị trường chứng khoán của nhiều nước trong khu vực trong năm 2020 biến động mạnh khi niềm tin từ các nhà đầu tư giảm sút do lo ngại về suy thoái kinh tế do đại dịch. Như trường hợp của Singapore, trong quý I năm 2020, chỉ số STI đã giảm hơn 24,3% và đặc biệt vào ngày 9/3, STI đã sụt giảm mạnh nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008⁽⁴²⁾. Bên cạnh đó, nhiều đồng tiền của các nước cũng bị mất giá, trong đó đồng Rupiah là đồng tiền trong khu vực bị mất giá mạnh nhất so với đồng USD trong quý I với

mức giảm 14%⁽⁴³⁾. Đồng Đô la Singapore cũng đã giảm gần 6,6% so với đồng đô la Mỹ trong quý I năm 2020⁽⁴⁴⁾,...Trong bối cảnh này, Ngân hàng Trung ương của một số nước trong khu vực đã phải tiến hành điều chỉnh chính sách tiền tệ như cắt giảm lãi suất

(37) Các nước ASEAN nỗ lực khôi phục nền kinh tế hậu Covid-19, <http://atv.org.vn/tin-tuc/kinh-te-thi-truong/cac-nuoc-asean-no-luc-khoi-phuc-nen-kinh-te-hau-covid-19-43314.html>, cập nhật ngày 26/6/2020.

(38) Kiều Giang (2020), Covid-19 đe dọa đến 8,4 triệu việc làm ở Thái Lan, <http://dangcongsan.vn/the-gioi/tin-tuc/covid-19-de-doa-den-8-4-trieu-viec-lam-o-thai-lan-556121.html>, cập nhật ngày 01/06/2020.

(39) DW (2020), "Coronavirus: Indonesia's small and medium businesses bear the brunt", <https://www.dw.com/en/coronavirus-indonesias-small-and-medium-businesses-bear-the-brunt/a-54416886>, truy cập 18/1/2021.

(40) Adrian Wail Akhlaq (2020), "Clouds thicken over Indonesia's economic growth as uncertainties persist", <https://www.thejakartapost.com/news/2020/06/21/clouds-thicken-over-indonesias-economic-growth-as-uncertainties-persist.html>, truy cập ngày 18/1/2021.

(41) Anna Malindog-Uy (2020), "COVID-19 Impacts In The Philippines", <https://theaseanpost.com/article/covid-19-impacts-philippines>, truy cập 18/1/2021.

(42) Justin Ong (2020), "Investors urged to stay on the sidelines, as STI sees largest single-day drop in over 10 years", <https://www.todayonline.com/singapore/investors-urged-stay-sidelines-sti-sees-largest-single-day-drop-over-10-years> truy cập 18/1/2021.

chính sách, giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc với các ngân hàng,... nhằm hỗ trợ hoạt động kinh tế. Đồng thời, để ứng phó với tác động của đại dịch Covid-19, chính phủ nhiều nước trong khu vực cũng nhanh chóng đưa ra các gói cứu trợ nhằm tăng cường hỗ trợ y tế để làm giảm tốc độ lây lan của dịch bệnh và đồng thời kích thích kinh tế thông qua việc trợ cấp cho các doanh nghiệp và hộ gia đình bị ảnh hưởng lớn.

Như vậy, nhìn tổng thể, kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2020 bị sụt giảm mạnh so với năm 2019 do cuộc khủng hoảng do đại dịch Covid-19 gây ra. So với các cuộc khủng hoảng trước đây, quy mô và mức độ tác động của cuộc khủng hoảng lần này cũng lớn hơn và hầu hết các ngành đóng góp quan trọng vào nền kinh tế khu vực đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Cuộc khủng hoảng do dịch bệnh lần này một lần nữa lại cho thấy những hạn chế và tính dễ bị tổn thương về mặt cơ cấu của các nền kinh tế ASEAN, nhất là việc phụ thuộc quá lớn vào bên ngoài. Mặc dù vậy, có thể cho rằng ổn định kinh tế vĩ mô của khu vực vẫn được duy trì do các nền tảng vĩ mô của các nước đã được cải thiện hơn nhiều so với các cuộc khủng hoảng trước đây. Tình hình lạm phát của hầu hết các nước trong khu vực đều ở mức thấp và được kiểm soát chặt chẽ bởi chính phủ các nước.

Đối mặt với tác động của đại dịch, các quốc gia Đông Nam Á đã có các giải pháp ứng phó, tuy nhiên cũng khó có được kịch bản ứng phó hoàn hảo và hiệu

quả. Tuy nhiên, rút kinh nghiệm từ những đợt dịch bệnh trước đây và xu hướng tiến triển cho đến nay của đại dịch, các chuyên gia đều thống nhất cho rằng các nước Đông Nam Á nên áp dụng một số biện pháp cơ bản như: (i) Các nước cần phải đánh giá, tiên lượng và điều chỉnh thường xuyên những phân tích và dự báo tình hình dịch bệnh và tác động của nó để có giải pháp ứng phó phù hợp; (ii) Cần nói lỏng dần các biện pháp kiểm soát như giãn cách xã hội, đóng cửa một cách linh hoạt tùy theo tình hình thực tế để kích thích các doanh nghiệp và người dân đầu tư, chi tiêu cho sản xuất và tiêu dùng nhưng vẫn phải đảm bảo an toàn về mặt y tế cho người dân; (iii) Cần thúc đẩy đầu tư công để đẩy mạnh sản xuất nhằm mở rộng cung cầu hàng hóa, khuyến khích cầu tiêu dùng thông qua các gói kích thích kinh tế và cứu trợ an sinh; (iv) Cần đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu, giảm dần sự phụ thuộc vào một, hai thị trường (Trung Quốc,...), đặc biệt đối với các sản phẩm đầu vào nhằm giảm thiểu tác động của sự đứt gãy chuỗi cung ứng trong tương lai; (v) Đại dịch Covid-19 tạo cơ hội cho các nước ASEAN trong việc tiếp nhận các doanh nghiệp chuyển hướng đầu tư sang Đông Nam Á. Vì vậy, các nước ASEAN cần tiến hành cải thiện môi trường đầu tư, xây dựng và nâng cao năng lực các ngành công nghiệp hỗ trợ, để thu hút các doanh nghiệp nước ngoài đang có ý định rút khỏi Trung Quốc tìm nơi đầu tư mới; (vi) Có thể thấy, đại dịch

Covid-19 không chỉ là một cuộc khủng hoảng y tế đơn thuần, mà còn là một cuộc khủng hoảng kinh tế khi chuỗi cung ứng và thương mại quốc tế bị phá vỡ. Do đó, bên cạnh việc các nước thành viên ASEAN đã có những biện pháp riêng để ứng phó với các tác động kinh tế của dịch bệnh, đòi hỏi các nước ASEAN phải tăng cường đoàn kết nội khối và đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong và ngoài khu vực để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm chống dịch và đưa ra phản ứng thống nhất của khối trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh; và (vii) Các nước Đông Nam Á cần tìm cách sống chung và lâu dài với đại dịch Covid-19, cần thích nghi với trạng thái bình thường mới, thay đổi cách thức sống, làm việc và giao tiếp để tránh những tác động bất lợi và kéo dài của đại dịch Covid-19 mặc dù các nỗ lực phát triển vaccine đang diễn ra với tốc độ kỷ lục và thế giới đã và đang chuẩn bị tiêm vaccine trên diện rộng ■

-
- (43) Desk Editor Insider (2020), "Indonesian Rupiah Stronger After Investors "Cheers" Measures by the Policymaker", <https://theinsiderstories.com/indonesian-rupiah-stronger-after-investors-cheers-measures-by-the-policymaker/>, truy cập ngày 18/1/2021.
 (44) Dinesh Dayani (2020), "COVID-19's Impact On The STI: How Singapore's Strongest Stocks Are Faring – And Should You Invest Now?", <https://dollarsandsense.sg/covid-19s-impact-sti-singapores-strongest-stocks-faring-invest-now/>, truy cập ngày 18/1/2021.



TRIỂN VỌNG KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2021

● ĐỒ THỊ THU HÀ

Trung tâm Thông tin, Phân tích và Dự báo kinh tế, Ban Kinh tế Trung ương

Đại dịch Covid-19, cùng với những biến động chính trị - xã hội và tự nhiên, đã khiến năm 2020 trở thành một năm đầy biến động trong lịch sử thế giới và khiến nền kinh tế thế giới vốn đang trong giai đoạn phục hồi mong manh tiếp tục sa lầy vào một đợt suy thoái tồi tệ nhất kể từ Chiến tranh Thế giới thứ hai. Những dự báo cuối năm 2019, đầu năm 2020 về một năm 2020 với triển vọng tăng trưởng tích cực hơn đã bị thay thế hoàn toàn dưới tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 lên cả cung và cầu, từ

nông nghiệp, công nghiệp tới dịch vụ, từ môi trường lao động tới việc làm, từ thương mại tới đầu tư, từ các nước phát triển tới các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển...

Khởi đầu năm 2021, kinh tế thế giới tiếp tục trải qua nhiều khó khăn bất chấp những gam sáng tích cực hơn từ các nền kinh tế lớn, trong đó, thách thức lớn nhất hiện nay là những diễn biến của đại dịch Covid-19 và sự xuất hiện của nhiều biến thể mới ngày càng phức tạp, các gói hỗ trợ kích thích và phục hồi kinh tế của các quốc gia ngày

càng lớn, đè nặng lên ngân sách và gia tăng gánh nặng nợ công của các nước. Ở chiều ngược lại, những tiến triển của việc phát triển và đưa vào triển khai tiềm chủng diện rộng các loại vaccines phòng chống Covid-19, cũng như Tổng thống Mỹ Joe Biden chính thức nhậm chức với tuyên bố “nước Mỹ đã trở lại”, đảo ngược nhiều chính sách của chính quyền tiền nhiệm Trump, nhấn mạnh tầm quan trọng của các liên minh truyền thống và khẳng định sẽ sử dụng ngoại giao để gắn kết với các nước khác trong các chương

trình hợp tác quốc tế, cũng như những điểm sáng khác như sự phục hồi tích cực của kinh tế Trung Quốc... là những điểm nhấn tích cực hỗ trợ gia tăng triển vọng kinh tế thế giới trong năm 2021.

I. Nhìn lại kinh tế thế giới năm 2020

Đại dịch Covid-19 đã khiến các nền kinh tế rơi vào suy thoái nghiêm trọng, với mức độ vượt xa khủng hoảng tài chính 2008, thậm chí vượt cả Đại suy thoái ở Mỹ vào những năm 1930. Đại dịch Covid-19 cũng khuếch đại các vấn đề thế giới phải đương đầu sau khủng hoảng tài chính năm 2008 và khiến các quốc gia phải thiết lập các biện pháp “đóng cửa” để ngăn chặn sự lây lan của virus gây bệnh, làm cho nền kinh tế thế giới lần đầu tiên chứng kiến hiện tượng đứt gãy cùng lúc cả tổng cung và tổng cầu trên phạm vi hầu khắp toàn cầu. Khủng hoảng Covid-19 đã buộc các chính phủ phải đưa ra những gói kích thích khổng lồ và thậm chí sử dụng nhiều công cụ chính sách chưa từng có tiền lệ nhằm thúc đẩy các nền kinh tế phục hồi. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF, 01/2021) ước tính GDP toàn cầu năm 2020 suy giảm 3,5%, Ngân hàng Thế giới (WB, 1/2021) dự báo mức suy giảm 4,3% năm 2020. IMF đánh giá đại dịch Covid-19 có thể khiến GDP toàn cầu từ năm 2020 đến năm 2025 mất 22.000 tỷ USD.

Trước cú sốc đại dịch Covid-19, năm 2020 đã ghi nhận lần đầu tiên hàng chục nền kinh tế lớn trên thế giới đồng loạt rơi vào suy thoái như Mỹ, Anh, Tây

Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Đức, Ý, Úc, Brazil, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc... Trung Quốc là nền kinh tế lớn duy nhất vẫn duy trì đà tăng trưởng dương năm 2020. Cụ thể với một số nền kinh tế lớn trên thế giới:

Kinh tế Mỹ

Số liệu từ Bộ Thương mại Mỹ (1/2021) cho thấy kinh tế Mỹ tăng trưởng +4% trong quý IV/2020, song tính chung cả năm đã suy giảm 3,5%, mức tồi tệ nhất kể từ 1946 và là năm đầu tiên GDP suy giảm kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2007-2009, chấm dứt chuỗi tăng trưởng kéo dài 11 năm liên tiếp - giai đoạn tăng trưởng dài nhất trong lịch sử nước Mỹ - do đại dịch Covid-19 “tàn phá” nhiều lĩnh vực kinh doanh lớn như nhà hàng và hàng không, đẩy hàng triệu người Mỹ vào cảnh mất việc làm và nghèo đói. Xuất khẩu năm 2020 đã giảm 13% so với năm 2019 trong khi tiêu dùng cá nhân - đóng góp tới 2/3 toàn nền kinh tế - giảm 3,9%, mức tồi tệ nhất kể từ năm 1932. Dòng vốn FDI vào Mỹ giảm 49% trong năm 2020, khiến Mỹ bị Trung Quốc vượt qua và chiếm vị trí số 1 trong cuộc chạy đua thu hút vốn đầu tư trực tiếp. Tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ giảm từ mức đỉnh 14,7% trong tháng 4/2020 còn 6,7% vào tháng 12/2020 (tuy nhiên, vẫn cao hơn mức 3,5% trước đại dịch).

Để phục hồi kinh tế Mỹ, tân Tổng thống Joe Biden đã công bố “Kế hoạch giải cứu nước Mỹ”, trong đó có gói cứu trợ trị giá 1,9 nghìn tỷ USD với

hy vọng vực dậy nước Mỹ vốn đang chịu khủng hoảng kép về dịch bệnh và kinh tế. Kế hoạch này nhằm hâm nóng hoạt động kinh tế thông qua các biện pháp mạnh mẽ hơn chống lại đại dịch Covid-19, bao gồm đẩy mạnh xét nghiệm và tiêm chủng, đồng thời đặt trọng tâm hỗ trợ những người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề nhất.

Kinh tế Trung Quốc

Cuối năm 2019, Trung Quốc trở thành quốc gia đầu tiên phát hiện chủng mới của virus corona. Ở Trung Quốc cũng như nhiều quốc gia khác, các hoạt động kinh tế ở thời điểm đó rơi vào tê liệt, khiến tốc độ tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sụt 6,8% trong quý I/2020 nhưng đã trở lại tăng trưởng dương (+3,2%) trong quý II/2020. Bắt đầu từ nửa cuối năm 2020, kinh tế Trung Quốc có xu hướng phục hồi mạnh mẽ, đặc biệt trong quý IV/2020 với mức tăng 6,5% - thậm chí cao hơn cả tốc độ tăng trước trước đại dịch, cho thấy rằng sự phục hồi tăng trưởng hình chữ V của nước này nhờ kiểm soát hiệu quả dịch bệnh và không ngừng mở rộng phạm vi phục hồi kinh tế. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa nước này năm qua tăng 1,9% so với cùng kỳ 2019, lên 32.160 tỷ nhân dân tệ (khoảng 5.000 tỷ USD), đạt mức cao kỷ lục, trong đó, xuất khẩu tăng 4% và nhập khẩu giảm 0,7%; tính riêng tháng 12/2020, xuất khẩu đã tăng 10,9% so với cùng kỳ 2019. Đây là thành tích không dễ dàng



trong bối cảnh kinh tế thế giới chưa phát đi nhiều dấu hiệu khả quan.

Với mức tăng trưởng 2,3% năm 2020, Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn duy nhất trên thế giới đạt mức tăng trưởng dương. Năm 2020 cũng ghi nhận Trung Quốc vượt Mỹ trở thành nước thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI nhiều nhất thế giới với 163 tỷ USD, so với mức 134 tỷ USD của Mỹ, bất chấp việc dòng vốn FDI toàn cầu suy giảm mạnh. Một cột mốc nữa được ghi nhận là GDP của Trung Quốc đã lần đầu tiên vượt qua ngưỡng 100 nghìn tỷ Nhân dân tệ, tương đương 15,4 nghìn tỷ USD, trong năm 2020, và GDP bình quân đầu người của nước này cũng lần đầu tiên vượt 10.000 USD. Những kết quả trên tiếp tục củng cố vị thế nền kinh tế số 1 của Trung Quốc ở khu vực châu Á, đồng thời rút ngắn khoảng cách giữa Trung Quốc với Mỹ, nền kinh tế lớn nhất thế giới.

Các nền kinh tế lớn khác

Nền kinh tế của khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu Eurozone đã giảm 6,8% trong năm 2020, ít hơn so với dự báo giảm 7,8% của Ủy ban châu Âu đưa ra hồi tháng 11/2020, trong đó, nền kinh tế đầu tàu EU là Đức giảm 5% trong năm 2020 và kinh tế Pháp giảm 8,3%. GDP Nhật Bản cũng giảm 4,8% năm 2020, là mức giảm mạnh thứ 2 kể từ khi Nhật Bản bắt đầu thu thập số liệu vào năm 1955⁽¹⁾. Tuy nhiên, làn sóng đại dịch Covid-19 mới từ tháng 11/2020 đã làm bức tranh kinh tế của châu Âu và Nhật Bản vùnh nhóm tích cực đã nhuốm phần ảm đạm khi bước vào những ngày đầu năm 2021 với sự bùng phát trở lại của đại dịch Covid-19 với các biến thể mới và số ca mắc Covid-19 không ngừng gia tăng khiến nhiều nước buộc phải tiến hành áp đặt các biện pháp cách ly xã hội.

Thương mại và đầu tư

Theo Báo cáo Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD, 01/2021),

dòng vốn FDI toàn cầu suy giảm mạnh trong năm 2020, khi đại dịch Covid-19 khiến nhiều nền kinh tế từ nhỏ tới lớn rơi vào tê liệt ở nhiều thời điểm. Lượng vốn FDI toàn cầu sụt 42% trong năm qua, còn 859 tỷ USD. Con số này thậm chí thấp hơn 30% so với mức đáy của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu cách đây hơn 1 thập niên. Trong sự sụt giảm này, các quốc gia phát triển bị ảnh hưởng nặng nề hơn so với các nước đang phát triển. Trong đó, vốn FDI vào Mỹ giảm 49% so với năm 2019, trong khi mức giảm bình quân của các nước phát triển là 69%. Vốn FDI chảy vào các nước trong Liên minh châu Âu (EU) giảm 2/3 trong năm 2020. Thậm chí, Anh không nhận được một đồng vốn FDI nào chảy vào, bởi đây là một quốc gia chịu ảnh hưởng đặc biệt nặng nề từ đại dịch Covid-19. Vốn FDI vào các nước đang phát triển giảm 12%. Trong khi đó, lượng vốn FDI vào Trung Quốc tăng 4%.

Thương mại toàn cầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng dưới tác động của đại dịch Covid-19 khi các quốc gia đóng cửa biên giới và làm gián đoạn chuỗi

(1) Kinh tế Nhật Bản phục hồi từ quý III/2020. GDP quý III/2020 tăng 21,4%, so với mức giảm kỷ lục 28,8% của quý II/2020 (Theo Văn phòng Nội các Nhật Bản). So với cùng kỳ năm 2019, xuất khẩu giảm 0,2% và nhập khẩu giảm 13,3%. Xu hướng thu hẹp sản xuất vẫn tiếp diễn, chỉ số PMI sản xuất chỉ đạt 48,3 điểm trong tháng 11/2020 do sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm nhanh.

cung ứng hàng hóa và dịch vụ quốc tế. WB (01/2021) ước tính thương mại toàn cầu sụt giảm 9,5% trong năm 2020 – mức giảm tương đương như giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2009. Trong khi chuỗi cung ứng cần phải mất thêm thời gian để tái cấu trúc và sắp xếp, thì thương mại sẽ chưa thể sớm phục hồi về mức bình thường như trước, nhất là khi cước vận tải đường biển tăng vọt và tình trạng thiếu hụt container rỗng trên toàn cầu ngày càng trầm trọng, đặc biệt từ tháng 12/2020 đến nay. Tuy nhiên, năm 2020 thương mại thế giới cũng ghi nhận những điểm sáng về hội nhập kinh tế quốc tế với các hiệp định được kí kết và sắp đưa vào thực thi như Hiệp định thương mại tự do lục địa châu Phi (AfCFTA) hay Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)... Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19 đã làm bộc lộ những rủi ro khi cung ứng các sản phẩm, thiết bị thiết yếu bị gián đoạn, không kịp thời do mạng lưới chuỗi cung ứng trải rộng toàn cầu cũng như nhiều chuỗi cung ứng quá phụ thuộc vào các trung tâm sản xuất và các thị trường lớn, nhất là Trung Quốc. Bên cạnh việc tối ưu hóa sản xuất và chi phí, việc dịch chuyển đầu tư và chuỗi cung ứng còn nhằm để phân tán và giảm thiểu rủi ro.

Thị trường hàng hóa cơ bản

Năm 2020 đã chứng kiến những biến động mạnh trên thị trường hàng hóa do sự lây lan của đại dịch Covid-19. Lần đầu tiên trong lịch sử, giá dầu

thô của Mỹ giảm xuống mức âm, chạm đáy ở -40,32 USD/thùng (giá đặt giao hàng tháng 5/2020) rồi quay đầu lên -37,63 USD/thùng khi chốt phiên giao dịch ngày 20/4. Trong khi đó, giá dầu WTI giao tháng 6/2020 cũng giảm 43% xuống còn 11,57 USD/thùng, trong khi giá dầu Brent giao tháng 6/2020 tại thị trường London (Anh) giảm xuống còn 19,33 USD/thùng, thấp nhất kể từ tháng 2/2002. Giá vàng thế giới cũng lần đầu tiên vượt ngưỡng 2.000 USD/ounce. Giá vàng đã duy trì đà tăng giá trong mấy tháng qua và lập kỷ lục mới trong bối cảnh hàng loạt nền kinh tế lớn của thế giới gần như đóng băng vì đại dịch Covid-19. Mức giá cao kỷ lục của vàng, cùng với đó là xu thế giảm giá của đồng USD, phản ánh tâm lý lo lắng của giới đầu tư và kinh doanh toàn cầu.

Giá hầu hết hàng hóa cơ bản đã phục hồi trở lại từ nửa cuối năm 2020, ngoại trừ giá dầu do ảnh hưởng kéo dài của đại dịch về nhu cầu dầu toàn cầu. Giá dầu thô trung bình là 41 USD/thùng năm 2020, giảm 34% so với năm 2019. Nhu cầu dầu đã giảm 9% vào năm ngoái, mức giảm mạnh nhất trong một năm do ảnh hưởng bởi các biện pháp kiểm soát đại dịch Covid-19 lên các hoạt động kinh tế, bất chấp việc các nước OPEC+ đã đạt được thỏa thuận cắt giảm sản lượng lớn nhất trong lịch sử. Giá dầu được dự báo duy trì gần với mức hiện tại và trung bình 44 USD/thùng vào năm 2021 trước khi tăng lên 50 USD/thùng vào năm 2022 (theo WB, 1/2021).

Giá kim loại nhìn chung duy trì ổn định trong năm 2020, khi mà sự sụt giảm mạnh giá đầu năm 2020 đã được bù đắp bởi đà tăng giá nửa cuối năm 2020 khi mà nhu cầu từ Trung Quốc tăng mạnh nhờ đà phục hồi kinh tế và các hoạt động sản xuất tại nền kinh tế số 2 thế giới. Giá các mặt hàng nông sản tăng trung bình khoảng 4% năm 2020 do áp lực của thiếu hụt nguồn cung.

Chính sách kinh tế của các nước

Để đối phó với tác động xấu do đại dịch Covid-19 lên kinh tế, các nước đã đồng loạt tung ra các gói kích thích tài khóa cùng các chính sách cắt giảm lãi suất, thậm chí duy trì mức lãi suất âm để giải cứu nền kinh tế. Tổng trị giá các gói hỗ trợ của Mỹ hay Nhật Bản thậm chí lên tới 20% GDP. Theo Báo cáo cập nhật giám sát tài chính, IMF cho biết năm 2020 các chính phủ “rót” gần 14.000 tỷ USD hỗ trợ tài chính để phòng chống đại dịch Covid-19, tăng khoảng 2.200 tỷ USD kể từ tháng 10/2020, theo đó, tổng nợ công toàn cầu tương đương 98% tổng sản phẩm quốc nội (GDP), mức cao nhất từ trước đến nay và cao hơn so với mức 84% GDP năm 2019. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED), các Ngân hàng Trung ương châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Anh, Australia, Philippines... cũng hạ lãi suất xuống các mức thấp kỷ lục nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp thoát khỏi khủng hoảng.

Không thể phủ nhận tác dụng của những gói kích thích từ các chính phủ đã phần nào nâng thể trạng của nền kinh tế toàn cầu,



tăng sức chống chịu và kiểm soát tình trạng thất nghiệp ngay trong quý II/2020. Tuy nhiên, cũng có một thực tế là việc tung ra hàng loạt gói kích thích kinh tế mà không tính hết những tác dụng phụ đang đẩy nhiều nước vào tình thế khó khăn mới. Xu hướng nói lỏng tài chính tiền tệ thông qua các gói hỗ trợ tài chính lên tới hàng nghìn tỷ USD này cùng với chính sách cắt giảm lãi suất đã khiến nợ công và thâm hụt ngân sách của các quốc gia bị đe dọa nghiêm trọng. Đặc biệt tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, tổng nợ/GDP đã lên mức 176%.

II. Bối cảnh quốc tế năm 2021

Bối cảnh quốc tế năm 2021 được dự báo sẽ tiếp tục có nhiều biến động. Đại dịch Covid-19 chưa thực sự tạo ra một trật tự thế giới hoàn toàn mới, nhưng được dự báo mang đến những thay đổi mạnh mẽ đối với địa chính trị toàn cầu trong giai đoạn tới, nổi bật là sáu xu hướng chính trong giai đoạn tới:

(i) Tiếp tục bộc lộ những thực tế chưa được quan tâm

đúng mức như việc phụ thuộc quá nhiều của chuỗi cung ứng toàn cầu vào một quốc gia, dẫn đến phản ứng bị động khi gián đoạn chuỗi cung ứng xảy ra. Đại dịch Covid-19 có thể là chất xúc tác mới thúc đẩy quá trình dịch chuyển sản xuất diễn ra nhanh hơn, sau khi đã được thúc đẩy bởi căng thẳng thương mại Mỹ - Trung từ năm 2018. Do đó, năm 2021 sẽ tiếp tục chứng kiến sự dịch chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc và tái định hình chuỗi cung ứng toàn cầu.

(ii) Tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới tiếp tục có nhiều điểm sáng: Tiêu biểu tại khu vực châu Á, Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP) giữa ASEAN và Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và New Zealand được dự báo khi đi vào thực thi sẽ đem lại tác động lớn về kinh tế - xã hội cho các nước thành viên và thúc đẩy thương mại và kinh tế khu vực châu Á phát triển. RCEP sẽ hình thành nên một khu vực kinh tế lớn nhất từ trước đến nay với GDP chiếm

tới 32% GDP toàn cầu, tương đương 32.000 tỷ USD và 47,5% dân số thế giới.

(iii) Sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc được kỳ vọng sẽ tiếp tục dưới thời Tổng thống Biden. Ông Biden tuyên bố Trung Quốc là “đối thủ cạnh tranh nghiêm trọng nhất” của Mỹ. Nhiều nhận định cho rằng, đổ vỡ trong mối quan hệ kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ khó có khả năng được hàn gắn trong thời gian ngắn. Thay vào đó, đại dịch Covid-19 gia tăng các mâu thuẫn cơ bản giữa Mỹ và Trung Quốc, phá vỡ sự hòa hoãn tạm thời giữa hai bên sau thỏa thuận thương mại giai đoạn một được ký kết vào đầu năm 2020.

(iv) Sự dịch chuyển quyền lực từ Tây sang Đông: đại dịch Covid-19 sẽ thúc đẩy sự dịch chuyển cán cân quyền lực toàn cầu từ Tây sang Đông thông qua những tác động tiêu cực sâu rộng và để lại hậu quả lâu dài đối với các nền kinh tế phát triển của Mỹ và châu Âu. Những biện pháp tài chính và tiền tệ mà các nước này đã và đang đưa ra để hỗ trợ nền kinh tế chưa chắc đã đủ để đảo ngược tác động tiêu cực của dịch bệnh, song chắc chắn sẽ làm gia tăng nguy cơ khủng hoảng nợ công về trung hạn. Trong khi đó, Trung Quốc lại được hưởng lợi khi là một trong những nước đầu tiên vượt qua khủng hoảng, nên có điều kiện tập trung nguồn lực vực dậy nền kinh tế.

(v) Các quốc gia tiếp tục triển khai các gói hỗ trợ kinh tế lớn cũng như các chính sách

ứng phó với dịch bệnh và hỗ trợ phục hồi kinh tế. Bên cạnh những tác động tích cực, cũng có thể gây ra những rủi ro không nhỏ đối với thị trường tài chính thế giới và tạo ra áp lực nợ toàn cầu.

(vi) Thương mại điện tử bùng nổ: Cuộc khủng hoảng Covid-19 mang đến những thách thức nhưng đồng thời cũng là cơ hội để các nhà bán lẻ thay đổi nhằm theo kịp sự phát triển của thương mại điện tử. Mua sắm trực tuyến đang thay thế cho việc mua sắm tại cửa hàng khi hàng tỷ người trên khắp thế giới phải tuân thủ các sắc lệnh yêu cầu ở trong nhà để ngăn chặn sự lây lan của đại dịch Covid-19. Doanh thu thương mại điện tử toàn cầu dự báo đạt 3.900 tỷ USD trong năm 2020, trong đó riêng khu vực châu Á-Thái Bình Dương là 2.450 tỷ USD, theo hãng nghiên cứu thị trường Statista.

III. Triển vọng kinh tế thế giới năm 2021

Các tổ chức kinh tế lớn bày tỏ lạc quan hơn về tình hình kinh tế thế giới năm 2021. Theo đó, IMF (1/2021) dự kiến kinh tế toàn cầu tăng trưởng 5,5% trong năm 2021, cao hơn 0,3% so với dự báo đưa ra hồi tháng 10/2020 với đà phục hồi của nền kinh tế sẽ phụ thuộc nhiều vào kết quả “cuộc đua” giữa những biến thể mới của virus SARS-CoV-2 và vaccine nhằm chấm dứt đại dịch, cũng như khả năng của các chính sách hỗ trợ hiệu quả. WB (1/2021) cũng dự báo kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng 4% trong năm 2021 sau khi suy

giảm 4,3% năm 2020, tuy nhiên, vẫn cảnh báo rằng tình hình có thể nghiêm trọng hơn nếu sự lây lan của đại dịch Covid-19 gia tăng hoặc việc triển khai tiêm chủng vaccine ngừa virus SARS-CoV-2 bị đình trệ. Liên hợp quốc trong Báo cáo Tình hình và triển vọng kinh tế Thế giới công bố ngày 25/1 cũng dự báo mức tăng trưởng 4,7% trong năm 2021, sau khi giảm 4,3% trong năm 2020 do đại dịch Covid. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) cũng dự đoán kinh tế thế giới sẽ phục hồi khoảng 4,2% trong năm 2021, tuy thấp hơn một chút so với dự đoán trước đó, nhưng kinh tế thế giới đã thoát khỏi thời điểm tồi tệ nhất. Ngoài ra, những động lực tăng trưởng mới như kinh tế số và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Tuy nhiên, triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2021 vẫn cực kỳ bất ổn do phụ thuộc vào diễn biến của đại dịch, biện pháp phòng chống và kiểm soát đại dịch Covid-19 của chính phủ các nước cũng như tiến độ sản xuất, phân phối và tiếp nhận vaccine của người dân. Tính đến nay, thế giới đã ghi nhận hơn 111 triệu ca nhiễm Covid-19, với trên 2,47 triệu ca tử vong, trong đó, Mỹ vẫn là quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất với hơn 28,7 triệu ca lây nhiễm và hơn 500 nghìn ca tử vong; tiếp đó là Ấn Độ với trên 11 triệu ca nhiễm, Brazil (trên 10 triệu) và Nga (trên 4 triệu)...

Các kịch bản kinh tế thế giới năm 2021

- Kịch bản cơ sở: Kịch bản cơ

sở giả định các biện pháp kiểm soát đại dịch bắt buộc được duy trì trong nhiều quý tiếp theo cho đến sau khi việc tiêm chủng mở rộng được triển khai. Mặc dù ghi nhận số ca mắc Covid-19 tăng tại một số nền kinh tế lớn, số ca nhiễm được cho là sẽ giảm trong nửa đầu năm 2021 ở hầu hết các nước. Tại các nền kinh tế phát triển và một số nền kinh tế mới nổi và đang phát triển lớn như Trung Quốc, Ấn Độ hay Nga, các chiến dịch tiêm chủng được tiến hành vào đầu năm tới giữa năm 2021 và được mở rộng hơn vào nửa cuối năm 2021. Kịch bản cơ sở dự đoán tăng trưởng kinh tế toàn cầu ở mức 4% năm 2021, sau đó sẽ chậm lại ở mức 3,8% trong 2022. Tăng trưởng tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển dự kiến sẽ tăng trở lại 5% vào năm 2021 từ mức giảm 2,6% vào năm 2020, trước khi chậm lại 4,2% vào năm 2022. Sau khi suy giảm 9,5% năm 2020, thương mại toàn cầu dự kiến tăng trưởng trở lại nhưng chỉ ở mức trung bình là 5,1% vào năm 2021-2022.

- Kịch bản tiêu cực: Quản lý dịch bệnh yếu kém và các biện pháp giãn cách xã hội không được triển khai hiệu quả dẫn đến gia tăng số ca nhiễm Covid-19 ở nhiều nước năm 2021, theo đó, sẽ cần nhiều biện pháp kiểm soát dịch bệnh tăng cường hơn để kiểm soát đại dịch. Việc tiêm chủng mở rộng vaccine Covid-19, kể cả tại các quốc gia phát triển hay các nền kinh tế đang phát triển lớn cũng bị trì hoãn do nguồn cung hạn chế. Tăng trưởng được dự báo

ở mức 1,6% năm 2021 trước khi tăng nhẹ lên mức 2,5% năm 2022. Trong đó, các nền kinh tế phát triển chỉ duy trì tăng trưởng khoảng 2% năm 2021-2022, và các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển tăng trưởng ở mức 3,3%.

- *Kịch bản tích cực:* Dịch bệnh được kiểm soát, các chiến dịch tiêm chủng mở rộng được triển khai ngay từ đầu năm 2021 tại các nước phát triển, theo sát là các nước đang phát triển vào giữa năm 2021 và trong vòng quý 4 cho các nước kém phát triển. Các quốc gia đạt được các thỏa thuận cung ứng và phân phối với các nhà sản xuất vaccine Covid-19. Các hoạt động kinh tế phục hồi trở lại, đại dịch Covid-19 làm tăng cường và đẩy mạnh các cơ chế phối hợp đa phương, với các

Hiệp định FTA thúc đẩy thương mại hồi phục và phát triển. Tăng trưởng toàn cầu sẽ đạt mức 5% trong năm 2021, với tăng trưởng tại các nước phát triển ở mức 4,1% và tại các nền kinh tế đang phát triển là 5,8%.

Cụ thể, tại một số nền kinh tế:

Kinh tế Mỹ

Kinh tế Mỹ được dự báo sẽ phục hồi từ đại dịch Covid-19 vào giữa năm 2021 và tăng trưởng mạnh mẽ ở mức 4,6% theo dự báo của Văn phòng Ngân sách Quốc hội Mỹ (CBO, 2/2021), với kỳ vọng rằng gói kích thích mà tân Tổng thống Biden đề xuất sẽ mạnh tay hỗ trợ các tiểu bang, kéo dài trợ cấp thất nghiệp và các hộ gia đình. Gói kích cầu trị giá 1,9 nghìn tỷ USD sẽ là kế hoạch cứu trợ kinh tế lớn thứ 2 trong lịch sử Mỹ và đã được Quốc hội Mỹ chính

thức thông qua, trong đó, 1.000 tỉ USD trong gói hỗ trợ sẽ được chuyển trực tiếp tới các gia đình Mỹ, mỗi người dân Mỹ dự kiến sẽ nhận thêm được 1.400 USD; khoảng 450 tỉ USD được chi để đối phó với dịch Covid-19 và triển khai tiêm vaccine cho người dân; hàng trăm tỉ USD được chi cho việc mở cửa trở lại các trường học, hỗ trợ cộng đồng và doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc bơm lượng tiền quá lớn vào nền kinh tế sẽ làm gia tăng áp lực nợ công, lạm phát và bong bóng tài chính tại Mỹ.

FED cam kết rằng chính sách tiền tệ của họ sẽ tiếp tục hỗ trợ đặc lực cho nền kinh tế đến khi phục hồi hoàn toàn. Điều này báo hiệu rằng Ngân hàng Trung ương của Mỹ sẽ không sớm thắt chặt chính sách tiền tệ, tuy nhiên đưa ra cảnh báo



các doanh nghiệp Mỹ đang đối mặt với rủi ro phá sản đáng kể do đòn bẩy kinh doanh hiện đang gần mức cao lịch sử. IMF (1/2021) dự báo kinh tế Mỹ tăng trưởng 5,1%, tăng 2 điểm phần trăm so với dự báo tháng 10/2020 nhờ khả năng phát triển và phân phối Covid-19 tại Mỹ cũng như kỳ vọng vào các chính sách phục hồi kinh tế của Tổng thống Biden và của FED.

Kinh tế Trung Quốc

Trung Quốc đã tạo nên cú lội ngược dòng ngoạn mục khi sớm kiểm soát thành công đại dịch và phục hồi nền kinh tế. Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế lớn duy nhất ghi nhận mức tăng trưởng dương trong năm 2020 và được coi là động lực chính thúc đẩy kinh tế thế giới hồi phục sau đại dịch Covid-19. Tăng trưởng được hỗ trợ bởi kiểm soát hiệu quả dịch bệnh và các biện pháp kích thích đầu tư công của chính phủ. Hướng đến năm 2021, một viễn cảnh mới sẽ mở ra khi Trung Quốc đã sẵn sàng thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ 14 (2021-2025) và các mục tiêu dài hạn đến năm 2035. Trong cả năm 2021, IMF dự báo nền kinh tế lớn thứ hai thế giới sẽ tăng trưởng 8,2%, trong khi WB dự báo mức tăng 7,9%. OECD (1/2021) dự báo đến năm 2021, Trung Quốc ước tính đóng góp hơn 1/3 vào tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Động lực tăng trưởng chính đã được nhấn mạnh tại Hội nghị Công tác Kinh tế Trung ương Trung Quốc cuối năm 2020 là thúc đẩy thị trường nội địa và hỗ trợ tăng cường xuất khẩu.

Kinh tế khu vực EU

Tháng 1/2021 kinh tế châu Âu tiếp tục âm ỉ bởi sự bùng phát mạnh của dịch bệnh, đặc biệt là các biến thể mới của SARS-CoV-2. Các nước trong khu vực tái áp đặt các lệnh cách ly xã hội và chương trình tiêm chủng mở rộng vaccine Covid-19 vẫn gặp nhiều khó khăn do nguồn cung còn hạn chế. Ngân hàng Trung ương châu Âu ECB (1/2021) đánh giá hỗ trợ phục hồi kinh tế trị giá 750 tỷ EUR sẽ hỗ trợ nền kinh tế EU phục hồi tốt hơn và hỗ trợ triển khai chương trình tiêm chủng vaccine trên quy mô lớn. EC dự báo tăng trưởng GDP của 19 quốc gia trong khu vực sử dụng đồng tiền chung euro (Eurozone) dự kiến sẽ đạt 3,8% trong năm nay và phục hồi muộn hơn so với hy vọng ban đầu. Con số này giảm so với mức dự báo 4,2% cho năm 2021 mà cơ quan này đưa ra vào tháng 11/2020. Các số liệu trên được đưa ra với giả định rằng các biện pháp kiểm soát dịch bệnh sẽ duy trì nghiêm ngặt đến hết tháng 3/2021 và dần được nới lỏng cho đến khi các nước mở cửa trở lại vào nửa cuối năm. WB (1/2021) dự báo sau khi giảm mạnh 7,4% vào năm 2020, tăng trưởng của Eurozone sẽ phục hồi lên 3,6% vào năm 2021, được củng cố bởi công tác quản lý đối phó với dịch bệnh được cải thiện, triển khai vaccine và nhu cầu bên ngoài tăng, đặc biệt là từ Trung Quốc. Dự kiến tăng trưởng sẽ tăng lên 4% vào năm 2022 vì tiêm chủng rộng rãi góp phần thúc đẩy tiêu

dùng và đầu tư.

Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển

Đại dịch Covid-19 đã tàn phá nặng nề các nền kinh tế này, xóa sạch những tiến bộ nhiều nước đạt được trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững SDG, đẩy cuộc chiến chống đói nghèo trên thế giới tụt hậu trở lại cả thập niên. Các tổ chức đánh giá đại dịch Covid-19 sẽ gây ra thiệt hại lâu dài cho triển vọng tăng trưởng tại khu vực này do ảnh hưởng bởi sự giảm dòng vốn đầu tư và nguồn nhân lực. Trong Báo cáo tổng kết năm 2020 của Liên hợp quốc, Tổng Thư ký Guterres đã thừa nhận thế giới có thêm khoảng 100 triệu người bị đẩy trở lại tình trạng đói nghèo và đây cũng là lần đầu tiên chỉ số nghèo đói trên toàn cầu tăng kể từ năm 1998. Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển suy giảm 2,6% vào năm 2020 do ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch Covid-19, mức thấp nhất kể từ năm 1960. Nếu không tính Trung Quốc, các nền kinh tế này thậm chí sụt giảm tăng trưởng tới 5% trong năm 2020, phản ánh sự suy thoái ở 80% các nền kinh tế thuộc khu vực này, đặc biệt ở các nước phụ thuộc nhiều vào dịch vụ và du lịch. Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển được kỳ vọng sẽ tăng trưởng trở lại mức 5% năm 2021 và trung bình 4,2% năm 2022, tuy rằng sản lượng sẽ vẫn ở mức thấp hơn trước đại dịch; trong đó, các nền kinh tế phụ thuộc du lịch sẽ phục hồi chậm hơn ở mức 3,2% năm 2021-2022 ■



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC THAM MƯU CẤP CHIẾN LƯỢC VỀ KINH TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ - MỘT SỐ TIÊU CHUẨN VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

● **TS. ĐẬU VĂN CÔI**

Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, Ban Kinh tế Trung ương

Nguồn nhân lực tham mưu cấp chiến lược về kinh tế (NNL TMCLKT) ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, nhất là trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Bài viết này đưa ra một số kết quả nghiên cứu bước đầu về NNL TMCLKT của Việt Nam và đề xuất một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực này trong giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, một nền kinh tế muốn tồn tại, vươn lên phát triển nhanh và bền vững buộc phải dựa trên nền tảng một nguồn nhân lực chất

lượng cao, trong đó nguồn nhân lực nghiên cứu, tham mưu cấp chiến lược về kinh tế có vai trò hết sức quan trọng. Việt Nam, muốn đổi mới và hội nhập thành công đòi hỏi phải phát triển một NNL TMCLKT chất

lượng cao, bao gồm những nhân tài vượt trội, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ. Sản phẩm của đội ngũ này phải là các ý tưởng, đề xuất, tham mưu phù hợp, đúng đắn, kịp thời về cải cách thể chế,

chính sách, kế hoạch chiến lược, đổi mới kinh tế đạt chất lượng cao, có độ tin cậy lớn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế đất nước trong tình hình, điều kiện mới.

Ngày 19/5/2018, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW chỉ rõ nhiệm vụ “tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”. Từ đó tới nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về nội dung này, tuy nhiên, nhìn chung các nghiên cứu đang chủ yếu đề cập đến xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược, trong khi chưa đề cập nhiều đến đội ngũ cán bộ tham mưu cấp chiến lược các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực kinh tế. Bài viết này đưa ra một số kết quả nghiên cứu bước đầu về NNL TMCLKT của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế và đề xuất một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực này trong giai đoạn từ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1. Nguồn nhân lực tham mưu cấp chiến lược về kinh tế ở Việt Nam

Ở các nước phát triển, nguồn nhân lực tư vấn - tham mưu về kinh tế thường nằm trong các tổ chức think tank. Theo Trần Phi Tuấn (2017), trong kinh tế “think tanks” được hiểu là tổ chức nơi các chuyên gia kinh tế thảo luận, đề xuất, tư vấn các kế hoạch, thể chế, chính sách phát triển kinh tế hoặc giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế và thúc đẩy các chính sách đó duy

trì hoặc loại bỏ⁽¹⁾. Một nền kinh tế càng phát triển thì số lượng và chất lượng các think tank càng phát triển và được đánh giá, xếp hạng cao, có uy tín với các chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức, đối tác quốc tế.

Ở Việt Nam, theo các tác giả Nguyễn Phú Trọng và Trần Xuân Sấm (2001), cán bộ cấp chiến lược gồm ba nhóm: (1) Nhóm cán bộ lãnh đạo, chính trị quốc gia – các chính khách; (2) Nhóm cán bộ quản lý ở cấp vĩ mô (3) Nhóm chuyên gia, tham mưu cấp chiến lược ở mỗi ngành, mỗi lĩnh vực⁽²⁾. Như vậy, chúng ta xác định NNL TMCLKT thuộc nhóm thứ ba, hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, cơ bản bao gồm:

(1) Những chuyên gia tham mưu, tư vấn về các lĩnh vực kinh tế làm việc ở các cơ quan Trung ương của Đảng: Ban Kinh tế Trung ương, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, các ban tham mưu xây dựng Đảng (kể cả đội ngũ cộng tác viên tư vấn của các cơ quan này);

(2) Nguồn nhân lực ở các hội đồng, tổ tư vấn nghiên cứu, tham mưu về lĩnh vực kinh tế ở cơ quan Chính phủ, bộ, ngành, cơ quan nhà nước, các viện nghiên cứu kinh tế thuộc đơn vị sự nghiệp công lập;

(3) Các nhà lãnh đạo, nguyên lãnh đạo, quản lý kinh tế cấp chiến lược; các nhà hoạt động thực tiễn quan tâm nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm, tham mưu, tư vấn về kinh tế chiến lược;

(4) Nguồn nhân lực ở nghiên

cứu và phát triển ở các viện nghiên cứu kinh tế chiến lược, các trường đại học;

(5) Các chuyên gia, các nhà nghiên cứu, tư vấn kinh tế chiến lược độc lập và các nhà nghiên cứu phát triển chiến lược ở các lĩnh vực khác nhưng liên quan đến phát triển kinh tế;

(6) Các chuyên gia kinh tế chiến lược người Việt làm việc ở nước ngoài hoặc người nước ngoài nghiên cứu, tư vấn cho kinh tế Việt Nam.

Chủ thể tham mưu có thể là một tổ chức lớn, một tổ nhỏ hoặc một cá nhân: bộ tham mưu, nhóm, ủy ban, tổ tham mưu hoặc chuyên gia tư vấn độc lập. Tuy nhiên, về tính chất, tham mưu đều có chung tính chất và yêu cầu:

- Người tham mưu có quyền đưa ra kiến nghị, tư vấn nhưng không có quyền thực hiện những nội dung kiến nghị đó. Vì vậy, tham mưu phải có đối tượng tham mưu là người quyết định và thực hiện, đó là tổ chức hoặc cá nhân nắm quyền lực lãnh đạo, quản lý.

- Tham mưu luôn gắn với tri thức, kinh nghiệm và tư duy sáng tạo nên gắn bó chặt chẽ với

(1) Trần Phi Tuấn, Tổ tư vấn kinh tế và những lát cắt think tank, <https://tuoitre.vn/to-tu-van-kinh-te-va-nhung-lat-cat-think-tank-1363012.htm>, xem 21/1/2021.

(2) Nguyễn Phú Trọng và Trần Xuân Sấm (2001), Luận cứ khoa học cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, Tr. 37.



công việc nghiên cứu (nghiên cứu - tham mưu).

- Một quyết định có thể có nhiều phương án được tư vấn, tham mưu của nhiều tổ chức hoặc cá nhân (nhiều kịch bản).

- Nội dung tham mưu phải mang tính độc lập, khách quan, nhất là tham mưu chủ trương, chính sách. Người tham mưu không phải chịu tác động của sức ép dư luận, kỳ bầu cử, nhiệm kỳ, bệnh thành tích, lợi ích nhóm.

Từ ý nghĩa trên, chúng ta xác định: NNL TMCLKT ở Việt Nam là nguồn nhân lực cao cấp, làm nhiệm vụ nghiên cứu, tư vấn, tham mưu về thể chế, chủ trương, chính sách, kế hoạch chiến lược và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội. Đây là vùng tư duy trí tuệ của nền kinh tế đất nước, bao gồm những người tài năng, sáng tạo nhất, có đạo đức, tâm huyết và những phẩm chất, năng lực cơ bản của nhà tham mưu chiến lược. Đối tượng tham mưu của họ là Đảng và Nhà nước Việt Nam, lực lượng duy nhất lãnh đạo, quản lý đất nước hiện nay. Hiện

nay, NNL TMCLKT ở Việt Nam đang chủ yếu làm việc trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước, tham mưu cho Đảng và Nhà nước ở cấp Trung ương. Theo xu hướng chung của hợp tác và hội nhập quốc tế cũng như sự mở rộng trọng dụng chất xám, nhân tài, nguồn nhân lực này sẽ ngày càng mở rộng cả lĩnh vực công - tư; cả trong và ngoài nước với sản phẩm đa dạng, chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế thời kỳ hội nhập.

2. Vai trò, nhiệm vụ của nguồn nhân lực tham mưu cấp chiến lược về kinh tế

Nhìn lại lịch sử hơn 30 năm đổi mới, trong bài *"Tổ tư vấn kinh tế và những lát cắt think tank"*⁽³⁾, Trần Phi Tấn (2017) đã nêu lại khá rõ vai trò, nhiệm vụ của nguồn nhân lực tham mưu cấp chiến lược về kinh tế trong thời kỳ chuẩn bị và tiến hành công cuộc Đổi mới, bắt đầu từ năm 1980. Theo đó, lực lượng này gồm đội ngũ các chuyên gia hàng đầu có nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu đề xuất các nội dung đưa vào báo cáo chính trị

trình đại hội Đảng từng nhiệm kỳ với là các quyết sách lớn, giá trị lớn. Sự nghiệp Đổi mới chứng kiến sự ra đời của nhiều tiểu ban, nhóm nghiên cứu và đề xuất nhiều nội dung có giá trị, được thông qua, ban hành thành chủ trương, chính sách giải quyết những vấn đề nóng bỏng, vừa bức xúc của nền kinh tế lúc đó và có ảnh hưởng lâu dài đến ngày nay. Điều đó đã khẳng định vai trò, hiệu quả, phương pháp gắn với đóng góp của NNL TMCLKT trong phát triển kinh tế, đặt cơ sở trong phát triển nguồn nhân lực này về sau.

Ngày nay, trên thế giới, những nền kinh tế càng phát triển thì các viện nghiên cứu, tham mưu chính sách càng nhiều và nhiều tổ chức nghiên cứu, tham mưu - tư vấn (think tanks) được đánh giá và được xếp thứ hạng cao trên thế giới. Điều đó càng khẳng định vai trò của NNL TMCLKT trong xây dựng thể chế, chính sách phát triển kinh tế và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững. Mackenzie và cộng sự (2015) cho rằng, trong khi mục đích chính của các cơ quan

(3) Trần Phi Tấn, *Tổ tư vấn kinh tế và những lát cắt think tank*, <https://tuoitre.vn/to-tu-van-kinh-te-va-nhung-lat-cat-think-tank-1363012.htm>, Xem 30/1/2021.

(4) Mackenzie, J., Pellini, A., Sutiyo, W., (2015), *Establishing Government Think Tanks: An Overview of Comparative Models*, file:///C:/Users/coidv/AppData/Local/Temp/EstablishingGovernmentThinkTanks-Anoverviewofcomparativemodels.pdf, xem 21/1/2021.

tư vấn tham mưu chính phủ là cung cấp phân tích chính sách cho các nhà làm chính sách cao cấp, nó còn có thể phát triển các chiến lược truyền thông và công cộng hóa những phát kiến của họ. Điều này có thể tạo ra sự ủng hộ của công chúng cho thay đổi chính sách⁽⁴⁾.

Trên cơ sở Quyết định số 166-QĐ/TW ngày 18/12/2018 của Bộ Chính trị quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Kinh tế Trung ương và các quyết định về chức năng, nhiệm vụ của các viện nghiên cứu kinh tế của một số bộ, ngành; đồng thời, xét yêu cầu thực tiễn của phát triển kinh tế bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, bài viết này xác định vai trò, nhiệm vụ của NNL TMCLKT của Việt Nam hiện nay cơ bản như sau:

(a) *Vai trò*: Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Đảng, và Nhà nước Việt Nam trong việc định hướng xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế; hoạch định đường lối, chủ trương, biện pháp lớn, quan trọng về kinh tế - xã hội.

(b) *Nhiệm vụ*

- Nghiên cứu, tham mưu chiến lược, chủ trương, nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quyết định về lĩnh vực kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước; các thể chế, cơ chế, chính sách lớn về kinh tế - xã hội; chương trình, kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng và các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng, Nhà nước về kinh tế - xã hội; các đề án về đổi mới

cơ chế, chính sách quản lý kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh; hỗ trợ và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp;

- Nghiên cứu, đề xuất, tham mưu thể chế hóa các chủ trương của Đảng trong lĩnh vực kinh tế; phương án giải quyết những vấn đề lớn, phức tạp, mới nảy sinh mang tầm chiến lược về kinh tế, việc thí điểm, tổng kết một số chủ trương, mô hình mới trong lĩnh vực kinh tế;

- Tổng kết, đánh giá các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng, Nhà nước về kinh tế - xã hội; nghiên cứu các mô hình phát triển kinh tế trong và ngoài nước, rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất nhiệm vụ, thể chế, chính sách, mô hình kinh tế mới;

- Tham mưu về chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh tế.

- Tư vấn cho Đảng, Nhà nước, cơ quan thẩm quyền về các đề án, dự án kinh tế có ảnh hưởng lớn đến đời sống cộng đồng, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội.

3. Thực trạng nguồn nhân lực tham mưu cấp chiến lược về kinh tế của Việt Nam hiện nay

3.1. Số lượng

Theo Báo cáo của Chương trình nghiên cứu hợp tác giữa Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOIKA), Trường Đại học Yonsei (Hàn Quốc) và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (HCMIA) công bố năm 2016, Việt Nam có tổng số 237 cơ quan nghiên cứu và phát triển

thuộc Chính phủ; 207 trường đại học; nguồn nhân lực nghiên cứu và phát triển có 128.998 nhà nghiên cứu, trong đó có 112.190 người làm việc cho các cơ quan Chính phủ⁽⁵⁾. Công trình này chưa phân loại số lượng NNL TMCLKT và chưa tính đến nguồn nhân lực này làm việc cho các cơ quan của Đảng và tổ chức chính trị - xã hội. Theo tác giả bài viết được biết, đến nay, chưa có công trình nghiên cứu nào thống kê rõ về số lượng NNL TMCLKT ở Việt Nam. Điều này cũng có nguyên nhân từ việc xác định nguồn nhân lực này ở Việt Nam chưa rõ ràng. Tuy nhiên, với các số liệu chung trên, chúng ta có thể thấy so với các nền kinh tế phát triển, ở Việt Nam NNL TMCLKT đang trong thời kỳ hình thành và phát triển, mới chủ yếu từ thời kỳ Đổi mới nên số lượng còn ít kể cả về con người và tổ chức.

3.2. Chất lượng

Từ đầu thời kỳ tiền đổi mới cho đến suốt tiến trình đổi mới, Đảng và Nhà nước cũng như một số địa phương đã chú ý tập hợp được một nguồn nhân lực tham mưu cấp chiến lược về kinh tế nhiều tâm huyết, có chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới kinh tế. Đội ngũ này đã góp phần quan trọng tham mưu xử lý các vấn đề gây tắc nghẽn trong nền kinh tế; khơi thông thể chế,

(5) KOIKA, Yonsei University, Học viện CTQG Hồ chí Minh, Báo cáo nghiên cứu năm thứ nhất Việt Nam – Hàn Quốc-Phát triển nguồn nhân lực cấp cao nhằm nâng cao năng lực Nhà nước và phát triển bền vững, Hà Nội, 2016, Tr. 180-181.

Vấn đề 1: Hạn chế tiến bộ trong tăng cường nguyên tắc chế độ nhân tài.
Vấn đề 2: Chậm tiến độ trong tăng cường các yếu tố của hệ thống dựa trên chức vụ.
Vấn đề 3: Chưa có sự cải tiến đáng kể về lương và chính sách ưu đãi.
Vấn đề 4: Cải thiện đào tạo vẫn chậm chạp.
Vấn đề 5: “Hệ thống phụ thuộc kép” làm hạn chế việc quản lý nhân tài hiệu quả: Sự trùng lặp giữa các quy định của Đảng và Chính phủ khiến cho việc phát triển nhân lực công nghệ và cạnh tranh trở nên khó khăn hơn.

Nguồn: KOIKA, Yonsei University, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Báo cáo nghiên cứu năm thứ nhất Việt Nam – Hàn Quốc- Phát triển nguồn nhân lực cấp cao nhằm nâng cao năng lực Nhà nước và phát triển bền vững, Hà Nội, 2016, Tr.37.

chính sách, giải phóng sức sản xuất; mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, đáp ứng yêu cầu công cuộc Đổi mới đất nước.

Tuy nhiên, trước yêu cầu tình hình mới, chất lượng, năng lực của nguồn nhân lực tham mưu cấp chiến lược về kinh tế của Việt Nam bộ lộ những hạn chế cần khắc phục. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Nghị quyết số 26-NQ/TW) nhận định về đội ngũ cán bộ hiện nay: nhìn tổng thể, đội ngũ cán bộ thiếu những nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành trên nhiều lĩnh vực; năng lực chưa đồng đều, có mặt còn hạn chế, yếu kém; thiếu tính chuyên nghiệp, làm việc không đúng chuyên môn, sở trường; trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế còn nhiều hạn chế. Nhận định này cũng đúng với thực trạng NNL TMCLKT hiện nay⁽⁶⁾. Hơn nữa, NNL TMCLKT luôn gần với nhân lực nhân tài nhưng với tình trạng chảy máu chất xám nặng nề đi đôi với khả năng thu

hút nhân tài của Việt Nam hiện nay đang khó khăn đã gây tác động lớn đến chất lượng nguồn nhân lực này. Cũng theo Báo cáo nêu trên của KOIKA, các vấn đề nguồn nhân lực mà chính phủ Việt Nam phải đối mặt hiện nay là:

Nguồn nhân lực tham mưu cấp chiến lược về kinh tế gắn bó chặt chẽ với sự phát triển của các think tank. Tuy nhiên, số lượng think tank ở Việt Nam chưa nhiều, trong khi so với số lượng think tank của Hoa Kỳ đứng đầu với 1.871, tiếp theo là Ấn Độ: 509 và Trung Quốc: 507⁽⁷⁾. Số lượng think tank của Việt Nam được xếp hạng quốc tế còn rất khiêm tốn. Theo Bảng xếp hạng Global go to Think Tank Index năm 2019 của Đại học Pennsylvania (Hoa Kỳ), Việt Nam chỉ có 07 tổ chức think tank được công nhận và xếp hạng quốc tế⁽⁸⁾. Nhìn chung, vai trò của các think tank Việt Nam còn hạn chế do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân về hạn chế khung pháp lý, cơ chế, chính sách là chủ yếu.

3.3. Những vấn đề đặt ra cần

quan tâm

- Yêu cầu phát triển một nguồn nhân lực tham mưu cấp chiến lược về kinh tế của Việt Nam hiện nay là hết sức cấp bách. Tuy nhiên, thực tế nguồn nhân lực này cơ bản chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra;

- Phải xác định rõ vai trò, nhiệm vụ, chủ thể gắn với cơ

(6) Ban Chấp hành Trung ương (2018), Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/05/2018 - Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

(7) McGann, G., M., 2019 Global Go To Think Tank Index Report, University of Pennsylvania, Penn Libraries, https://repository.upenn.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1018&context=think_tanks, Truy cập 06/2/2021.

(8) McGann, G., M., 2019 Global Go To Think Tank Index Report, University of Pennsylvania, Penn Libraries, Bảng 10, 15, 20, https://repository.upenn.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1018&context=think_tanks, Truy cập 06/2/2021.

chế chính sách đúng để phát triển NNL TMCLKT trong tình hình mới với phương châm “*Đủ về số lượng, đa dạng về cơ cấu và ngang tầm về chất lượng*”;

- Khuyến khích, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực này đa dạng trong nhiều thành phần, bao gồm cả công và tư, trong và ngoài nước;

- Phát triển nguồn nhân lực này gắn với chiến lược quốc gia về thu hút, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài;

- Đảm bảo nguyên tắc đánh giá khách quan, cạnh tranh bình đẳng, sản phẩm chất lượng là căn cứ để lựa chọn, sử dụng NNL TMCLKT.

4. Một số nội dung, tiêu chuẩn, tiêu chí cơ bản về phát triển chất lượng nguồn nhân lực tham mưu cấp chiến lược về kinh tế của Việt Nam trong hội nhập quốc tế

Nguyễn Sinh Cúc (2014) đã giải thích nội hàm khái niệm phát triển nguồn nhân lực chính là sự biến đổi về số lượng, chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực⁽⁹⁾. Như vậy, phát triển NNL TMCLKT phải chú trọng đến cả ba yếu tố nêu trên, đảm bảo nguồn nhân lực này phải đủ về số lượng, có cơ cấu đa dạng và chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu tình hình hội nhập quốc tế.

- *Về số lượng*: Để đảm bảo chất lượng, trước hết NNL TMCLKT phải có số lượng đông đảo, bao gồm số làm việc làm việc chuyên và không chuyên; trong tổ chức biên chế và chuyên gia độc lập ngoài biên chế, không hạn chế về số lượng phát triển.

- *Về cơ cấu*: Nguồn nhân lực tham mưu cấp chiến lược về kinh tế phải có cơ cấu đa dạng, bao phủ hết các lĩnh vực kinh tế với nhiều thành phần tham gia, không phân biệt lịch sử xuất thân, quốc tịch, trong hay ngoài Đảng; khu vực công hay khu vực tư.

- *Về phẩm chất, năng lực*:

(1) Người cán bộ tham mưu cấp chiến lược về kinh tế phải có đạo đức tốt, không vi phạm pháp luật; tâm huyết với sự nghiệp Đổi mới, xây dựng đất nước, vì lợi ích cộng đồng, không vì lợi ích nhóm;

(2) Có tính độc lập, khách quan, nhất là trong tham mưu chủ trương, chính sách; không chịu tác động của sức ép dư luận, thành tích, kỳ bầu cử, nhiệm kỳ;

(3) Là những tài năng thực chất về chuyên môn kinh tế gắn với tri thức, kinh nghiệm và tư duy sáng tạo, gắn bó chặt chẽ với công việc nghiên cứu (nghiên cứu - tham mưu); có kiến thức kinh tế sâu rộng, có tầm nhìn toàn cầu; có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật tình hình, tri thức kinh tế thế giới mới; có tư duy sáng tạo gắn với thực tiễn sinh động;

(4) Có tài năng vượt trội trong cung cấp phân tích chính sách cho các nhà làm chính sách cao cấp; dự đoán, dự báo đúng sự thay đổi, đề xuất thể chế, chính sách thông minh; phương án xử lý, đối phó với khủng hoảng, tình trạng khẩn cấp nhanh nhạy, kịp thời, hiệu quả;

(5) Có khả năng thuyết phục cao, phản biện cái sai, bảo vệ

được cái đúng; có năng lực phát triển các chiến lược truyền thông và công bố những phát kiến mới, tạo ra sự ủng hộ của công chúng cho thay đổi chính sách;

(6) Thành thạo ngoại ngữ (nhất là tiếng Anh) và kỹ năng vi tính, khai thác Internet; đủ uy tín và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; đủ trình độ, năng lực, kỹ năng chủ trì hội thảo khoa học quốc tế, tham gia hội đàm, diễn đàn trong nước và quốc tế.

5. Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực tham mưu cấp chiến lược về kinh tế của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng với sự cạnh tranh trên lĩnh vực kinh tế ngày càng khốc liệt, sự bùng nổ của khoa học - công nghệ, và xu hướng quốc tế hoá nguồn nhân lực với cuộc chiến thu hút nhân tài giữa các quốc gia, các khu vực công - tư kéo theo nạn chảy máu chất xám của các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam đòi hỏi phải sớm có chiến lược đầu tư phát triển NNL TMCLKT một cách kịp thời. Bài viết này đề xuất với Đảng, Nhà nước một số giải pháp về cơ chế, chính sách để phát triển NNL TMCLKT của Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến

(9) Nguyễn Sinh Cúc (2014), “Nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực”, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/tu-dien-mo/item/788-nguon-nhan-luc-va-phat-trien-nguon-nhan-luc.html>, [truy cập ngày 08/02/2021].

năm 2045 như sau:

(1) Đảng xây dựng, ban hành Nghị quyết về phát triển NNL TMCLKT của Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó xác định rõ chủ thể, vị trí, vai trò, sứ mệnh và yêu cầu nhiệm vụ và giải pháp cơ bản phát triển nguồn nhân lực này của Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế;

(2) Chính phủ xây dựng, ban hành chiến lược phát triển một NNL TMCLKT của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế làm cơ sở cho xây dựng, ban hành một số chính sách quy định về lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực này trong thời gian 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

(3) Phát triển NNL TMCLKT gắn với chiến lược, cơ chế chính sách thu hút, lưu giữ và trọng dụng nhân tài; sớm xây dựng,

ban hành bộ tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, sát thực về nguồn nhân lực này theo từng loại vị trí cụ thể để áp dụng trong đánh giá, lựa chọn, thu hút, đào tạo, sử dụng, đãi ngộ ... Trước hết ưu tiên xây dựng các quy định về chuyên gia cao cấp, chuyên gia, nhà tư vấn; xếp hạng khách quan, độc lập chất lượng các tổ chức tư vấn, tham mưu;

(4) Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách tài chính, thu hút, ưu đãi các nguồn lực cho đầu tư phát triển NNL TMCLKT của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế;

(5) Xây dựng, ban hành cơ chế phát triển các tổ chức nghiên cứu - tư vấn, tham mưu cả trong và ngoài nhà nước với cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nghiên cứu làm và bán sản phẩm của mình theo đơn đặt hàng với sự cạnh tranh với các sản phẩm khác một cách bình đẳng để

ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn, tham mưu.

(6) Có cơ chế để mở rộng lấy ý kiến tư vấn, tham mưu rộng rãi với mọi tổ chức, cá nhân độc lập; đa dạng hóa ý kiến, phương án, kịch bản trong xây dựng chủ trương, thể chế, chính sách. Ghi nhận, tôn vinh, sử dụng, trả công xứng đáng cho những ý kiến có giá trị, được sử dụng theo quy định bản quyền sở hữu trí tuệ toàn cầu và cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

(7) Mở rộng mạnh mẽ hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, tư vấn, tham mưu, không phân biệt thành phần, lịch sử, tôn giáo, quốc tịch ... trong ý kiến tư vấn, tham mưu;

(8) Ưu tiên chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhân tài cho NNL TMCLKT của Việt Nam trong hội nhập quốc tế ■





HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG NỀN NÔNG NGHIỆP THỊNH VƯỢNG, NÔNG DÂN GIÀU CÓ, NÔNG THÔN VĂN MINH, HIỆN ĐẠI

● **NGUYỄN VĂN TIẾN**

Vụ trưởng Vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Kinh tế Trung ương

Năm 2020, một năm ngành nông nghiệp, nông thôn gặp nhiều khó khăn, thách thức trước thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh thương mại giữa các nước lớn.

Ngay từ đầu năm, trước nguy cơ và diễn biến hết sức phức tạp của đại dịch Covid-19, hầu hết các quốc gia trên thế giới thực hiện các biện pháp ngăn chặn, phong tỏa, phòng, chống dịch quyết liệt, làm đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu và gây ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tiêu thụ nông sản. Dịch tả

lợn châu Phi chưa được khống chế hoàn toàn, chưa có vaccine phòng dịch, gây không ít khó khăn cho tái đàn, tăng đàn lợn, cúm gia cầm có nguy cơ bùng phát. Lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn gây hậu quả nghiêm trọng ở khu vực miền Trung và vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn, các nước gia tăng áp dụng những biện pháp bảo hộ, hàng rào kỹ thuật gây khó khăn cho lưu thông hàng hóa xuất nhập khẩu.

Trong bối cảnh đó, thực hiện nhiệm vụ vừa phòng, chống tốt

dịch bệnh, vừa đảm bảo tăng trưởng phát triển, với sự nỗ lực của toàn ngành, nông nghiệp, nông thôn đã đạt được những kết quả tích cực, là trụ đỡ quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước.

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tiếp tục được triển khai thực hiện hiệu quả hơn theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, đảm bảo an ninh lương thực và phát triển bền vững:

- Tiếp tục tăng tỷ trọng các ngành, sản phẩm có lợi thế và thị trường như: Thủy sản (tôm

chân trắng); rau, quả; đồ gỗ và lâm đặc sản; tăng tỷ trọng hàng chất lượng cao trong tổng sản lượng sản xuất và hàng xuất khẩu. Sản xuất nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao, an toàn thực phẩm được ưu tiên; mở rộng, phát triển mạnh mẽ các vùng chuyên canh sản xuất, gắn với chế biến quy mô lớn, có truy xuất nguồn gốc, cấp mã số vùng trồng, chỉ dẫn địa lý, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Giá trị sản xuất toàn ngành năm 2020 dự kiến tăng 2,75% so với năm 2019, trong đó nông nghiệp tăng 2,7%, lâm nghiệp tăng 2,4%, thủy sản tăng 3,3%; GDP toàn ngành tăng 2,65%. Tỷ lệ che phủ rừng 42%; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới 62%; kim ngạch xuất khẩu toàn ngành 41,2 tỷ USD. Sản lượng lúa đạt 42,7 triệu tấn, đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước, chế biến, sử dụng làm thức ăn chăn nuôi và xuất khẩu.

- Công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản, công nghiệp phụ trợ phát triển nhanh. Số lượng nhà máy/cơ sở chế biến nông lâm thủy sản (NLTS) lớn khởi công mới, đi vào hoạt động trong 5 năm 2016-2020 là 67 nhà máy/cơ sở với tổng mức đầu tư khoảng 2,58 tỷ USD. Năm 2020, có 17 dự án với tổng mức đầu tư trên 20.000 tỷ đồng được khởi công, khánh thành, đi vào hoạt động, tăng 04 dự án so với năm 2019. Tạo bước đột phá về chế biến xuất khẩu, giúp nâng cao chất lượng, mẫu mã đa dạng, nâng cao giá trị hàng nông sản.

- Chất lượng sản phẩm,

vệ sinh toàn thực phẩm hàng nông sản ngày càng tốt hơn. Xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, nhất là cho các đô thị lớn. Tổ chức sản xuất theo hướng tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. Tăng cường sử dụng vật tư nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Đến nay, đã xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn với 1.642 chuỗi (tăng 122 chuỗi so với cùng kỳ năm 2019), 2.346 sản phẩm (giảm 35 sản phẩm so với cùng kỳ năm 2019) và 2.991 địa điểm bán sản phẩm đã kiểm soát theo chuỗi (giảm 276 địa điểm so với cùng kỳ năm 2019). Trong số các chuỗi nêu trên có sự tham gia của khoảng 100 hợp tác xã, 250 công ty, trong đó có một số tập đoàn, công ty lớn (Dabaco, Ba Huân, Saigon Coop, San Hà...) tham gia mô hình chuỗi.

- Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ và ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) trong toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị. Ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số, thông tin, viễn thông, viễn thám; nâng cao năng lực hệ thống quản lý nghiên cứu, chọn tạo sản xuất giống cây trồng vật nuôi. Trong năm 2020 đã có 10 giống cây trồng, vật nuôi và 20 tiến bộ kỹ thuật, quy trình công nghệ, giải pháp hữu ích được công nhận và chuyển giao ra sản xuất.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm tiếp tục được mở rộng, giá trị xuất khẩu nông lâm thủy

sản tiếp tục gia tăng trong điều kiện khó khăn. Chủ động giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ, xúc tiến thương mại các sản phẩm nông sản đặc sản địa phương. Hỗ trợ kết nối đưa nông sản vào các hệ thống siêu thị, như Big C, AEON, Hapro, Vinmart (mặt hàng vài thiểu, cá tra, cá lòng hồ và các sản phẩm thủy sản an toàn của Hợp tác xã). Mở cửa các thị trường xuất khẩu đối với nhiều sản phẩm xuất khẩu trọng tâm như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, EU và Trung Quốc..., thúc đẩy thương mại trước những khó khăn tại thị trường Trung Quốc do dịch bệnh. Xử lý, tháo gỡ khó khăn về rào cản của các thị trường nhập khẩu các sản phẩm trái cây, rau, gạo, chè, gỗ và sản phẩm từ gỗ...; giải quyết vướng mắc rào cản kỹ thuật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm (ATTP), kiểm dịch động vật và thực vật với các quốc gia như: Thái Lan, Trung Quốc, Australia, Hoa Kỳ, Liên minh EU, Indonesia, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan...đẩy mạnh xuất khẩu.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2020 đạt 41,2 tỷ USD, tăng 2,5% so với năm 2019; trong đó, các mặt hàng nông sản chính ước 18,54 tỷ USD, giảm 0,5%; thủy sản 8,47 tỷ USD, giảm 0,8%; lâm sản và đồ gỗ ước đạt trên 12,8 tỷ USD, tăng 13,4%; 05 mặt hàng có kim ngạch trên 03 tỷ USD: gỗ và sản phẩm gỗ đạt trên 12 tỷ USD; tôm đạt khoảng 3,66 tỷ USD; rau quả đạt gần 3,35 tỷ USD; hạt điều đạt 3,24 tỷ USD; gạo 3,07 tỷ USD. Thặng dư thương mại toàn ngành đạt 10,4 tỷ USD, tăng

6,5% so với năm 2019.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo đảm an toàn hồ chứa, công trình thủy lợi trước mùa mưa lũ. Xây dựng kế hoạch điều tiết nước các hồ chứa thủy điện, bảo đảm nguồn nước cung cấp cho cả vụ Hè Thu, Mùa năm 2020. Đến hết năm 2020, số lượng hồ chứa thủy lợi 6.750 hồ, với tổng dung tích hồ chứa đạt 14,500 tỷ m³, tăng thêm khoảng 1,3 tỷ m³ so với năm 2015, đảm bảo nước cho diện tích gieo cấy lúa đạt 7,5 triệu ha, đáp ứng 98% diện tích gieo trồng.

Trước những diễn biến bất thường, phức tạp, cực đoan của thiên tai làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sản xuất, tài sản của nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt là tại các tỉnh miền Trung, công tác chỉ đạo khắc phục hậu quả sau bão, lũ bằng các biện pháp cụ thể, hiệu quả đã giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra. Hỗ trợ khẩn cấp 1.250 tỷ đồng cùng nhiều trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho các tỉnh kịp thời

khôi phục đời sống, sản xuất ban đầu và để thúc đẩy phục hồi nông nghiệp sau lũ. Vận động các tổ chức quốc tế hỗ trợ và cam kết hỗ trợ gần 20 triệu USD cho miền Trung. Tuy nhiên, năm 2020 thiên tai đã làm 356 người chết và mất tích, 876 người bị thương; 3.427 nhà sập, 333.084 nhà bị hư hại, tốc mái; 511.172 lượt nhà bị ngập; 198.374 ha lúa và hoa màu bị thiệt hại; 51.923 con gia súc, 4,11 triệu gia cầm chết, cuốn trôi; 787 km đê kè, kênh mương bị sạt lở, hư hỏng; 272,5km bờ biển, sông, suối bị sạt lở. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 35.181 tỷ đồng.

Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo và an sinh xã hội nông thôn đạt được nhiều thành tựu nổi bật, vượt mục tiêu đề ra:

- Đến cuối năm 2020, cả nước huy động được khoảng **459.975 tỷ đồng** từ các nguồn lực để đầu tư thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Cả nước có 5.506 xã (62%) đạt chuẩn nông thôn mới; 173 đơn vị cấp

huyện, 12 tỉnh, thành phố có 100% số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân cả nước đạt 16,38 tiêu chí/xã; có 03 tỉnh (Nam Định, Đồng Nai và Hưng Yên) đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Thúc đẩy phát triển các ngành, nghề gắn với định hướng phát triển kinh tế nông thôn; chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh, phát triển các sản phẩm chủ lực theo 3 trục sản phẩm, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đã đạt được nhiều kết quả tích cực, có tốc độ phát triển mạnh mẽ, phát triển các sản phẩm chủ lực cấp địa phương, thúc đẩy ngành nghề tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Số lượng địa phương tham gia, số lượng, chất lượng sản phẩm OCOP liên tục tăng; đến hết năm 2020, cả nước có 63/63 tỉnh, thành phố phê duyệt Đề án, Kế hoạch OCOP cấp tỉnh; các địa phương



đánh giá, phân hạng và công nhận 3.200 sản phẩm OCOP (vượt 800 sản phẩm so với kế hoạch đề ra).

Giảm nghèo bền vững vùng nông thôn đạt nhiều kết quả: thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình 135, Chương trình giảm nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP đời sống người dân nông thôn được cải thiện, nâng cao cả về vật chất và tinh thần; đã bố trí sắp xếp ổn định khoảng 9.951 hộ thuộc Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng, ổn định dân di cư tự do và quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường.

Những vấn đề cần quan tâm tháo gỡ, khắc phục trong thời gian tới:

- Về nông nghiệp: Vẫn có nhiều yếu tố thiếu bền vững, tăng trưởng chưa vững chắc (nhiều năm thấp hơn mục tiêu 3,5 - 4% như Nghị quyết Trung ương 7 khóa X đề ra, năm 2020 tăng 2,65%), chưa đáp ứng được đòi hỏi của nền sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn và tiêu chuẩn cao từ thị trường quốc tế.

Công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, nhất là ở khâu bảo quản và chế biến sâu, tuy đã có rất nhiều kết quả, cố gắng; nhưng chưa đáp ứng yêu cầu cao của thực tiễn, công nghiệp phụ trợ chưa phát triển mạnh; tổn thất sau thu hoạch còn cao.

Liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị để thúc đẩy cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao giảm chi phí trung gian, nâng cao giá trị gia tăng chưa trở thành phổ biến. Đổi mới hợp tác

xã và phát triển hợp tác, liên kết sản xuất với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị chưa trở thành phổ biến, chưa đạt mục tiêu có 15 nghìn HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

Khả năng chống chịu của nông nghiệp còn hạn chế, dễ bị tổn thất lớn khi có thiên tai. Mặt khác tình trạng lạm dụng phân bón, kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật, sử dụng lãng phí nước còn diễn ra, dẫn đến chi phí sản xuất cao, gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm và ô nhiễm môi trường.

- Về nông thôn: cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; công nghiệp và dịch vụ phát triển chưa đủ mạnh để “hút” khu vực nông nghiệp chuyển dịch nhanh hơn.

Cơ sở hạ tầng giao thông,



thủy lợi, điện, y tế, giáo dục còn nhiều bất cập so với yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, cạnh tranh quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu. Khoảng cách chênh lệch về kết quả xây dựng nông thôn mới giữa các vùng, miền khá lớn; các vấn đề phát triển sản xuất, thu nhập, hạ tầng cơ sở, nhất là tình trạng môi trường nông thôn chưa chuyển biến rõ nét.

- Về thu nhập, đời sống người dân nông thôn: thu nhập và đời sống của phần lớn nông dân còn thấp so với khu vực thành thị; thu nhập của nông dân chỉ bằng 78% bình quân chung cả nước, chênh lệch thu nhập giữa các hộ nông thôn có xu hướng gia tăng. Tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn cao gấp 4 lần ở các thành thị, có nơi trên 30%, tập trung ở các vùng miền núi phía Bắc, duyên hải miền Trung, Tây nguyên. Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ tái nghèo bình quân chiếm 5,1% số hộ thoát nghèo.

Lao động nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lao động xã hội, chủ yếu làm thủ công nên năng suất lao động chưa cao, đang là áp lực lớn trong quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao đời sống người dân nông thôn.

Kiến nghị một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giai đoạn 2021 đến 2025:

- Tập trung rà soát, xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW Khóa X về nông nghiệp,

nông dân, nông thôn, trình Ban chấp hành Trung ương Khóa XIII ban hành Nghị quyết mới, định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống người dân nông thôn đến 2030, định hướng đến 2045. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách đất đai, tài chính, tín dụng, đầu tư đảm bảo hài hòa lợi ích nhà nước, doanh nghiệp, người dân nông thôn, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị trong nông nghiệp. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, trang trại, thúc đẩy liên sản xuất theo chuỗi giá trị thông qua sản xuất kinh doanh các sản phẩm chủ lực, ứng dụng công nghệ cao, áp dụng các quy trình sản xuất có chứng nhận, kết nối thị trường.

Tổ chức sản xuất theo hướng đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GAP, GMP, HACCP, ISO 22000...); kiểm tra, giám sát, vận động sản xuất kinh doanh nông sản an toàn sử dụng vật tư nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Nhân rộng các mô hình chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phát triển

nông thôn, nâng cao đời sống người dân nông thôn. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 theo hướng tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả, vì người dân nông thôn, đảm bảo tính bền vững, ưu tiên hỗ trợ các vùng khó khăn, vùng miền núi, biên giới, đồng bào dân tộc thiểu số.

Đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, hiện đại, tăng cường năng lực phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông nghiệp nông thôn theo hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, nâng cao thu nhập, đời sống của người dân nông thôn.

Với tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, văn hóa, sản phẩm nông nghiệp đa dạng, những kết quả đạt được trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới trong năm 2020 và mười năm vừa qua, những chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn đã được hình thành trong quá trình tổ chức Đại hội Đảng các cấp. Với sự chủ động, sáng tạo của toàn ngành và sự đồng lòng, hiệp sức của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn tới sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, hướng tới *xây dựng nền nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại* ■



Ngày 12/3, tại trụ sở cơ quan, Ban Kinh tế Trung ương đã tổ chức Hội nghị lấy ý kiến cử tri giới thiệu nhân sự tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV đối với đồng chí Trần Tuấn Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương. Đồng chí Nguyễn Hữu Nghĩa, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương chủ trì Hội nghị.

Ảnh: Thành Trung



Ngày 24/02, đồng chí Nguyễn Hữu Nghĩa, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương đã có buổi làm việc với đoàn công tác của một số tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) nhằm lắng nghe ý kiến của các tổ chức quốc tế về tình hình dịch Covid-19 cũng như dự báo về tình hình của Việt Nam trong năm nay, đồng thời tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế trong thời gian tới.

Ảnh: Thành Trung



Ngày 12/3, tại Hà Nội, Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với Viện Biển Đông, Học viện Ngoại giao tổ chức Tọa đàm khoa học với chủ đề “Những thách thức về an ninh chính trị ở biển Đông đối với phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng, an ninh của Việt Nam và giải pháp ứng phó”. Đồng chí Nguyễn Hồng Sơn, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương chủ trì buổi Tọa đàm.

Ảnh: Việt Dũng



Ngày 28/1, tại trụ sở cơ quan Ban Kinh tế Trung ương đã diễn ra Hội nghị Bàn tròn cấp cao trực tuyến về sản xuất thông minh với chủ đề “Đón đầu làn sóng đầu tư và phát triển nhà máy thông minh trong bối cảnh bình thường mới” do Ban Kinh tế Trung ương chỉ đạo và bảo trợ chuyên môn, Tập đoàn IEC và Tập đoàn Hewlett-Packard Enterprise (HPE) chủ trì tổ chức thực hiện.

Ảnh: Thành Trung